

ĐƯỜNG VỀ GIA NGHĨA

Kỳ 1

Chiến tranh Việt Nam chấm dứt đã gần nửa thế kỷ rồi. Nhưng đối với những cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa, thì kỷ niệm của những ngày gian khổ ấy không dễ gì có thể bị xóa nhòa trong ký ức của họ. Mỗi trang hồi ký của những người tham chiến chính là những tiểu đoạn của bộ phim dài ghi lại toàn bộ những gì đã xảy ra trong cuộc chiến đẫm máu kéo dài hai mươi năm trên đất nước chúng ta.



Gặp mặt đồng đội mới...

Sau chiến thắng Pleime 1974, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân của tôi được thưởng ba ngày nghỉ dưỡng quân tại hậu cứ. Hậu cứ của tiểu đoàn nằm ngay công vào Phi Trường Dân Sự Pleiku. Trong ba ngày 16, 17, 18 tháng 9 năm 1974 này, từ ông Đại úy Tiểu đoàn phó trở xuống đều được phép rong chơi trong phố, tới chiều thì về tập hợp, rồi được phân phối từng toán năm, bảy người, lên xe, đi dự tiệc do các hội đoàn Dân Chính hay Doanh Gia tư nhân của Thành phố Pleiku khoản đãi.

Riêng cá nhân tôi, Thiếu tá Vương Mộng Long, Tiểu đoàn trưởng, lại bận rộn đầu tắt, mặt tối, liên miên, suốt ngày.

Ngoài công việc thăm thương binh, thăm gia đình tử sĩ, ký phúc trình tôn thất, ký đề nghị thăng thưởng, tôi còn một công việc cấp thiết phải làm là “thăm vấn” những quân nhân vừa được bổ sung.

Theo thông lệ, mỗi khi có quân nhân mới đáo nhậm đơn vị, tôi phải đích thân tiếp chuyện quân nhân đó vài ba phút, để biết anh ta là người như thế nào, rồi sắp xếp cho anh ta vào vị trí thích hợp.

Kỳ này tiểu đoàn tôi được bổ sung 150 quân nhân, gồm có hai sĩ quan, hai hạ sĩ quan, số còn lại là tân binh quân dịch từ Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn chuyển tiếp cho Biệt Động Quân.

Nếu chỉ bỏ ra năm phút để tiếp xúc với một người, thì tôi cũng phải tốn ba buổi sáng, mỗi buổi bốn tiếng đồng hồ mới gặp đủ 150 ông Biệt Động Quân mới tới.

Ngày đầu tôi nói chuyện với những quân nhân này là 16 tháng 9 năm 1974. Đây cũng là ngày đã ghi lại vài kỷ niệm mà suốt đời tôi còn nhớ.

Người thứ nhất bước vào văn phòng là một thiếu úy từ Vùng 3 ra, anh ta tên Đặng Thành Học, quê quán Long An. Anh thiếu úy này trông đẹp trai như tài tử Anthony Perkins thời còn trẻ.

– Vì lý do gì chú bị đưa ra Vùng 2. Nhìn Học, tôi từ tốn hỏi.

– Dạ! Thưa Thiếu tá tui trình diện trễ sau khi mãn khoá Rừng Núi Sinh Lầy. Học vừa cười hì hì vừa trả lời tôi.

– Nếu không thích ở đây thì chú viết đơn khiếu nại, tôi sẽ chuyển tiếp và cho chú về liên đoàn, chờ quyết định của cấp trên. Ai không muốn làm việc với tôi, tôi sẵn sàng ký sự vụ lệnh hoàn trả, không lưu giữ. Đặc biệt là sĩ quan, tôi tuyệt đối dễ dãi, cho đi ngay!

– Thiếu tá cho tui ở đây với thiếu tá. Mắt nhìn ngay mặt tôi, miệng Học vẫn cười.

Tôi bắt tay Thiếu úy Học,

– Tôi biết chú đã từng làm đại đội trưởng, vậy thì ngay chiều nay chú thay Thiếu úy Lê Đình Khay chỉ huy Đại Đội 1. Ông Khay mới được gọi đi học khoá Rừng Núi Sinh Lầy, Dục Mỹ.

Từ ấy, Thiếu úy Đặng Thành Học trở thành một trong những đàn em thân thiết của tôi; Học đã cùng tôi chiến đấu quên mình trong suốt những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam.

Người thứ nhì giáp mặt tôi sáng hôm đó là Trung úy Võ Hữu Danh. Trung úy Danh là đàn em khoá 25 Võ Bị của tôi. Chú Danh đã nghe biết tên tôi từ trước ngày chú ấy nhận lệnh chuyển về đơn vị này. Do đó thời gian tiếp xúc với Danh không dài. Tôi cho

chú Danh coi Đại Đội 2 thay thế Trung úy Nguyễn Hữu Anh. Ông Anh vừa nộp đơn xin về phục vụ đơn vị địa phương nơi nguyên quán của ông ta.
Xem thêm: Đường về Gia Nghĩa (kỳ 5)

Tiếp theo là hai hạ sĩ quan, một trung sĩ người Quảng và một trung sĩ người Thượng.

Anh trung sĩ người Thượng vào trình diện trước. Anh này nước da đen đũi, nhỏ con nhưng dáng bộ rất lạnh lẽ.

– Trung sĩ Y Thon Nier trình diện ông thiếu tá.

– Ngồi xuống ghế đi! Trung sĩ từ đâu tới?

– Thưa ông Thiếu tá! Tui từ Tiểu Đoàn 22 tới.

– Lý do thuyên chuyển?

– Tui xin ông Đại tá! Ông Đại tá cho tui về ở với ông Thiếu tá!

– Tại sao Trung sĩ lại muốn về ở với Thiếu tá?

– Tui là lính của ông Thiếu tá mà! Tui thương ông Thiếu tá tui mới xin về 82.

– Trung sĩ là lính của Thiếu tá hồi nào? Thiếu tá không biết trung sĩ là ai cả!

– Thì năm 1971 tui là Binh nhất, lính của ông Thiếu tá ở Tiểu Đoàn 4 Mike Force đó!

Tôi ngẩn người.

– Vậy chứ mi ở đại đội nào?

Anh trung sĩ người dân tộc Ra Đê chột đứng dậy, bước tới trước bàn giấy của tôi; anh giơ hai bàn tay cháy nắng, sần sùi, vừa nắm, vừa bóp nhẹ bàn tay trái của tôi đang đặt trên bàn, rồi cúi mặt, sụt sịt khóc.

– Hồi đó ông thầy là Đại úy Tiểu đoàn trưởng của tui! Tui là lính tải đạn đại liên cho khẩu M60 của Đại Đội Chi Huy và Công Vụ. Ông thầy quên tui rồi sao?



Tôi bóp trán hồi tưởng lại chuyện bốn năm về trước. Lĩnh của tôi thời đó, chín mươi phần trăm là dân thiểu số với đủ thứ dân khác nhau, nào là người Ra Đê, người Ja Rai, người Stieng, người Ba Na, người Hời, người Nùng, người Thái, người Miên, anh nào trông cũng giống anh nào, khó mà phân biệt.

Mặt của hai ông sĩ quan người Thượng Ra Đê và ông hạ sĩ quan thường vụ tiểu đoàn người Chăm mà tôi còn không nhớ, thì làm sao tôi nhận ra anh binh nhứt vác đạn đại liên?

Nhưng nhìn vào bộ dạng chân chất, mộc mạc, vô tư của người lính Ra Đê này, tôi không đang tâm nói thật với anh ta rằng tôi không nhận ra anh ta là ai.

Tôi đành dối lòng, nghiêng đầu, gật gù, rồi dụi dàng nói với anh ta:

– Mi là thằng Thon tải đạn! Đúng rồi! Thiếu tá nhớ ra rồi! Thôi! Nín đi Thon!

Nghe được những lời này, mặt Y Thon Nier rạng rỡ hẳn lên, nó toét miệng, nhe răng ra cười, hàm răng của nó bị cà, chỉ còn một nửa chiều cao.

Tôi đứng dậy, nhìn vào khuôn mặt đen đũi, nhạt nhòa nước mắt của người đàn em mà lòng chợt thấy lâng lâng một cảm giác êm đềm pha lẫn chút ngậm ngùi.

Chắc thằng Thon cảm động lắm khi tôi gọi nó là “Thon” mà không gọi nó là “Y” hay “Nier” chỉ vì trong thời gian chỉ huy Tiểu Đoàn 4 Mike Force tôi đã học được chút ít về lịch sử các dân tộc thiểu số ở Cao Nguyên.

Người Ra Đê đa phần mang họ Nier, con trai thì có chữ lót là Y giống như dân người Kinh có chữ lót là Văn còn con gái có chữ lót là H’ hay Hờ, đồng nghĩa với chữ Thị của dân Kinh.

Ngày Tiểu Đoàn 4 Mike Force giải tán, tôi trở về Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 đảm nhận chức vụ Trưởng Phòng 2.

Tôi ra đi rồi, thì quân số của ba Đại Đội 1, 2, 3 trực thuộc Tiểu Đoàn 4 Mike Force được xé lẻ, bổ sung cho các Tiểu Đoàn 11, 22, 23 Biệt Động Quân. Riêng Đại Đội 4 của Trung úy Thuận được sáp nhập vào Đại Đội Chỉ Huy và Công Vụ của Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân.

Thời gian sau, tôi được thông báo rằng một ông cựu đại đội trưởng là Thiếu úy Ngọc tức Y Ngok Nier đã đào ngũ ngay sau khi trình diện Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân.

Ba ông khác là Trung úy Đức tức Y Dok Nier, Trung úy Thuận, và Trung úy Trình đã theo nhau đền nợ nước.

Ba năm đi qua, thuộc cấp cũ của tôi ở Tiểu Đoàn 4 Mike Force đã chết nhiều lắm rồi; không ngờ anh lính tải đạn đại liên vẫn còn sống; nay anh ta lại tìm tới đơn vị này để được ở với tôi.

Xem thêm: Đường về Gia Nghĩa (kỳ 8)

Thế là từ đây, với người lính Thượng này, không cần huấn luyện, không cần thử lòng, bên cạnh tôi đương nhiên có thêm một đồ đệ có thể tin tưởng được, có thể trông cậy được mỗi khi gặp cảnh hiểm nghèo.

Tôi dang tay vỗ nhẹ nhẹ lên vai Thon rồi ôn tồn:

– Xuống tìm gặp Thiếu úy Lý Ngọc Châu, bổ sung cho tiểu đội cận vệ!

Suốt thời gian mười năm chỉ huy đơn vị, tôi chưa từng đem một người lính nào về làm việc nhà. Nhưng đi hành quân thì vây quanh tôi có nhiều người lắm!

Hiện thời, tháng 9 năm 1974, những người này được đặt dưới quyền chỉ huy của một ông chuẩn úy, sau là thiếu úy, tên ông ấy là Lý Ngọc Châu. Ông Châu bằng tuổi tôi; ông là một thầy giáo ở Nam Vang, Cao Miên. Thời người Việt bị “cấp duồn” ông đem gia đình bỏ chạy về Sài Gòn. Về nước ông Châu bị gọi nhập ngũ vào Trường Thủ Đức học một

khoá quân sự để làm chuẩn úy. Mãn khoá ông bị “Cọp liếm” phải ra đơn vị Biệt Động Quân. (Cọp liếm: Tiếng lóng, có ý nói gia nhập binh chủng Biệt Động Quân)

Qua một trận đánh, tôi thấy ông chuẩn úy này quờ quạng quá, nếu để ông ta ở vị trí tác chiến thì không sớm thì chầy, ông ta cũng đền nợ nước, nên tôi cho ông ấy đảm nhận chức vụ sĩ quan Phòng thủ của tiểu đoàn.

Dưới quyền ông Châu có 11 ông lính, lo công tác canh gác đêm, ngày, lo cả công tác lều võng và cơm nước cho tôi.

Nay tôi tăng cường thêm anh Trung sĩ Y Thon Nier, xạ thủ súng M79, thế là ông Châu có 12 thuộc hạ.

Người trình diện kế tiếp là một trung sĩ người Kinh gốc Quảng Nam. Anh trung sĩ này mặt mày sáng sủa và trắng trẻo như một thư sinh, tôi thấy mặt anh ta có vẻ quen quen.

– Trung sĩ Nguyễn Minh trình diện thiếu tá!

– Ngồi xuống ghế đi Minh! Hình như tôi có gặp anh ở đâu đó rồi?

– Năm 1972 Thiếu tá còn là Đại úy Trưởng Phòng 2, em là hạ sĩ quan mật mã của Đại Đội Truyền Tin Biệt Động Quân/Quân Khu 2. Ngày nào em cũng gặp Thiếu tá trong Trung Tâm Hành Quân của Bộ Chỉ Huy.

– Lý do gì cậu bị xuất ngành Truyền Tin phải ra tác chiến?

– Dạ! Em cũng chẳng biết vì răng mà em bị cho xuất ngành. Em có mẹ già và ba đưa em nhỏ ở Nghi Xuân. Em đã làm đơn xin về phục vụ Tiểu Khu Quảng Đức nhưng chưa biết kết quả.

– Vậy cậu về Đại Đội Công Vụ ở tạm với Thiếu úy Hoàng, anh sẽ sắp xếp lại sau.

Trung sĩ Minh vừa khuất bóng thì Trung sĩ Đốc, hạ sĩ quan quân số rời bàn làm việc bước tới, trình cho tôi một văn thư mật. Trên văn thư có ghi rõ ràng lý lịch của Trung sĩ Minh: Anh này vốn là một hạ sĩ quan mật mã của Đại Đội Truyền Tin Biệt Động Quân/Quân Khu 2. Anh ta có thân nhân đi tập kết năm 1954.

Lý do chuyển chuyển: Vì nghi ngờ có dính dáng tới những tiết lộ đặc lệnh truyền tin trong thời gian gần đây nên An Ninh Quân Đội đề nghị đưa Trung sĩ Minh ra đơn vị tác chiến.

Trung sĩ Minh ở Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân được hai tháng thì tiếp tục bị chuyển tiếp tới Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân của tôi.

Tiếp đó, tôi phải tạm ngừng công tác tiếp xúc những quân nhân vừa đáo nhiệm để tiếp chuyện hai người đàn bà, thân mẫu của hai Biệt Động Quân trong đơn vị.

Bà thứ nhất là phu nhân của Thiếu tá Lê Văn Ky, nguyên là Tham mưu trưởng Tiểu Khu Quảng Đức. Bà cụ nghe tin tiểu đoàn của con bà vừa trải qua một trận chiến thập tử nhất sinh, nên vội vàng bay từ Sài Gòn ra Pleiku để năn nỉ tôi cho phép con bà khởi tác chiến vì anh ta là đứa con trai độc nhất của ông bà.

Xem thêm: Đường về Gia Nghĩa (kỳ 6)

Con trai của vợ chồng Thiếu tá Lê Văn Ky là Chuẩn úy Lê Văn Phước, Trung đội trưởng Trung Đội 2, Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Bà thứ nhì là một láng giềng của gia đình tôi ở Ban Mê Thuật. Bà cụ mới theo chuyến xe đò sớm nhất sáng nay từ Ban Mê Thuật tới đây.

Nước mắt ngấn dài, bà cụ vừa khóc vừa kể lể rằng chồng bà đã qua đời, bà chỉ có hai mẹ con, nếu con bà cứ tiếp tục ra trận mà có mệnh hệ nào, chắc bà sẽ không còn muốn sống nữa.

Con bà cụ này là Trung sĩ Lê Văn Bình đang giữ chức tiểu đội trưởng trực thuộc Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Nhìn những giọt nước mắt theo nhau lăn trên gò má nhăn nheo của hai bà cụ, tôi hồi tưởng lại, ngày xưa, năm 1966, khi tôi còn là một thiếu úy vừa ra trường, mẹ tôi cũng lo lắng mất ăn, mất ngủ nhiều ngày, sau khi tôi thoát chết trong trận Tháp Bằng An, Vĩnh Điện, Quảng Nam.

Và tôi cũng biết rằng trong thời gian 33 ngày đêm giao tranh diễn ra ở Pleime hồi tháng 8 vừa qua, chắc mẹ tôi cũng lo lắng không thua gì hai bà mẹ đang ngồi trước mặt tôi đây.

Thời buổi chiến tranh, mẹ của chú Phước, mẹ của chú Bình, cũng như mẹ tôi, và những bà mẹ của các chiến binh Việt Nam Cộng Hòa khác, đã phải sống với nỗi phập phồng, lo âu, ngày này, qua ngày khác, suốt tháng, quanh năm. Nước mắt chảy xuôi. Trên cõi đời này, không ai thương con bằng mẹ!

Trước khi tiễn chân mẹ chú Phước và mẹ chú Bình ra khỏi phòng, tôi đã hứa:

– Cháu không đủ quyền hạn để cho hai em làm công việc không tác chiến được. Nhưng cháu hứa rằng, cháu sẽ cho hai em làm việc ở bộ chỉ huy tiểu đoàn, dưới quyền trực tiếp của cháu.

Từ ngày đó Chuẩn úy Lê Văn Phước được giữ chức Phụ tá Ban 3 Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, dưới quyền Trung úy Trần Dân Chủ; Trung sĩ Lê Văn Bình được giao nhiệm vụ phụ tá khẩu đội trưởng súng cối 81ly của Thượng sĩ Nguyễn Văn Năng.

Ăn cơm trưa xong, tôi trở lại công tác “thăm vấn” lý lịch những đồng đội mới.

Theo thứ tự A, B, C thì anh tân binh có tên Nguyễn Văn Bính là người lính đầu tiên được ông Trung sĩ Nguyễn Phương Hoàng đưa vào phòng.

– Em là Bính nhì Nguyễn Văn Bính, trình diện Thiếu tá ạ!

– Chào anh Bính! Ngồi xuống ghế đi! Tôi ra lệnh.

– Dạ! Vâng ạ! Em xin phép ạ! Bính lễ phép, khép nép ngồi xuống ghế.

Vừa nghe tiếng anh tân binh này đối đáp vài câu, tôi bỗng giật mình, lạnh gáy. Giọng nói Bắc Kỳ của anh Bính này khác hẳn giọng nói của dân Bắc Di Cư năm 1954. Tôi cũng là dân Bắc Di Cư, nên tôi nhận ra ngay, anh tân binh này không phải là người xuất xứ từ Hồ Nai, Gia Kiệm, Cái Sắn, hay Blao.

Tôi đã từng là một sĩ quan Tình Báo đảm trách rất nhiều cuộc thăm vấn tù binh ngoài mặt trận; tôi chắc chắn rằng anh tân binh trước mặt tôi chính là một cán binh cộng sản mới từ Miền Bắc xâm nhập vào. Không biết vì nguyên do nào mà anh ta lại trở thành một anh lính Việt Nam Cộng Hòa?

Thời đó dân Tình Báo Chiến Trường chúng tôi thường gọi giọng nói của các cán bộ Trường Sơn là “Tiếng Bắc Xâm Nhập”.

Sau năm 1975, thì dân chúng Miền Nam gọi thứ tiếng nói này là “Tiếng Bắc 75”.

Tôi bước vội ra cửa hắt hàm cho Hạ sĩ Nguyễn Ba; chú Ba nhanh nhẹn kẹp khẩu M16 trấn giữ sát cửa văn phòng ngay.

Nhìn mặt anh tân binh vừa hiện ra nét lo lắng, trong trí tôi chợt nảy ra một diệu kế. Tôi liền chụp cái gạt tàn thuốc lá bằng sứ giơ lên cao khỏi đầu rồi đập mạnh xuống mặt bàn.



Sau tiếng “Chát!” chói tai. Tôi quát lớn:

– Anh ở Đoàn Xâm Nhập nào? Vào Nam ngày nào? Khai ra mau!

Không ngờ đòn đánh phủ đầu bất ngờ của tôi có hiệu quả ngay! Nghe tiếng hét của tôi, tân binh Nguyễn Văn Bính bỗng co rúm người trên ghế, hai đầu gối run run đập vào nhau lia lịa:

– Trình “Thủ trưởng” em là chiến sĩ Đặc Công vừa ra trường được đưa vào bổ sung cho Đội Đặc Công Nội Thành Thành phố Sài Gòn!

Ngay lúc này, Hạ sĩ Ba và Binh Nhút Bích đã nhanh chân chạy vào đứng thủ thế hai bên bàn giấy, ghì súng sẵn sàng.

Mặt anh tân binh bắt đầu ướt đẫm mồ hôi. Anh ta run lập cập:

– Trình “Thủ trưởng” em đi lạc, bị lính bắt vào trại huấn luyện rồi đưa lên đây!

Thấy Bính có vẻ không có gì là nguy hiểm, tôi ra lệnh:

– Thằng Ba và thằng Bích ra cửa gác được rồi! Còn chú Bính thì cứ bình tĩnh, anh không làm gì để chú phải lo sợ. Chú cứ từ từ kể cho anh hay, vì sao chú lại có mặt ở đây?

Nghe tôi ôn tồn dịu giọng, anh tân binh đã bớt run. Anh ta xoa hai tay vào nhau liên tục, rồi bắt đầu kể cho tôi nghe.

Nguyễn Văn Bính sinh năm 1956 tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Hưng, vào bộ đội năm 17 tuổi. Theo học Trường đào tạo chiến sĩ Đặc Công ở Sơn Tây. Mãn khoá học, Bính được lệnh đi B tạm dừng tại Binh Trạm T9, rồi được tách ra, phân phối cho Biệt Đội Đặc Công Nội Thành ở Sài Gòn.

Tháng 4 năm 1974 trong khi theo chân một nữ cán bộ giao liên trên đường từ Tân Cảng tới Chợ Lớn thì y bị lạc. Bính lang thang suốt đêm trong khu Phạm Ngũ Lão và Ga Sài Gòn tìm dấu người đưa đường nhưng vô vọng. Bốn giờ sáng thì y bị Tuần Cảnh Hỗn Hợp Đô Thành bắt gặp. Sau khi khai tên tuổi, hôm sau y bị chuyển sang Trung Tâm Quản Trị Trung Ương, rồi đưa ra máy bay chở lên Dục Mỹ vào học lớp tân binh trong Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn.

Sau trận Pleime, vì nhu cầu quân số, Binh nhì Nguyễn Văn Bính đã được bổ sung cho Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân của tôi.

Chuyện nghe tưởng như đùa! Nhưng đây là chuyện trăm phần thật!

Sau khi nghe hiểu hết nguồn cơn, tôi đổi giọng, thật nghiêm nghị, nói với Bính:

– Chuyện đã rõ ràng như thế thì tôi chỉ có thể chuyển anh sang An Ninh Quân Đội, từ đó anh sẽ được đưa vào trại giam Tù Phiến Cộng, sống chung với các đồng ngũ của anh đã bị chúng tôi bắt trước đây.

Bính nhìn tôi khản khoản:

– “Thủ trưởng” có thể giúp em, bỏ qua chuyện lý lịch, cho em ở với “Thủ trưởng” được không?

Trước yêu cầu của anh cán binh cộng sản Nguyễn Văn Bính, tôi ngạc nhiên:

– Anh muốn ở lại với chúng tôi sao?

– Vâng! Em muốn lắm ạ!

Tôi đổi giọng ôn tồn trở lại:

– Trong thời gian mấy tháng vừa qua, sống dưới chế độ Cộng Hòa, chú thấy thế nào?

– Dạ! Em thấy ở trong Nam sướng hơn ở ngoài Bắc.

– Được rồi! Tôi sẽ cho chú làm đơn xin “Cải danh Hồi Chánh”, Chú sẽ được tiếp tục sống dưới chế độ Cộng Hòa.

Khi nào chú được chấp thuận là Hồi Chánh Viên, chú xin gia nhập Biệt Động Quân, anh sẽ tiếp nhận chú về tiểu đoàn này.

Từ chiều 16 tháng 9 năm 1974, sau khi cho xe giải giao Nguyễn Văn Bính cho Ty An Ninh Quân Đội Pleiku, tôi không còn biết tương lai của anh ta ra sao.

o0o

Giã biệt Pleiku...

Ngày 19 tháng 9 năm 1974 hết hạn nghỉ dưỡng quân, tôi được lệnh dẫn đơn vị vào vùng Tây Pleiku tăng phái cho Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân của Trung tá Hoàng Thọ Nhu.

Tôi và Trung tá Nhu quen biết nhau từ năm 1971, khi ông Nhu còn mang lon Thiếu tá từ Sài Gòn ra Pleiku thay thế ông Thiếu tá Vũ Quốc Khánh để giữ chức vụ Tham mưu trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2. Thời gian này tôi cũng vừa nhận chức Trưởng Phòng 2.

Tôi và ông Nhu đã làm việc chung trong một thời gian khá dài.

Tôi biết, nhờ sự giúp đỡ của Đại tá Lê Khắc Lý, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 thời gian đó, mà cuối năm 1971 ông Nhu được vinh thăng trung tá.

Ông Nhu coi tôi như em, chúng tôi nói năng chẳng cần giữ gìn, câu nệ.

Tính nết của tôi ngỗ ngáo, ương ngạnh thế nào, ông Nhu đã biết.

Năm 1972 tôi và Trung tá Hoàng Thọ Nhu đều có dịp thuyền chuyển khỏi Vùng 2; ông Nhu đi làm Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân, còn tôi cũng từ giã Pleiku, lên đường về Sài Gòn theo học khoá 3/72 Bộ Binh Cao Cấp.

Nhưng dun rủi làm sao, chúng tôi ra đi một thời gian ngắn, lại tái ngộ, lại cùng làm việc với nhau thêm một thời gian nữa ở Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 dưới quyền Đại tá Phạm Duy Tất.

Ngày ông Nhu ra nhận chức Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân, sau này cải danh thành Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân, ông cũng rủ tôi đi theo, nhưng tôi chối từ.

Tới khi Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân được thành lập, thì tôi vào Pleime giữ chức Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân trực thuộc Liên Đoàn 24.

Đã có mấy lần ông Nhu nài nỉ Đại tá Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 bắt tôi hoán chuyển nhiệm vụ với Đại úy Nguyễn Lạn để tôi về làm việc với ông, nhưng tôi không đồng ý.

Trưa 19 tháng 9 năm 1974 đoàn xe Quân Vận chở chúng tôi tới vùng hành quân của Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân.

Bộ Chỉ Huy Hành Quân của Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân tọa lạc trên một bãi đất trống cách Đồi 37 Pháo Binh không xa. Vị trí này được một đại đội Biệt Động Quân và một chi đội chiến xa M41 bảo vệ.

Vừa xuống xe, tôi đã bị Trung tá Nhu kéo tay dẫn vào hầm riêng của ông ấy:

– Anh xin chú tăng cường cho anh mấy ngày, trong thời gian đó tiểu đoàn của chú sẽ thay thế Thằng 11 giữ núi Chi Kara. Thằng 11 sẽ thế chỗ cho Tiểu Đoàn 1/41 để tiểu đoàn này trở về với Sư Đoàn 22 Bộ Binh. (Thằng 11: Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân).

Trên phóng đồ hành quân, khu vực trách nhiệm của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân sẽ là một vùng có chiều ngang 3 cây số, chiều dài 10 cây số, kéo dài từ vị trí Bộ Chỉ Huy Hành Quân của Liên Đoàn 23 cho tới làng Plei De Chi ở hướng Tây.

Tôi thấy những vị trí mà tôi có nhiệm vụ kiểm soát chỉ nằm loanh quanh dưới chân núi Chi Kara, chứ không có điểm chốt giữ nào trong khu vực bình nguyên bao la trước mặt.

Thì ra thời gian này các đơn vị phòng thủ chỉ co cụm phòng thủ các cao điểm cố định, ai ở đâu cứ ở yên nơi đó chờ địch tới thì đánh.

Tôi thở ra nhẹ nhàng, vì thấy nhiệm vụ của mình thật là khỏe re!

Ngồi chơi trong hầm của Trung tá Nhu vài phút, tôi từ giã ông, rồi đi vào phòng hành quân liên đoàn để bắt tay những anh em đang làm việc ở đây. Trước năm 1970 tôi đã từng là một sĩ quan tham mưu của liên đoàn này.

Khi lui ra để chuẩn bị di chuyển, tôi lấy làm lạ là ông Liên đoàn trưởng cứ theo sát bên tôi như bóng với hình, nên thắc mắc:

– Sao Trung tá cứ đi theo tôi hoài? Ông có gì cần nói không?

Ông Nhu khẽ liếc mắt cho tôi đi theo ra cổng căn cứ. Ông hát cầm về hướng Bắc để tôi nhướng mắt nhìn theo. Trung tá Nhu nói nhỏ:

– Trước mặt chú là Đồi 631. Thằng Lạn đánh mất ngọn đồi này đã năm ngày rồi, nhưng anh chưa báo cáo với quân đoàn! Anh nhờ chú lấy nó lại có được không? (Thằng Lạn: Đại úy Nguyễn Lạn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân)

Tôi vừa ngạc nhiên vừa phẫn nộ:

– Ông nói cái gì lạ thế? Mất một cái tiền đồn đã năm ngày mà không tái chiếm, không báo cáo, vậy ông còn chờ cái gì nữa?

Trung tá Nhu đưa tay lên che miệng tôi, không cho tôi to tiếng để tránh cho người khác nghe.

– Tao còn phải chờ xem mấy thằng lính đóng chốt trên đó có còn sống không rồi mới báo cáo. Báo cáo sớm thì thằng Lạn lại bị phạt. Bị phạt mãi thì làm sao nó cất đầu lên được?

Tôi bình tâm trở lại, thấy lời ông Nhu cũng có lý. Đại úy Nguyễn Lạn là bạn cùng khóa của tôi, chậ vật bao năm mà anh ấy vẫn còn đeo cái lon đại úy.

Tướng Tư Lệnh Quân Khu 2 Nguyễn Văn Toàn mà biết chuyện mất tiền đồn, lính giữ đồn mất tích, thì hình phạt của ông ấy chắc chắn sẽ không nhẹ hơn 40 Trọng Cấm.

Nếu không có chiến công, cứ chờ thăng thưởng thường niên thì người mang trên vai 40 Trọng Cấm sẽ chẳng bao giờ có hy vọng.

Nghĩ lại, tôi thấy thương hại anh Nguyễn Lạn, tôi cũng thông cảm cho nỗi khó xử của Trung tá Nhu.

Trung tá Nhu cho tôi biết rằng, hôm qua, trên đường từ Pleiku vào Thanh An trực thăng của Đại tá Phạm Duy Tất Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 đã phát hiện ra một toán lính Biệt Động Quân làm dấu cấp cứu trong vùng rừng thưa cách núi Hàm Rồng khoảng gần mười cây số về hướng Tây–Bắc.

Ông đại tá đã đáp xuống cứu được bảy ông Biệt Động Quân sắp chết đói, đang lang thang tìm đường về Pleiku.

Bảy ông lính này là quân nhân của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân đóng chốt trên Tiền đồn 631.

Các ông lính này khai rằng giữa đêm 15 tháng 9 năm 1974 họ bị một đơn vị cấp đại đội Việt cộng tấn công, tràn ngập vị trí, phải rủ nhau bỏ chốt tìm đường thoát thân.

Chuyện mất tiền đồn, chuyện cứu được bảy ông Biệt Động Quân thất lạc đã được giấu nhẹm, chỉ có mấy vị chỉ huy Biệt Động Quân biết với nhau thôi!



Trung tá Nhu cầm tay tôi năn nỉ:

– Chú mày giúp anh một lần này thôi, mình là anh em mà!

Nhìn bộ dạng thảm hại của ông anh, tôi cảm lòng không đậu:

– Được rồi, chiều nay tôi trả lời.

Tôi dẫn quân đi đã xa mà ông Nhu còn đứng nhìn theo.

Việc chuyển quân, thay chốt, diễn ra không lâu hơn hai tiếng đồng hồ.

Tôi chẳng lạ gì địa thế Pleiku, do đó công tác thiết trí phòng thủ, yểm trợ hoàn tất rất nhanh.

Đứng trên một mỏm đá cao, với cái ống nhòm, tôi quan sát ngọn đồi trước mặt. Đồi này có cao độ 631 mét nên được đặt tên là Tiên đồn 631. Đồi 631 nằm sát lằn ranh Bắc của khu vực mà tôi chịu trách nhiệm.

Tiên đồn này cách Tỉnh lộ 565 đúng ba cây số về hướng Bắc. Muốn tới đó ta cứ đi thẳng hướng 360°, theo con đường xe be, vượt hai cái bình nguyên cỏ tranh và hai con suối nhỏ là tới mục tiêu.

Sau khi quan sát kỹ, tôi thấy đỉnh đồi đã bị khai quang trọc lóc, rất dễ bị lộ, địch không thể đặt súng phòng không để không chế không phận Tây–Nam Pleiku.

Theo tôi, về mặt chiến thuật, vị trí này chỉ có giá trị một đài quan sát. Tôi đoán chắc rằng, lực lượng địch đóng trên tiên đồn này nhiều lắm là một tiểu đội là cùng.

Ba giờ chiều, tôi ra lệnh cho toán Viễn Thám 822 của Hạ sĩ Nguyễn Ba chuẩn bị một ngày ăn rồi cùng tôi và một toán cận vệ xuống núi. Tôi vào tới hầm trú ẩn của ông Liên đoàn trưởng thì Trung tá Nhu đã chờ sẵn. Kế hoạch tái chiếm Đồi 631 của tôi thật là giản dị.

Ngay khi trời sập tối, toán Viễn Thám 822 sẽ mở đường, dẫn theo một trung đội của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. Tới chân đồi thì trung đội của Tiểu Đoàn 11 dừng lại, ém quân chờ. Toán 822 tiếp tục tiến theo kỹ thuật trinh sát. Chiếm lĩnh xong mục tiêu, sáng hôm sau Toán 822 sẽ bàn giao cao điểm này cho trung đội của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân.

Mười phút sau khi có lệnh của ông Liên đoàn trưởng, một trung đội của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân được gửi tới. Trung đội trưởng trung đội này là Thượng sĩ Phan Thành, người Huế.

Thay vì đứng nghiêm trình diện tôi, Thượng sĩ Thành lại chạy tới ôm tôi thật chặt, miệng anh ta rói rít:

– Ông thầy! Ông thầy cho em về 82 với ông thầy đi! Ông thầy ơi!

Tôi vừa cười hì hì, vừa lắc đầu:

– Ông Vua Xóc Dĩa ơi! Tôi đem ông về 82 để ông bán hết sản nghiệp của tiểu đoàn rồi đem đặt vào chiếu bạc thì chúng tôi chết hết mất!

Trung tá Nhu trở mắt đứng nhìn. Ông chẳng hiểu vì sao mà một tay cứng đầu, sừng sỏ, mặt lạnh như tiền là tôi mà lại thân thiện, vui vẻ, bá vai, bá cổ một anh thượng sĩ các kè tên là Phan Thành của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân.

Ông Nhu có biết đâu tôi và chú Thành đã trải qua nhiều năm chia ngọt, sẻ bùi, chung sống với nhau.

Từ tháng 2 năm 1966 tôi đã có mặt ở Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. Tới năm 1969 thì tôi là sĩ quan kỳ cựu nhất của đơn vị này.

Trong thời gian tôi chỉ huy Đại Đội 3/11 rồi chỉ huy Đại Đội 1/11 thì anh Phan Thành là lính của Đại Đội 2/11.

Thành đánh giặc thật gan lì, nhưng lại mắc cái tật ham mê cờ bạc. Trong trại gia binh, anh ta là tay chuyên môn cầm cái cho các sòng xóc đĩa.

Tôi khoái cái phong cách gan lì trong chiến trận của Thành, nhưng không thể chấp nhận những hình ảnh bê tha trên chiếu bạc của chú ấy; vì thế, đã nhiều lần Thành xin về làm việc với tôi, tôi đều thẳng thừng từ chối.

Sau khi giới thiệu Hạ sĩ Nguyễn Ba với Thượng sĩ Phan Thành, tôi đứng giảng giải căn kế nhiệm vụ hành quân đêm nay của hai người rồi hỏi:

– Có gì thắc mắc không?

– Dạ! Thưa không!

Hai thuộc cấp của tôi vừa trả lời xong, thì tôi quay qua nói với Thành:

– Bao giờ chú mi bỏ được cái tật đồ đen, anh sẽ cho chú mi theo anh.

(còn tiếp...)

Kỳ 2
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long



Thành gãi đầu:

– Trình Thái Sơn, em đã thử nhiều lần lắm rồi mà chưa bỏ được. Kỳ này gặp lại ông thầy, nghe ông thầy khuyên bảo, em sẽ cố gắng thêm! Chắc chắn em sẽ làm được!

Trong khi ngồi chờ giờ xuất phát, tôi hỏi thăm Thành về gia đình chú ấy.

– Thế nào? Cô vợ 16 tuổi người Blao của chú bây giờ ra sao?

Bất ngờ bị tôi nói trúng tim đen, Phan Thành trở mặt:

– Ít ai biết vợ em lấy em khi mới 16 tuổi. Làm sao Thái Sơn lại biết chuyện này?

– Năm 1968 ở Blao, trên cái giấy cho phép con gái vị thành niên lấy chồng của ông bố vợ chú có chữ ký của người làm chứng là Trung úy Vương Mộng Long! Bố vợ chú là bác Phát làm nghề hái trà ở Tân Hóa. Vợ chú là bạn thân của cô Sen, con gái bác Tần!

Nghe tôi trả lời, Thành ngẩn người ra một phút rồi cầm tay tôi lắc lắc mấy cái:

– Vậy mà em không biết chuyện này! Phải công nhận rằng không có việc gì xảy ra ở Tiểu Đoàn 11 mà qua được đôi mắt của Thái Sơn.

Một phút sau, Thành cúi mặt, rầu rầu:

– Tui em đã có hai đứa con, một trai, một gái. Cháu lớn lên ba, cháu nhỏ mới thôi nôi. Ông cụ thân sinh của vợ em vừa qua đời năm ngoái.

Nghe Thành nói, tôi không khỏi ngậm ngùi nhớ tới ông bạn già làm nghề hái trà ở Tân Hóa. Mỗi lần tôi đi qua trước cửa, ông đều niềm nở mời tôi vào nhà uống trà và nói chuyện thời sự cho vui. Ông già goá vợ, có ba cô con gái, không có con trai. Vợ của chú Thành là người con lớn nhất.

Trước giờ toán Viễn Thám 822 và trung đội của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân xuất phát, tôi cho lệnh Đại Đội 3/82 của Thiếu úy Hồ xuống núi, đóng quân trong vòng rào kẽm gai của Liên Đoàn 23. Nếu tình hình biến chuyển không êm xuôi, quân tiền phương chạm địch nặng, thì tôi sẽ cùng Đại Đội 3/82 và chi đội chiến xa M41 lên tiếp cứu.

Tối đó tôi và Trung tá Nhu ngồi hút thuốc chờ tin bên hai cái máy vô tuyến trong hầm trú riêng của ông.

Khoảng 9:00g đêm có tiếng ì ầm của lựu đạn nổ từ hướng Đồi 631. Hai phút sau, một hỏa châu cầm tay được phóng lên trời, đây là dấu hiệu của 822 báo đã chiếm xong mục tiêu.

Suốt đêm, Toán 822 đã tắt máy để tránh bị lộ, nhưng tôi yên chí rằng toán này không bị thiệt hại gì.

6:00g sáng ngày 20 tháng 9 tắt cả các đài vô tuyến của các đơn vị tham chiến đều lên máy. Một giờ sau thì trung đội của Tiểu đoàn 11 Biệt Động Quân hoàn tất công tác trải quân phòng thủ Tiền đồn 631.

Chưa tới 8:00g sáng ngày 20 tháng 9, Toán 822 về tới chân núi Chi Kara, tôi và Đại Đội 3/82 đang chờ ở đây.

Trưa 20 tháng 9 Trung tá Hoàng Thọ Nhu gọi máy cho tôi để thông báo rằng ông sẽ gửi cho Hạ sĩ Nguyễn Ba và hai anh Viễn Thám viên của Toán 822 mỗi người 5 nghìn đồng và một Bằng Tưởng Lược Cấp Trung Đoàn.

Ngày hôm đó Trung Tâm Hành Quân của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II được tin báo rằng trong đêm 19 tháng 9 Tiền đồn 631 đã bị một đại đội địch tấn công, quân trú phòng đã anh dũng đẩy lui quân địch, địch phải rút lui và để lại... nhiều vũng máu.

Chiều hôm đó tôi xuống núi, ghé thăm Trung tá Nhu. Ông Nhu úp mở:

– Anh có lệnh trả chú lại cho ông Ván. Hình như chú sắp nhận lệnh đi xa. Chắc đi khỏi đây rồi, chú sẽ nhớ Pleiku lắm nhỉ?

Nói xong câu này ông Nhu nhìn tôi, cười hóm hỉnh.

Tôi không rõ ông niên trưởng này có ý gì, nên uống hết ly trà, tôi đứng lên cáo từ.

Đêm 20 tháng 9 năm 1974, khuya lắm rồi, mà tôi vẫn còn ngồi trên mỏm đá cao, bên sườn núi Chi Kara nhìn về Pleiku. Đèn Pleiku rực sáng một vùng trời.

Tôi đã là cư dân của Pleiku một thời gian gần mười năm dài. Tôi đâu biết rằng hai ngày nữa tôi sẽ phải đem quân xa rời nơi ấy. Tôi cũng không ngờ, xa Pleiku lần này, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân sẽ chẳng bao giờ quay trở lại...



Chiến trường réo gọi...

Chiều 21 tháng 9 tôi được lệnh rút về Pleiku. Hai Tiểu Đoàn 63 và 81 Biệt Động Quân cũng vừa được triệu tập về đây một ngày trước đó.

Tối 21 tháng 9 Đại tá Từ Vấn, Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân gọi điện thoại báo cho tôi biết có lệnh cho liên đoàn chuẩn bị đi khai thông Liên tỉnh lộ 8B để giải tỏa áp lực địch trên đoạn đường từ Đức Lập tới Gia Nghĩa.

Chúng tôi có trọn ngày 22 tháng 9 để tái trang bị và tiếp tế, sáng 23 tháng 9 năm 1974 chúng tôi lên đường. Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đi trên những chiếc xe dẫn đầu của đoàn công voa.

Vì Quốc lộ 14 bị Việt cộng quấy rối vùng Bắc Đèo Tử Sĩ nên chúng tôi phải rẽ vào Liên tỉnh lộ 7B rồi quẹo phải, đi qua Thuận Mãn, tiến tới Buôn Blech rồi nhập vào Quốc lộ 14. Vì thế, chúng tôi tốn nhiều thời gian hơn là đi thẳng từ Phú Nhơn.

Chiều ngày 23 tháng 9 năm 1974 chiếc xe cuối cùng của chúng tôi có mặt ở Ban Mê Thuột. Toàn thể quân nhân của liên đoàn và đoàn xe chuyên chở chúng tôi đều tập trung trong khuôn viên doanh trại của Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân.

Sau khi sắp xếp nơi ăn ngủ cho anh em, tôi lên xe về nhà. Nhà tôi nằm trên đường Hàm Nghi, cách hậu cứ Liên Đoàn 21 chừng một cây số. Trời sắp tối xe của tôi mới ngừng trước cổng. Vợ tôi ít khi đi ra ngoài, nên nàng không biết Liên Đoàn 24 đã vào thành phố từ lúc ban trưa. Từ tháng 4 tới nay, đã gần nửa năm, sau khi tham dự hai trận đánh ác liệt nhất năm 1974 của Vùng 2, tôi mới có dịp ghé thăm nhà.

Cũng như bao lần trước, mỗi khi tôi từ mặt trận trở về, vợ tôi đều vòng tay ôm tôi, mặt nàng úp vào ngực tôi, những ngón tay nàng liên tục nhịp nhịp nhẹ nhẹ sau lưng tôi, miệng nàng không ngừng thì thầm, “Minh ơi! Minh ơi! Minh ơi!”

Ôm hôn vợ xong, tôi quay sang bỗng đưa con gái nhỏ nhất. Bé Tiên Giao của tôi sinh ra đúng ngày Căn cứ 711 do Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân và Chi Đoàn 3/19 trấn giữ đã bị Sư Đoàn 320A của cộng sản tấn công và tràn ngập. Hôm đó tôi đã trải qua một trận đánh xáp lá cà. Vừa thoát ra khỏi vòng vây, tôi được Đại tá Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 đang bay trên trời thông báo rằng:

“Ông già vợ của chú vừa báo cho ta hay, vợ chú vừa đẻ đứa con gái thứ ba!”

Tiếp đó là trận Pleime 33 ngày đêm dầm mưa, đội pháo. Mãi tới giờ này, tôi mới có dịp ôm trong tay đứa con bé bỏng của tôi. Vợ tôi ôm vai tôi, rồi đưa tay vỗ nhẹ nhẹ vào mông em bé:

– Bé Tiên Giao hay khóc giữa đêm, em phải lấy cái áo mayor của mình đắp cho con, con hết khóc.

Vợ tôi thường nghe các cụ nói rằng, khi em bé đi ngủ, thì lấy áo của bố nó đắp cho nó, nó sẽ ngủ yên. Tin lời các cụ, nên vợ tôi vẫn làm như thế...

*Võng đong đưa, sợ con trẻ giật mình,
Em ủ cho con hơi ấm áo anh... –(Thơ Vương M Long)*

Không biết có phải cái tình phụ tử vô hình đã báo cho con tôi biết rằng bố nó đang ôm nó hay không, mà con bé cứ quơ quơ hai bàn tay tí hon, mồm mĩm của nó sờ sờ, vuốt vuốt, mặt bố nó.

Đôi mắt con bé tròn xoe, mở lớn, miệng nó cứ, “bi bô, bi bô”, ra chiều đang vui thích lắm. Hai đứa chị nó, một đứa ba tuổi, một đứa lên hai, cũng cố lấn vào ôm chân bố, chờ bố chúng nó cúi xuống vỗ về...

Tính nhảm lại, tôi được gần vợ, gần con chỉ vài giờ đồng hồ, vì chưa tới 4:00g sáng hôm sau tôi đã phải thức dậy, thay quần áo rồi vào trại kiểm quân, chuẩn bị lên đường.

Tôi lên xe, các con tôi còn say ngủ. Sau lưng tôi, chỉ có đôi mắt của người vợ trẻ đôi trông theo... Đời chiến binh, hạnh phúc gia đình của chúng tôi được tính từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây... Đêm hôm đó, trên trời Ban Mê Thuột, sương mù đã che khuất mảnh trăng non.

*Đoàn quân xa đi ngang qua thị xã,
Áo trận hoa rừng phủ đầy đất đỏ,
Ta ghé thăm Em và Bé mới ra đời.
Em cười, giọt nước mắt trên môi lăn vội.
Ta chỉ biết nói lời xin lỗi!
Đã để cho Em một mình đi biển mò côi...
Ta ôm con vào lòng, bé bỏng con tôi!
Ta chỉ bên Em, bên con, vài giờ ngắn ngủi.
Chiến trường sục sôi, chiến trường réo gọi...
Đoàn quân xa lại vội vã lên đường,
Để lại Bé, để lại Em và thành phố sau lưng...
Tuổi trẻ, một thời để yêu
Tuổi trẻ, một thời để chết
Mùa Xuân ra đi biển biệt...
Ngày xanh, tuổi trẻ của ta...
Ta đã cho quê hương tất cả! -(Thơ Vương M Long)*

8:00g sáng ngày 24 tháng 9 năm 1974, đoàn công voa chuyên quân khởi hành, dẫn đường là hai chiếc xe V100 của Tiểu Khu Darlac (Darlac là tên trước 1975, sau 1975 là Dak Lak) kế đó là chiếc Jeep của tôi. Thời gian này gia đình binh sĩ của Liên Đoàn 24 còn ở Pleiku, nên hai bên đường chúng tôi đi qua, không có ai vẫy tay chào tạm biệt.

oOo

Vào vùng...

Trưa 24 tháng 9, đoàn xe chuyển quân tạm dừng trước cổng Chi Khu Đức Lập vài chục phút đồng hồ để các sĩ quan chỉ huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân vào quận đường nhận lệnh hành quân từ ông Đại tá Phạm Văn Nghìn, Tỉnh trưởng, kiêm Tiểu khu trưởng Tiểu Khu Quảng Đức. Trong thời gian chúng tôi họp ở hội trường của Quận Ly Đức Lập thì anh em binh sĩ tản vào các quán xá hai bên đường nghỉ mệt.

“Tổng thống ra lệnh, trong vòng hai tuần lễ, chúng ta phải khai thông Liên tỉnh lộ 8B để tiếp tế cho Quảng Đức và Phước Long. Tôi cho Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân thời gian ba ngày để chuẩn bị, sau đó phải hoàn tất công tác này trong mười ngày!”

Sau khi lớn tiếng kết thúc buổi họp hành quân, ông tỉnh trưởng vội vã cất bước ra đi, mà chẳng thèm bắt tay giã từ ai.

Ngay sau đó, Đại tá Từ Vấn đứng dậy giơ hai tay lên trời:

– Ông Liên đoàn phó và ba ông Tiểu đoàn trưởng ngồi lại đây bàn chuyện, các sĩ quan khác giải tán.

Hai phút sau khi ông Đại tá Nghìn khuất dạng, trong hội trường chỉ còn lại năm sĩ quan của Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân là Đại tá Từ Vấn, Liên đoàn trưởng, Trung tá Hoàng Kim Thanh, Liên đoàn phó, Thiếu tá Trần Đình Đàng, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân, Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân, và tôi, Thiếu tá Vương Mộng Long, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Chúng tôi chưa kịp ngồi xuống ghé thì Đại tá Vấn đã lớn tiếng phân công:

– Kỳ này Tiểu Đoàn 63 sẽ đảm nhận vai trò nỗ lực chính, dồn sức búng các chốt chặn hướng Tây tỉnh lộ; Tiểu Đoàn 81 có nhiệm vụ thám sát mặt lộ, rà mìn, và đặt các trạm an ninh; Tiểu Đoàn 82 vừa đánh Pleime xong, có nhiều tân binh mới được bổ sung, chưa quen chiến trận, sẽ đi sau bộ chỉ huy liên đoàn, và là thành phần trừ bị.

Lệnh hành quân sẽ được đánh máy và gửi cho các đơn vị ngay chiều nay.

Sau đây, tôi nhờ Trung tá Liên đoàn phó trông coi liên đoàn giùm tôi, tôi có việc phải bay về Sài Gòn, ba ngày nữa tôi sẽ ra chỉ huy. Thôi! Giải tán!

Sau đó bộ chỉ huy liên đoàn và hai tiểu đoàn bạn xuống xe, tạm trú trong vòng đai Quận Đức Lập. Riêng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, vì là thành phần trừ bị, nên tiếp tục hành trình, để chiếm lĩnh đầu cầu, đồng thời cũng là tuyến xuất phát.

Điểm tới của đơn vị tôi sẽ là Căn cứ Hỏa lực Đạo Trung. Tới ngã ba Dak Son tôi dừng xe để hỏi thăm tin tức của đơn vị giữ đường. Ông chỉ huy đơn vị khai lộ đang nằm trên cái võng tòn ten dưới bóng cây, nghe biết tôi đang tìm ông ta thì ông ta vội vã chạy ra đường:

– Chào niên trưởng, niên trưởng có khỏe không?

Thì ra đơn vị giữ đường ngày hôm đó là Tiểu Đoàn 3/53 Bộ Binh của Thiếu tá Cao Mạnh Nhân, Nhân là Võ Bị khoá 21, đàn em của tôi.

– Đường từ đây vào Đạo Trung có yên không chú? Tôi hỏi Nhân.

– Bảo đảm trăm phần trăm! Em giữ đường! Niên trưởng yên chí! Thiếu tá Nhân nhìn tôi, rồi vừa cười vừa nói.

Trong trận Pleime 33 ngày đêm hồi tháng 7 và 8 vừa qua, đơn vị của chú Nhân là một trong hai tiểu đoàn của Trung Đoàn 53 Bộ Binh vào giải vây cho tôi.

Tiểu Đoàn 1/53 bị thiệt hại nặng, Tiểu đoàn trưởng là Đại úy Nguyễn Dương Lâm, khoá 19 Võ Bị tử trận.

Tiểu Đoàn 3/53 của Thiếu tá Cao Mạnh Nhân cũng phải bỏ chạy cùng với Bộ Chỉ Huy Nhẹ của Trung Đoàn 53 Bộ Binh do Trung tá Trần Nguyên Khoa, khoá 18 Võ Bị chỉ huy.

Ngồi chơi với chú Nhân vài phút, tôi cho lệnh tiếp tục.

Còn cách Căn cứ Đạo Trung gần một cây số tôi cho xe ngừng lại, mọi người xuống đi bộ; đoàn xe trống trở đầu, quay về Đức Lập.

Căn cứ Hỏa lực Đạo Trung nằm trên một ngọn đồi trọc, ngay một khúc quanh của Liên tỉnh lộ 8B.

Hiện thời căn cứ này có 4 khẩu 105ly và do một Tiểu đoàn Địa Phương Quân giữ an ninh. Vị Tiểu đoàn trưởng Địa Phương Quân này là Thiếu tá Bùi Ngọc Long chuyên ngành từ Lực Lượng Đặc Biệt. Tôi chỉ nhớ mang máng rằng ông thiếu tá này tốt nghiệp khoá 5 hay khoá 6 Thủ Đức.

Thiếu tá Bùi Ngọc Long cũng là dân Bắc Di Cư, lớn hơn tôi cả chục tuổi. Ông khuyên tôi nên cẩn thận khi di chuyển hay đứng trên các mô đất cao, vì ở đây ngày nào cũng bị địch bắn tỉa. Địch ở cách ta chỉ một con suối và một cái thung lũng cạn. Bên kia thung lũng trên mặt đường xe be, sát bìa rừng còn vài cái xác của chiến sĩ bộ binh bị bỏ lại, trong đó có một chuẩn úy.

Tôi chọn vị trí đóng quân cho hai Đại Đội 1/82 và 3/82 cùng Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 82 là một ngọn đồi nhỏ và hẹp nằm bên hướng Tây của Liên tỉnh lộ 8B và cách vị trí pháo binh ba trăm mét về hướng Bắc.

Ngọn đồi này có lợi thế nguy trang vì có cây cao che khuất tầm nhìn từ xa của địch. Bên trái ngọn đồi này là một thông thủy tuy không sâu lắm, nhưng dốc hơi đứng, rất khó xung phong. Chỉ còn một hướng chính Bắc là cần chốt chặn nơi ngã ba giao tiếp liên tỉnh lộ và con đường xe be. Ông Đại úy Tiểu đoàn phó cùng với hai Đại Đội 2/82 và 4/82 sẽ trấn thủ cái ngã ba này.

Bộ quân xong, tôi đang ngồi trên bãi cỏ ven đường chuẩn bị mỗi một điều thuốc lá thì một quân nhân tới đứng nghiêm chào xin trình diện. Người này chính là anh Trung sĩ Nguyễn Minh, mới được bổ sung. Minh vừa xoa hai bàn tay vào nhau, vừa cười cầu tài, rồi năn nỉ tôi:

– Nhà em ở Nghi Xuân, sau chuyển hành quân này Thái Sơn du di cho em nghỉ vài ngày thăm nhà.

Tôi gật đầu:

– Nơi này cách Nghi Xuân hơn mười cây số thôi, nhưng đường lại bị Việt cộng đóng chốt. Chờ hôm nào búng xong mấy cái chốt, trên đường về Gia Nghĩa anh sẽ thả chú xuống, cho chú ghé thăm gia đình vài bữa.

– Cảm ơn Thái Sơn!

Minh lí nhí, chào tôi rồi lui về khu trú quân của đơn vị anh ta.

Hai phút sau Trung sĩ Minh quay trở lại, anh ta có vẻ như muốn nói với tôi chuyện gì đó.

Tôi mở lời:

– Gì đó Minh?

Minh gãi đầu, cúi gằm mặt xuống, miệng lí nhí:

– Dạ! Em muốn trình bày với Thái Sơn một chuyện.

– Có gì cứ nói đi! Tôi từ tốn.

Minh rụt rè nhìn tôi rồi ấp úng:

– Trình Thái Sơn! Em không phải là nội tuyến đâu! Em bị nghi oan!

Tôi lấy làm lạ, tại sao Trung sĩ Minh lại tự ý tới gặp tôi để nói chuyện này, vì tôi có để lộ cho anh ta biết rằng tôi đã đọc biết lý lịch của anh ta đâu?

– Nội tuyến cái gì? Ai nói chú là nội tuyến mà chú phải phân trần với anh?

– Dạ! Em nghe mấy anh bạn trong ban Truyền Tin của Liên Đoàn 23 nói rằng em bị xuất ngành vì bị tình nghi làm nội tuyến.

– Chắc tụi nó đồn bậy đó! Đừng có lo nghĩ gì cho mệt xác! Ở đây có anh! Anh tin rằng chú không làm bậy là được rồi!

– Em cảm ơn Thái Sơn!

Miệng trả lời tôi mà đầu Minh vẫn cúi nhìn xuống đất. Vài phút sau anh trung sĩ ngừng mặt lên, tôi thấy hai dòng nước mắt đang lăn xuống má anh ta.

Tôi chợt thấy lòng xót xa. Người đứng trước mặt tôi không thể là một tay giỏi đóng kịch. Những giọt nước mắt kia chắc chắn là kết quả của những ưu tư, lo sợ, muộn phiền, và uất ức tạo nên.

Tôi chỉ tay xuống bãi cỏ trước mặt:

– Chú ngồi xuống đây anh có chuyện cần hỏi.

Minh từ từ ngồi xuống trước mặt tôi. Tôi bắt đầu tìm hiểu con người trước mặt với câu:

– Trước khi đi lính, chú có gia nhập đảng phái hay đoàn thể nào không?

– Dạ không! Em học xong chương trình Đệ Nhất Cấp thì đi làm thợ hàn để giúp đỡ mẹ em. Tới năm 1971 em xin được cái Chứng Chỉ Đệ Nhị rồi tình nguyện theo học khoá Hạ sĩ quan của trường Đồng Đế. Ra trường, em được chọn về Biệt Động Quân, rồi bị đưa đi Vũng Tàu, thụ huấn lớp hạ sĩ quan Truyền Tin. Mãn khoá học, em được phân phối về Đại Đội Truyền Tin của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2, dưới quyền Đại úy Táo. Ngày đó Thái Sơn còn là Đại úy Trưởng Phòng 2.



Cựu Thiếu tá Trần Đình Đàng và cựu Thiếu tá Vương Mộng Long – 2004 USA

Tôi đổi đề tài:

– Thân nhân của chú có ai đi tập kết không?

– Trình Thái Sơn! Bố em đi tập kết năm em vừa lên bốn. Em còn hai đứa em, một đứa em trai sinh năm 1952, một đứa em gái sinh năm 1953. Em không nhớ bố tên gì. Em đã nhiều lần thắc mắc với mẹ nhưng mẹ cứ trả lời rằng mẹ đã quên rồi! Trên giấy tờ thì mẹ khai tụi em có cha vô danh nên tụi em mang họ mẹ. Hiện thời mẹ em và hai em của em sinh sống ở Nghi Xuân. Gia đình em vào đó từ thời cụ Diệm thành lập các khu Dinh Điền.

Tôi hỏi tiếp:

– Ở Đại Đội 2 Truyền Tin chú giữ công việc gì?

– Em là hạ sĩ quan mật mã, mỗi ngày em mã hoá các công điện gửi đi, giải mã các công điện mật từ nơi khác chuyển về.

– Chú có vào máy chuyển công điện hằng đêm, hằng ngày hay không?

– Dạ không! Từ tháng Giêng 1972 cho tới ngày có lệnh ra Liên Đoàn 23. Ban ngày em chỉ làm công tác chuyên môn, ban đêm em phải trực gác pháo đài hay cổng chính của đại đội.

Tôi vỗ vai Minh ôn tồn:

– Được rồi! Anh sẽ giải oan cho chú! Chú về lều đi! Đừng lo nghĩ gì nữa!

Sở dĩ tôi quả quyết người hạ sĩ quan này không phải là kẻ gian chỉ vì ngay từ đầu, tôi chưa cật vấn, anh ta đã thành tâm, tự ý cho tôi biết gia phả của anh ta.

Anh ta không phải là người trực tiếp chuyển công điện; nếu anh ta muốn chuyển tin cho địch bằng phương cách khác thì cũng vài ba ngày sau, tin mới tới tay người nhận.

Trong khi đó thì, hằng đêm, các đài kiểm thính của ta đều báo cáo rằng Việt cộng có trong tay toàn bộ điểm đóng quân đêm của các đơn vị Biệt Động Quân Vùng 2 chỉ vài giờ sau khi Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 gửi bản tổng kết lên Quân Đoàn II.

Trước đây, mỗi lần về Pleiku, tôi thường vào gặp Đại tá Tất để lưu ý ông chuyện này. Ông Tất đã ra lệnh cho Phòng An Ninh của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 mở những cuộc điều tra theo dõi những kẻ tình nghi.

Đã xảy ra nhiều chuyện thay đổi nhân sự ở các phòng, ban liên quan tới đặc lệnh truyền tin hay khoá mật mã.

Trung sĩ Nguyễn Minh và một vài nhân viên văn phòng khác đã bị xuất ngành và thuyên chuyển lâu rồi, mà tình trạng tin tức bị tiết lộ vẫn còn tiếp tục thì nhất định người chuyển tin cho địch vẫn chưa bị phát giác.

Tôi có cảm tưởng rằng, tên nội tuyến ấy vẫn còn sống phây phây đâu đó ngay trong Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 ở Pleiku chứ không đâu xa.

Bốn mươi năm sau chiến tranh, ở Mỹ, qua điện thoại, ông Cựu Chuẩn tướng Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 than phiền với tôi rằng ông không ngờ viên Đại úy Đại đội trưởng Đại Đội Truyền Tin Biệt Động Quân/Quân Khu 2 lại là một thượng úy nội tuyến của Việt cộng!

Trong hai ngày 25 và 26 tháng 9 có ít nhất năm, sáu vụ bắn tỉa nhắm vào Căn cứ Đạo Trung. Về phía Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân không có đe dọa gì. Có thể vì chúng tôi tới đây bằng chân, không có xe cộ rầm rộ, nên địch chưa phát giác ra vị trí trú quân của tôi. Lý do thứ nhì là anh em chỉ nấu nướng một lần vào lúc chạng vạng tối, sương mù che khói lửa, địch không nhìn ra.

Trưa ngày 27 tháng 9 năm 1974 Đại tá Từ Vấn đáp xuống mặt tỉnh lộ, cách lều của tôi vài chục thước.

Sau ba ngày nghỉ phép đặc biệt ở Sài Gòn, ông Vấn đã bay ra Nhơn Cơ bằng Air Việt Nam rồi nhờ trực thăng của Đại tá Nghìn để tới đây.

Máy bay vừa trở đầu cất cánh thì phòng không Việt cộng đã “Choang choác!” từ khe suối bên hướng Tây bắn sang. Ông đại tá chạy vội vào lều của tôi rồi lấy máy truyền tin của tôi để ban lệnh cho các đơn vị thuộc quyền. Nửa giờ sau, bộ chỉ huy Tiểu Đoàn Địa Phương Quân của Thiếu tá Bùi Ngọc Long phải di chuyển sang trú quân trên một ngọn đồi ở hướng Đông liên tỉnh lộ để nhường chỗ cho Biệt Động Quân thiết lập Bộ Chỉ Huy Hành Quân của Liên Đoàn 24. Trong khi các quân nhân Biệt Động Quân đang căng võng đào hầm, thì đạn đại bác của Cộng quân từ hướng Tây ào ào bay tới. Gần hai chục viên 105ly đã rơi trên mặt Liên tỉnh lộ 8B, may mắn là không có ai bị thương.

Chiều 27 tháng 9 năm 1974 tôi được lệnh sang Căn cứ Đạo Trung để họp hành quân.



Trong phòng họp chỉ có năm người cầm đầu liên đoàn. Đại tá Liên đoàn trưởng mở đầu buổi họp với giọng thật là nhỏ nhẹ:

– “Tông Tông” bắt tội mình phải khai thông con đường này trước ngày lễ thành lập Quân Đoàn II để ông ra thăm Pleiku và Quảng Đức, rồi gắn huy chương cho các chiến sĩ hữu công. Ông Nghìn cho mình 10 ngày, nhưng tôi thấy, nếu cố gắng, mình có thể hoàn tất công việc này trong vòng một tuần. (Tông Tông: Tổng Thống)

Nghe ông Liên đoàn trưởng ban lệnh, tôi nhớ lại, trong buổi họp hành quân cách đây ba ngày thì, Tiểu Đoàn 63 sẽ là nỗ lực chính, còn Tiểu Đoàn 82 là thành phần trừ bị, tôi bèn giơ tay vỗ nhẹ lên vai Thiếu tá Trần Đình Đàng, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân, để an ủi:

– Ông tổng thống ra lệnh hoàn thành công tác trong vòng 2 tuần lễ, tức là 14 ngày, ông tỉnh trưởng rút xuống còn 10 ngày, ông Liên đoàn trưởng trả giá thấp chút nữa thành... 7 ngày! Thế thì kỳ này niên trưởng Đảng của tôi hơi mệt đó!

Tôi kêu Thiếu tá Trần Đình Đảng là “niên trưởng” chỉ vì ông thiếu tá này xuất thân từ khoá 15 Đà Lạt, ngang vai với các ông thầy dạy tôi trong trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Nào ngờ tôi vừa dứt lời, Đại tá Từ Vấn đã giơ tay, quơ quơ trước mặt:

– Khoan! Khoan! Các ông im lặng nghe tôi nói đây! Lệnh hành quân bây giờ đổi lại là, Tiểu Đoàn 82 sẽ đảm nhận vai trò nỗ lực chính, dồn sức búng các chốt chặn hướng Tây tỉnh lộ; Tiểu Đoàn 81 có nhiệm vụ thám sát mặt lộ, rà mìn, và đặt các trạm an ninh; Tiểu Đoàn 63 vì có ông Tiểu đoàn trưởng mới từ Vùng 3 chuyển chuyên ra, chưa quen địa thế Vùng 2 nên được đi sau bộ chỉ huy liên đoàn, và là thành phần trừ bị!

Tôi sững người ngồi im không phản ứng ngay được. Sao lại có chuyện kỳ vậy nè? Rõ ràng ba ngày trước ông Vấn nói, vì chúng tôi mới bị vây lâu ngày, có nhiều người chết và nhiều người bị thương chưa xuất viện, nhiều tân binh vừa bổ sung chưa quen trận mạc, nên ông ta cho 82 làm trừ bị, nay chẳng hiểu vì duyên cớ gì mà đột nhiên ông ta đổi ý bắt 82 làm nỗ lực chính?

Tôi đứng dậy, trợn mắt nhìn Đại tá Vấn, rồi lớn tiếng:

– Ba ngày trước Đại tá cho tôi làm trừ bị, ba ngày sau ông lại bắt tôi “húc”, ông làm cái gì mà kỳ vậy?

Thấy tôi nổi đóa, Đại tá Từ Vấn bèn ra dấu cho hai vị Tiểu đoàn trưởng kia lui ra rồi đầu dụ:

– Không phải trận này anh cố ý ép Long. Chỉ vì anh biết khả năng hai ông Tiểu đoàn trưởng kia không thể hoàn thành công tác đúng thời hạn mà tổng thống giao, rồi cuối cùng chú vẫn phải vào trận. Chỉ bằng anh giao việc này cho chú ngay từ đầu.

Tôi vùng vằng bước ra khỏi phòng họp, cúi đầu đi về lều, không thèm đôi co thêm tiếng nào.

Lúc đó mặt tôi nóng bừng bừng, hai tay run lên vì giận. Rõ ràng ông Vấn là một cấp chỉ huy không công bằng! Trận Pleime tiểu đoàn tôi chịu trận hơn một tháng trời, bị chết chóc, thương tật cả trăm người, Tiểu Đoàn 81 đánh nhau vừa đúng một ngày thì tan hàng, bỏ chạy, Tiểu Đoàn 63 từ ấy tới nay không phải bắn một phát súng nào vì cứ núp ở đàng sau xa.

Nay thấy lệnh của tổng thống ban ra, các ông chỉ huy sợ không hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ bị khiển trách nên bắt Tiểu Đoàn 82 “húc” tiếp!

Tới sẩm tối, thằng Bích vào báo cho tôi hay Trung tá Liên đoàn phó đang đứng dưới đường chờ vào gặp tôi có việc cần. Tôi bảo nó:

– Mi xuống nói với ông trung tá rằng thiếu tá mệt, đi ngủ rồi!

Vừa lúc đó Trung tá Hoàng Kim Thanh đã chui vào lều, ngồi nơi đầu võng của tôi, vừa cười vừa nói:

– Bớt nóng đi chú em! Anh sang nói chuyện với chú vài phút, nghe xong, chắc chú sẽ hết giận ngay thôi!

Tôi miễn cưỡng ngồi dậy:

– Anh có gì cần thì nói đi! Tôi bực cái ông Vấn này quá! Tiền hậu bất nhất!

Trung tá Thanh ra dấu cho Binh 1 Nguyễn Bích đi ra ngoài, rồi hạ giọng:

– Trưa nay anh và ông Hai Lê Chín có họp riêng với Đại tá Nghìn. Ông Nghìn cho biết nếu không khai thông được con đường này đúng thời hạn thì ông ta sẽ mất việc, nên ông ta cứ nài nỉ ông Vấn cố gắng lên. (Hai Lê Chín hay 209, là danh xưng truyền tin của Đại tá Từ Vấn).

Tôi cự nự:

– Bộ cứ sợ ông Nghìn bị mất việc là các ông bắt tiểu đoàn tôi phải đâm đầu vào chỗ chết hay sao?

– Không phải thế đâu! Anh với ông Vấn sợ Thằng 63 vào trận, chưa chi đã chạy thì quân ta sẽ mất tinh thần. Việc này sẽ ảnh hưởng tâm lý tới các tiểu đoàn khác. Cuối cùng cũng phải nhờ tới chú. Chi bằng cho chú đánh từ đầu, chắc chắn sẽ xong việc thôi!

– Thế còn Thằng 81?

Anh Thanh lắc đầu:

– Sau khi thằng Lân (Tiểu đoàn trưởng 81) bị Việt cộng chặt đầu, thằng Ngọc (Tiểu đoàn phó 81) mất tích, thì tinh thần binh sĩ của Tiểu Đoàn 81 sa sút trầm trọng lắm! Không còn ngon lành như trước đây nữa đâu! Chúng nó đang chờ ngày đi tái huấn luyện dưới Dục Mỹ.

Vương Mộ Long
(còn tiếp...)

Kỳ 3
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

Nghe ông Liên đoàn phó phân tích sự việc, tôi cũng phát lo. Tiểu đoàn tôi giờ đây chỉ còn một mình Thiếu úy Phạm Văn Thủy là đại đội trưởng cũ, hai ông Thiếu úy Đặng Thành Học và Trung úy Võ Hữu Danh vừa từ nơi khác tới, ông Thiếu úy Nguyễn Văn Hồ cũng mới lên chỉ huy đại đội chưa đầy hai tháng, kinh nghiệm chẳng nhiều. Thêm vào đây, một phần ba quân số của tôi cũng là tân binh, nếu phải đi tiếp viện cho đơn vị khác, thấy người ta chạy, chắc chắn các ông tân binh của tôi cũng chạy theo mất thôi!

Tôi ôm đầu suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Trung tá về nghỉ đi! Mai tôi trả lời.

Anh Thanh giơ tay, bắt tay tôi nhưng miệng anh vẫn khản khoản:

– Chú suy nghĩ lại, rồi cho anh biết ý kiến càng sớm càng tốt!

o0o

Yếu tố tinh thần trong chiến trận

Đêm 27 tháng 9 năm 1974 tôi trần trọc, suy nghĩ liên miên. Tôi thấy hai ông chỉ huy của tôi là Đại tá Từ Văn và Trung tá Hoàng Kim Thanh rất có lý khi phân tích tình trạng tâm lý các quân nhân dưới quyền. Tôi có người bạn cùng khoá Võ Bị là Đại úy Lê Thanh Phong. Mùa Hè năm 1972 Đại úy Lê Thanh Phong chỉ huy Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân và đã ghi được nhiều chiến công trong chiến dịch giải vây Kontum. Vậy mà chỉ ít lâu sau, đầu tháng 12 năm 1972, anh Phong đã bị Cộng quân bắt tại trận ở Đức Cơ. Trước đó, tháng 8 năm 1972 Đức Cơ đã bị bao vây, tôi được lệnh xuống chỉ huy căn cứ này. Tôi đã giải tỏa xong áp lực địch chỉ với một Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân Biên Phòng.

Tháng 10 năm 1972, tình hình yên tĩnh trở lại, tôi đã bàn giao Đức Cơ cho ông Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn. Tôi đi khỏi Đức Cơ thì trại này được tăng cường thêm hai tiểu đoàn nữa để phòng thủ, đó là Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân của Đại úy Lê Thanh Phong và Tiểu Đoàn 80 Biệt Động Quân của Thiếu tá Nguyễn Công Thông.

Người chỉ huy ba tiểu đoàn này là Trung tá Lê Chử. Ông Chử vốn là Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân, mới được thăng cấp trung tá sau lần tử thủ, giữ được Căn cứ Biên Phòng Bạch Hồ (Ben Het).

Ngày đó yểm trợ cho Đức Cơ, chúng ta có hàng chục khẩu pháo 105ly và 155ly sẵn sàng từ Thanh An và Thanh Giáo; ta còn hàng chục máy bay oanh tạc chất đầy bom đạn nằm chờ ở phi trường Cù Hanh, Pleiku, chưa kể tới những pháo đài bay B52 sẽ có mặt trên vùng chỉ sau vài giờ chờ đợi.

Với ba tiểu đoàn Biệt Động Quân phòng thủ, và được yểm trợ mạnh như vậy mà Đức Cơ vẫn mất, mất là vì sao?



Mãi tới tháng 7 năm 1974 gặp lại anh bạn Lê Thanh Phong sau khi bạn tôi được trao đổi tù binh, tôi mới nhận được câu trả lời thích đáng.

Bạn Phong âm ức phân trần với tôi:

“Mẹ nó! Ngày đó ở Đức Cơ không có tiếng súng nào! Vậy mà cha Mẫn và cha Chử cứ cầm đầu chạy! Vạ lây cho tui! Người ta chạy, làm cho lính dưới quyền tui cũng chạy theo! Chuyện thực khôi hài, nhưng tức muốn chết!”

Thì ra, qua một đêm chịu pháo, 5:00g sáng ngày 4 tháng 12 năm 1972, các ông chỉ huy căn cứ Đức Cơ là Trung tá Lê Chử và Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn đã bỏ đồn, hốt hải chạy ra công, tới tá túc với đơn vị của Đại úy Lê Thanh Phong nơi đầu phi trường. Theo chân hai ông chỉ huy là một tập lính của Tiểu Đoàn 81, sau lưng toán lính này là một toán Việt cộng hò reo đuổi theo. Không có tiếng súng nào, chỉ có tiếng la “Hàng sống! Chông chết!”

Địch không bắn, có thể là vì trời còn tối, chúng không nhìn thấy quân ta, cũng có thể là chúng sợ quân ta đông hơn nên không dám bắn. Đâu ngờ những tiếng hô “Hàng sống! Chông chết!” đã khiến hai ông Mẫn và Chử hoảng hồn dẫn quân đạp lên lều võng của Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân rồi bỏ phi trường phóng đi luôn.

Bộ chỉ huy của Tiểu Đoàn 80 Biệt Động Quân đóng gần đó, nên nhìn thấy ông Trung tá Lê Chử đang vất giò lên cổ, ông Thiếu tá Nguyễn Công Thông chẳng biết át giáp gì, cũng lao theo chân ông Lê Chử! Thấy quan và quân của đơn vị bạn chạy tán loạn, những người lính nhát gan của Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân cũng ùn ùn chạy theo. Phút chốc, trên sân bay chỉ còn lại ông Đại úy Lê Thanh Phong, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân và vài chục anh lính. Ba ngày sau, Đại úy Lê Thanh Phong bị địch bắt sống ở trong rừng.

Trước Hòa Đàm Paris mà đã có những chuyện chưa đánh đã chạy như thế, thì sau Hòa Đàm Paris phải chiến đấu trong tình trạng thất lưng buộc bụng, thiếu thốn trăm bề, chắc chắn tinh thần chiến đấu của quân ta cũng bị suy sụp đi nhiều. Chưa nghe anh Phong tâm sự, tôi đã biết, yếu tố tinh thần là vô cùng quan trọng, nó quyết định vận mạng của cả một chiến trường. Bằng cứ là, nếu không có cái quyết tâm thà chết không đầu hàng, không bỏ chạy của những chiến sĩ trong Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân dưới quyền tôi, thì tôi đã bị địch bắt sống hay giết chết trong trận Pleime 1974 rồi. Tôi nghĩ rằng, nếu đánh nhau với địch, địch mạnh hơn mình, mình yếu thế hơn phải rút lui thì không nói làm gì. Chứ mình đi sau người ta, chưa đánh nhau mà người ta đã chạy, làm cho lính của mình thấy thế cũng hoảng sợ, rồi rú nhau cắm đầu, cắm cổ chạy theo người ta, bỏ mình ở lại, thì mình chỉ còn cách tự đâm ngực mà chết mất thôi! Lại nữa, tôi thấy đơn vị nào đã thua một trận, sẽ mắc cái “huông” rồi cứ thế được trốn, thua luôn! Trở thành lý đòn, tro mặt, không biết xấu hổ là gì!

Dưới quyền Thái Sơn Vương Mộng Long, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân là một đơn vị chưa hề chiến bại. Giữa đêm khuya, tôi chọt buột miệng hét to:

“Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân sẽ không bao giờ chiến bại!”

Hai anh lính Viễn Thám gác đôi gần đó, nghe tiếng tôi la, bèn chạy vội vào cửa lều, lớn tiếng hỏi:

– Thái Sơn gọi tụi em hả!

Tôi bật cười:

– Ủ! Mai thầy trò mình đi nhảy toán!

Tôi cầm cái ống liên hợp máy PRC25 gọi cho Trung tá Hoàng Kim Thanh:

– Okay! Tôi sẽ hoàn thành sứ mệnh trước thời hạn 7 ngày!



Trình sát dạ hành...

Suốt ngày 28 tháng 9 với cái ống nhòm và tấm bản đồ trên tay, tôi kín đáo núp sau những gốc cây bên sườn đồi, quan sát cái thung lũng dưới chân tôi và ngọn đồi sừng sững hướng Tây. Từ những năm 1968, 1969 khi còn giữ chức đại đội trưởng ở Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, tôi đã nhiều lần nhận nhiệm vụ mở đường và giữ đường từ Đức Lập tới Nghi Xuân, do đó địa thế vùng này không phải là xa lạ đối với tôi. Khắp khu vực Nam Đức Lập và Bắc Gia Nghĩa toàn là đồi có cao độ từ 800 tới 900 mét sần sần nhau. Nếu nhìn trên bản đồ, ta chỉ thấy những vùng loang lổ màu trắng xen với màu xanh lá cây. Màu trắng là khu vực cỏ tranh cao cỡ đầu gối, màu xanh lá cây là những cụm rừng số 3, cây không cao lắm. Vùng này suối không sâu và cạn kiệt vào mùa khô. Thời gian này đang là mùa khô.

Thiếu tá Bùi Ngọc Long đã chỉ cho tôi biết vị trí những cây súng cộng đồng của địch đều tập trung dọc theo con đường xe be cắt ngang đỉnh ngọn đồi có cao độ 898 mét. Chắc chắn hiện thời địch đang có mặt trên đồi này, chúng ngang nhiên đốt lửa giữa ban ngày, nơi bìa rừng từng lộn khói đen cứ lừng lững vươn lên cao rồi tan đi thật bình yên vô tư.

Ngọn đồi này nằm cách chỗ tôi đóng quân đúng 2 cây số về hướng Tây–Nam. Xe cộ đi ngang qua đoạn đường yên ngựa hướng chính Nam của Căn cứ Đạo Trung thường là mục tiêu cho các loại súng cộng đồng đặt trên Đồi 898 nhắm bắn. Điểm chiến thuật thứ hai là

ngọn đồi có cao độ 880 mét nằm ngay trên Liên tỉnh lộ 8B, cách lều của tôi đúng một cây số rưỡi. Nếu địch gài được một cái chốt cấp đại đội trên đỉnh đồi này thì cái cua chữ “C” hướng Nam Căn cứ Đạo Trung biến thành tử địa.

Cũng từ ngọn đồi này, hằng ngày các tay bắn tỉa của Việt cộng liên tục nã súng vào các pháo thủ đóng trong căn cứ. Muốn giải tỏa áp lực địch trên Liên tỉnh lộ 8B bắt buộc phải chiếm cho kỳ được Đồi 898 và Đồi 880.

Đồi 898 sẽ là Mục Tiêu 1, Đồi 880 sẽ là Mục Tiêu 2. Tôi dự trù sẽ búng Mục Tiêu 1 trước, kế đó mới là Mục Tiêu 2.

Thoạt nhìn vào bản đồ thì bất cứ cấp chỉ huy nào cũng chọn con đường xe be từ Liên tỉnh lộ 8B rồi theo hướng Tây–Nam để làm trục tiến tới Mục Tiêu 1.

Nếu có chiến xa tăng phái, chắc chắn tôi sẽ dùng trục lộ này. Nhưng ngặt nghèo là thời gian này các đơn vị thiết giáp của ta còn kẹt ở mặt trận Pleiku, có làm đơn xin cũng còn lâu mới được thỏa mãn.

Tôi đã được Thiếu tá Bùi Ngọc Long kể lại, trước khi chúng tôi được lệnh vào vùng thì một đơn vị bộ binh đã dùng trục tiến này để đánh địch nhưng thất bại. Quân bạn đã phải bỏ xác người chết trên đường lui vì không kéo ra được.

Tôi thấy lý do thất bại của đơn vị bạn rất dễ nhìn ra. Chỉ vì đoạn đường từ khu tập trung tới mục tiêu quá xa, nếu ta dùng đội hình hàng dọc thì không đủ quân xung phong ở chạm tuyến; nếu sử dụng đội hình hàng ngang thì quân ta sẽ chết rất nhiều trước khi tới tuyến xung phong. Vậy là trục tiến này không thể dùng được, tôi phải bày kế khác.

Tôi cũng nghĩ tới kế sách tiếp theo là liều mạng dàn quân hàng ngang dưới suối, rồi leo nhanh lên dốc, tấn công trực diện, nhưng cách đánh này đòi hỏi một hỏa lực yểm trợ tiếp cận thật mạnh, giống như hỏa lực của trục thẳng vũ trang Hoa Kỳ thời 1966–1972.

Nhưng sau Hòa Đàm Paris mà đánh nhau kiểu này thì không khác gì tự sát dưới hỏa lực hùng hậu của địch. Suy đi, tính lại mãi, cuối cùng, tôi quyết định sẽ áp dụng chiến thuật đánh đêm.

Dạ chiến có lợi thế bất ngờ, vì trong bóng đêm, ta có thể bí mật áp sát mục tiêu, tới sát bên địch rồi, ta mới khai hỏa. Muốn thực hiện điều này phải có những tay súng tinh nhuệ và gan lỳ. Trận này bắt buộc tôi phải dùng tới 18 Viễn Thám viên và 12 anh lính cận vệ. Thời gian này Thiếu úy Trần Văn Phước kiêm nhiệm chỉ huy 12 anh cận vệ, vì Thiếu úy Lý Ngọc Châu còn đang theo học khoá Chiến Tranh Chính Trị trên Đà Lạt.

Với quân số này, tôi có thể chiếm lĩnh một tuyến có chiều dài trên dưới một trăm thước để làm đầu cầu cho Đại Đội 3/82 phía sau bò lên theo.

Nhưng trước khi ra quân, ta phải biết:

“Lực lượng địch cỡ nào? Địch dàn quân ra làm sao? Nơi nào nên đánh? Đánh như thế nào?” Muôn trả lời những câu hỏi ở trên thì cấp chỉ huy phải đích thân thám sát địa thế, tìm hiểu địch tình.

Tôi đã biết, mỗi khi thực hành một trận đánh, các cấp chỉ huy Việt cộng đều đích thân đi thám sát trận địa để nắm vững chính xác tình hình của quân ta. Trong khi đó thì đa số chỉ huy của ta lại cứ đòi phải có trực thăng hay L19 mới chịu bay quan sát.

Tôi xuất thân là đầu lĩnh của những toán Viễn Thám Biệt Động Quân một thời ngang dọc Vùng 2, chẳng lẽ lại thua gan mấy tay chỉ huy Việt cộng? Thế là ngay tối 28 tháng 9 tôi đã đích thân chỉ huy tiểu đội cận vệ cùng hai toán Viễn Thám 821 và 824 xuống núi thi hành một cuộc hành quân xâm nhập.

Đêm 28 tháng 9 trên trời có trăng nhưng dưới thung lũng thì sương mù trắng xóa. Toán 821 do Hạ sĩ 1 Mom Sol dẫn đầu, tiếp đó là 824 do Binh 1 Yang chỉ huy, tôi là người đi kế tiếp, theo tôi là Thiếu úy Trần Văn Phước, người đoạn hậu tiểu đội cận vệ là Trung sĩ Y Thon Nier với khẩu M79 bắn đạn chài.

Chúng tôi tiến thật êm trên thảm cỏ tranh nằm giữa hàng cây xanh sát bờ suối và đỉnh ngọn đồi trọc bên hướng Tây. Tới khu đồng cỏ hướng Đông của Đồi 898 tôi cho quân dừng lại. Tiểu đội cận vệ dưới quyền Thiếu úy Phước trải thành một hàng ngang, vừa bảo vệ cho tôi, vừa sẵn sàng tiếp cứu hai toán Viễn Thám. Viễn Thám 821 dẫn đầu, 824 theo sau, hàng một leo lên dốc. Đêm lạnh, chỉ có tiếng gió lay cành lá hòa với tiếng ếch nhái dưới thung lũng nghe thật là âm đạm, thê lương. Thời gian hai toán Viễn Thám vượt khoảng đất trống từ triền Đông của Đồi 898 tới mặt đường xe be là thời gian nín thở của những người ngồi dưới khe. Tôi đã từng nhiều lần đi toán, vậy mà kỳ đi thám sát này tôi cũng thấy lòng hồi hộp không yên.

Mười phút sau khi 821 và 824 xuất phát, trong máy PRC25 của tôi có 2 tiếng “Xẹc! Xẹc!” đó là dấu hiệu quân trinh sát của tôi đã tới sát bìa rừng. Cũng mười phút sau nữa, tôi nghe tiếp 3 tiếng “Xẹc! Xẹc! Xẹc” đó là dấu hiệu báo rằng 824 ngừng lại vì thấy địch, còn 821 vẫn tiếp tục tiến lên. Bẵng đi hai mươi phút sau, tôi mới nghe được 4 tiếng “Xẹc!Xẹc!Xẹc!Xẹc!” đó là tín hiệu của Mom Sol báo rằng 821 đã đi qua hết tuyến dàn quân của địch.

Tôi với tay cầm ống liên hợp, bóp ba cái, “Xẹc!Xẹc!Xẹc!” sau đó ba giây đồng hồ, tôi lại bóp tiếp ba tiếng nữa, “Xẹc!Xẹc!Xẹc!”. Tín hiệu này là lệnh rút lui ban ra cho 821 và 824. Sau đó, tôi bò lên dốc, đưa tay vỗ nhẹ một cái lên vai chú Phước, Phước tiếp tục vỗ lên lưng người bên cạnh, cứ thế người được báo tin cuối cùng là Trung sĩ Thon. Như vậy,

tất cả anh em trong tiểu đội cận vệ đều đã được thông báo tránh ngộ nhận. Chúng tôi chuẩn bị đón quân bạn tụt xuống đồi bất cứ lúc nào.

Tôi hồi hộp, bồn chồn. Từng giây đi qua, từng phút trôi qua, trăng lên đã cao, dưới thung lũng vẫn chỉ có tiếng dế kêu, xen lẫn tiếng gió lùa. Rồi từ hướng Nam của con thông thủy vọng lại tiếng “Xoẹt! Xoẹt! Xoẹt!”. Đó là âm thanh tạo thành bởi những vật nặng vừa lao từ trên đồi xuống, chạm phải bụi cỏ lau dưới thung lũng.

Toán 824 của Binh 1 Yang đã về! Ba ông Viễn Thám này xuống đồi bằng cách nằm ngửa, chong súng lên trời, xuống đồi bằng lưng! Xuống dốc bằng lưng nhanh gấp mười lần xuống dốc bằng bụng! Ngày xưa, tôi học được kỹ thuật này của Việt cộng! Trong một lần tiếp viện cho quân bạn, tôi đứng bên này suối, thấy Việt cộng “chém về” bằng cách nằm ngửa, ôm súng tụt xuống dốc, vừa nhanh lại vừa an toàn.

Về hậu cứ, tôi đem quân ra Biên Hồ tập thử, thì thấy cách xuống núi này quả thực là hay, nhất là cho các ông Viễn Thám. Ông lính Viễn Thám nào dưới quyền tôi cũng rành cách xuống núi thoát hiểm này.

Gần 2:00g sáng ngày 29 tháng 9 tôi mới có tin tức của 821. Khi bóng trăng đã xế, toán 821 của Hạ sĩ 1 Mom Sol mới về tới ngã ba thông thủy, đầu nguồn suối Dak Boun Bring. Tôi ra lệnh đập lau sậy xuống để đánh dấu điểm chạm suối của Binh 1 Yang và điểm chạm suối của Hạ sĩ 1 Mom Sol. Khoảng cách của hai dấu mốc này sẽ là tuyến dàn quân của tôi ngày tiến công.

Tình hình địch trên Mục Tiêu 1 đã được Mom Sol mô tả một cách thật chính xác như sau:

Sau khi rời vị trí của toán 824, thì 821 tiếp tục men theo bìa rừng, đi về hướng Đông Nam. Địch rải quân thành một tuyến dài, trong bụi, đằng sau lè đường. Tuyến dàn quân này dài khoảng gần hai trăm thước. Mom Sol không biết chiều sâu của trận địa ra sao. Nhưng điều chắc chắn là trên đỉnh đồi không có địch. Địch canh gác rất ơ hờ, có nhiều tên còn đốt lửa sưởi ấm và cất tiếng ca hát giữa đêm khuya. Mom Sol cũng ngửi được cả mùi khói bụi nhùi bay ra từ các hố cá nhân. Địch đốt bụi nhùi để chống muỗi rừng.

Sáng sớm ngày 29 tháng 9 tôi cùng tiểu đội cận vệ đi cùng Đại Đội 1/82 của Thiếu úy Đặng Thành Học, len lỏi trong rừng theo bờ Đông của con thông thủy lên chiếm ngọn đồi có hình hạt đậu hướng Nam. Ngọn đồi này nằm bên bờ Đông con suối, đối diện với Đồi 898 và cách Mục Tiêu 2 chừng tám trăm mét. Đồi này có nhiều cây thân mộc, khá cao, từ đây với cái ống nhòm, tôi nhìn rõ mồn một từng hố cá nhân, từng tấm vải nhựa che mưa của địch trên Mục Tiêu 2.

Tôi đưa cái ống nhòm cho Học:

– Chú nhìn cho rõ nhé! Theo anh thì chỉ cần một trung đội hàng ngang tiến thật nhanh rồi đánh bằng lựu đạn là tụi nó chạy có cò!

Trưa ngày 29 tháng 9 tôi đã có trong tay bản ghi chép chi tiết tình hình địch và kế hoạch tiến quân.

Chiều 29 tháng 9 tôi đang ngủ say trên võng thì Đại tá Ván tới lều, dựng tôi dậy.

Giọng nói của ông Liên đoàn trưởng rất nhẹ nhàng, nhưng có vẻ không vui:

– Sắp hết thời hạn rồi mà sao anh không thấy chú có động tĩnh gì cả? Chú bị bệnh hay sao mà ngủ giữa ban ngày?

Tôi ngáp một cái rồi dụi mắt:

– Niên trưởng để tôi ngủ chút đi! Còn tới bốn ngày nữa mới hết kỳ hạn, tôi đã hứa là tôi sẽ hoàn thành công tác trước 7 ngày, hôm nay mới là ngày thứ ba.

Nói xong, tôi nằm xuống võng ngủ tiếp.

Đại tá Ván ra chiều thất vọng. Tôi nghe ông thở dài, rồi chui ra khỏi lều, lững thững xuống đồi.

Kế đó tôi nghe dưới đường có tiếng léo nhéo:

– Hai ngày nay tôi thấy thằng Thái Sơn cứ ngủ li bì. Chắc nó sợ không dám đánh rồi! Hay mình cho thằng Chí Tôn vào trận đi!

Người vừa nói là Đại tá Ván.

(Chí Tôn: là danh hiệu truyền tin của Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân)

– Thì cứ chờ xem! Tôi biết tính thằng Long, nó đã hứa thì thế nào nó cũng giữ lời!

Đó là tiếng Trung tá Hoàng Kim Thanh.

Ngủ dậy, đánh răng, rửa mặt xong, tôi ôm tấm bản đồ đi sang khu pháo binh để gặp mặt Đại tá Ván. Tôi cho ông đại tá hay rằng đêm mai, 30 tháng 9 tôi sẽ bắt đầu khai hỏa. Tôi hứa rằng sau hai ngày, tôi sẽ hoàn tất nhiệm vụ. Tôi nhờ ông Liên đoàn trưởng, trong ngày 30 tháng 9 gắng xin cho tôi hai phi tuần tiền oanh kích; sau đó là 100 viên đại bác 105ly trực xạ từ Đạo Trung đánh trên Mục Tiêu 1.

Ông đại tá vui mừng ra mặt, chấp thuận tất cả những gì mà tôi yêu cầu. Trước khi về lều, tôi khẩn khoản đề nghị với Đại tá Văn rằng xin ông giữ kín kế hoạch điều binh của tôi, đừng cho thượng cấp biết vội, vì tôi e rằng hệ thống truyền tin mà bị tiết lộ thì quân của tôi sẽ bị nguy to.

oOo

Tiến chiếm mục tiêu

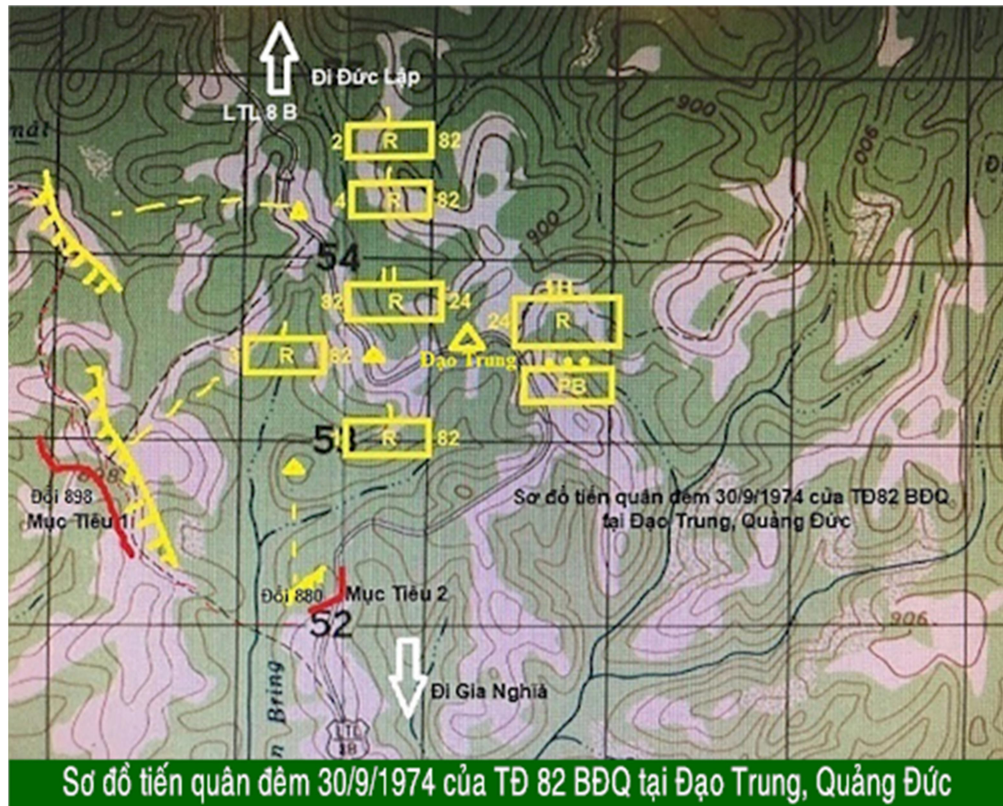
Về tới lều, tôi gọi ông Đại úy Tiểu đoàn phó cùng ba ông Đại đội trưởng 2, 3, và 4/82 tới họp bàn.

Kế hoạch hành quân đề ra là:

Chiều 30 tháng 9 tôi sẽ xin không quân tiền oanh kích Mục Tiêu 1, tiếp theo là 100 trái đại bác 105ly sẽ dội trên bìa rừng của Đồi 898. Cùng giờ đó, Đại úy Tiểu đoàn phó sẽ dẫn hai Đại Đội 2/82 và 4/82 len lỏi trong rừng, tới ém quân trong vùng hai cây số hướng chính Tây vị trí hiện tại của các đơn vị này. Chờ đêm xuống, hai đại đội này sẽ leo lên trái quân án ngữ con đường xe be, cũng là đường rút của địch. Chắc chắn những tên Việt cộng đang chạy về khu hướng Tây sẽ bị cánh quân của ông Tiểu đoàn phó tóm hết.

Sau trận Pleime thì hai Đại Đội 1/82 và 4/82 chịu ít tổn thất hơn hai đại đội còn lại. Kỳ này Đại Đội 1/82 của Thiếu úy Học được tôi cho đi đơn độc. Còn Đại Đội 4/82 của Thiếu úy Thủy sẽ đi kèm Đại Đội 2/82 của Trung úy Danh. Tôi dặn dò ông Tiểu đoàn phó phải ưu tiên cho Đại Đội 2/82 đi phía sau. Đại Đội 3/82 có một nửa quân số là tân binh, nên tôi sẽ cho đơn vị này nằm dưới quyền trực tiếp chỉ huy của tôi.

Đúng tám giờ tối ngày mai tôi sẽ dẫn quân xuống núi. Trong thời gian tôi dàn quân ở trạm tuyến, thì khẩu cối 81ly của Thượng sĩ Năng và Trung sĩ Minh sẽ liên tục bắn 100 trái trên Mục Tiêu 1.



Ngày 30 tháng 9 năm 1974 trời nắng ráo. 10:00g sáng, tôi đang ngồi uống cà phê thì từ hướng Tây có tiếng “ì ầm!” của đại bác bắn đi. Vài giây sau thì “Vèo! Vèo! Xè! Xè! Oành! Oành!” những viên trái phá 105ly theo nhau bay qua đầu tôi, rơi trên mặt Liên tỉnh lộ 8B và khu rừng thưa bên kia đường. Bụi khói bắt đầu bốc cao. Không ai bảo ai, mọi người đều lao xuống hố cá nhân.

Tôi còn đứng trên đồi, miệng tôi la lớn:

– Anh em Đại Đội 3 và Viễn Thám nhớ mở mắt cho to, thấy thằng Việt cộng nào xung phong thì phải bắn ngay!

Nhìn qua căn cứ hỏa lực, tôi không thấy bóng dáng ông lính nào trên mặt đất, không thấy ai chuẩn bị phản pháo cả.

Hai phút sau khi pháo địch ngừng, tôi nghe ông Đại tá Vấn gọi:

– Thái Sơn đây Hai Lê Chín! Vừa rồi tụi nó chọi đá có trúng đầu con cái của Thái Sơn không? Chú có bị thiệt hại gì không?

Tôi ra dấu cho anh hiệu thính viên không trả lời Đại tá Vấn. Vì nếu tôi trả lời thì địch sẽ nghe được, và sẽ truy ra vị trí đóng quân của tôi; trong tương lai chúng sẽ không còn bắn trật nữa.

Tôi cất bước đi quanh ngọn đồi, những anh lính cũ thấy tôi thì toét miệng ra cười, những anh lính mới thấy thế cũng nhe răng cười theo. Tôi hỏi một tân binh:

– Chú em có sợ không!

– Dạ! Lúc đầu em cũng run, nhưng thấy Thiếu tá còn đứng trên đồi, kêu tụi em coi chừng địch xung phong thì bắn ngay, em không còn sợ nữa!

Sau cơn mưa pháo chừng mười phút, cây đàn guitar Vọng Cổ của anh nhạc sĩ cận thị Lao Công Đào Bình tên là Phan Thành Hoàng đã bắt đầu “Tùng! Tùng! Tùng!” trở lại. Đi hành quân, các ông Lao Công Đào Bình là sừng nhất, không canh gác, không xung phong, không súng ống, chỉ loanh quanh bên hầm khẩu 81ly, nằm giữa bộ chỉ huy tiểu đoàn.

2:00g chiều 30 tháng 9 trên trời có chiếc thám thính cơ L19. Tôi vào tần số Không Lục, có tiếng ông Thiếu úy Địa Phương Quân của Tiểu Khu đang bay trên trời:

– Thái Sơn cho tọa độ, chúng tôi đánh ngay!

Lúc này tôi và Đại tá Vấn đang đứng bên ụ súng 105ly; ông Đại tá vội cầm máy:

– Yêu cầu chú đánh ngay trái khói của pháo binh. Đánh cho ngọn đồi đó tan hoang thành bình địa cho tôi!

Tôi liền ghé tai ông Vấn:

– Đánh sát các bìa rừng, không đánh trên đỉnh. Địch không đóng trên đỉnh!

Ông Đại tá vội lớn tiếng:

– Điều chỉnh lại, yêu cầu đánh sát bìa rừng, không đánh trên đỉnh! Nghe rõ không trả lời!

Một trái khói từ khẩu 105 được bắn đi. Dạn nổ vừa xong, chiếc L19 cũng chúc xuống bắn thêm một trái khói nữa. Phút sau, hai chiếc A37 sà xuống trút bom. Hôm đó tôi không nghe tiếng phòng không của địch. Hai chiếc A37 thả bom thật là chậm rãi, từng trái một, nhìn như đang thực tập. Cây cối gãy đổ, cành lá đua nhau bay lên trời, đồng cỏ tranh bắt đầu bốc cháy. Cạn bom rồi, hai con tàu còn bay vờn vờn trên trời một hồi lâu, rồi mới bay đi.

Ông Đại tá quay qua tôi:

– Hết không yểm rồi! Mình xin hai phi tuần, bốn phi xuất, nhưng họ chỉ cho một phi tuần thôi!

Vị sĩ quan pháo đội trưởng chui ra khỏi lều hỏi tôi:

– Tới giờ mình “chơi” chưa Thiếu tá?

Tôi nói:

– Mình chờ chừng năm phút nữa, đợi tụi nó chui ra khỏi hầm mình đánh tiếp.

Năm phút sau, bốn khẩu 105ly đua nhau giựt cò, cứ một viên chạm nổ, tiếp theo là một viên nổ cao, Đồi 898 hóa thành một cột bụi ngùn ngụt dâng cao.

Trời nóng quá, tôi cởi cái áo ngoài ra vắt trên nóc hầm. Thấy thế, Đại tá Ván cũng theo tôi, cởi áo ngoài, vắt trên nóc hầm.

Lúc này một ông Thiếu tá và một ông Đại tá mặc áo thun trắng, mặt mũi nhễ nhại mồ hôi, cứ chạy đi, chạy lại, giúp các ông xạ thủ vác đạn, giựt cò.

Dưới giao thông hào, ông Liên đoàn phó giờ máy ảnh lên chụp lia chụp lịa. Năm 2009 ở Mỹ, ông cựu Liên đoàn phó có cho tôi biết rằng ông ấy mới tìm ra cuộn phim có cái ảnh ngày đó tôi và ông Ván mặc áo may-ô trắng, đứng trong đám khói bụi mịt mù giữa bốn khẩu pháo. Ông nói sẽ sang tẩm ảnh kỷ niệm ấy ra, rồi gửi cho tôi, nhưng tôi chờ hoài mà không thấy thư của ông.

Trong lúc pháo binh đang bắn thì Đại úy Nguyễn Hữu Tài báo cáo rằng cánh quân chặn địch của ông ta đã bắt đầu di chuyển. Từ đó qua đêm, tới sáng 1 tháng 10 tôi không nghe được đài nào của cánh quân này.

Nhà nhem tới 30 tháng 9 tôi cho lệnh xuống đồi, Viễn Thám 821 dẫn đường, rồi tới Đại Đội 3/82.

Tới chân dốc tôi ngạc nhiên ngừng lại, vì thấy Thiếu úy Hồ đang bạt tai một tân binh, miệng la:

– Đù mạ! Mi định trốn hả! Đi lên! Mau lên!

Tôi hỏi:

– Gì đó Hồ?

– Dạ! Trình Thiếu tá! Thằng này cứ lủi lủi lại đằng sau tính trốn!

Tôi vỗ vai Hồ:

– Chú cứ đi lên chỉ huy đại đội. Để thằng này lại cho anh.

Nghe lệnh tôi, Thiếu úy Hồ lừ lừ nhìn anh tân binh rồi quày quả bước đi.

Tôi gắng hỏi anh lính đang đứng trước mặt:

– Em sợ lắm hả!

– Dạ! Trình Thiếu tá em sợ lắm!

Trước mắt tôi giờ đó, không phải là một anh lính Biệt Động Quân kiêu hùng, mà là một cậu bé rất đáng thương. Thằng bé rõ ràng đang sợ hãi lắm! Hai vai nó run run như đang lên cơn sốt rét.

Tôi ra lệnh:

– Thiếu úy Phước đem nó về bộ chỉ huy, giao cho Thượng sĩ Năng!

Thiếu úy Phước hăm hè kéo cổ áo anh tân binh lôi đi.

Chúng tôi an toàn tiến sát tới cọc mốc xa nhất mà 821 đã đánh dấu đêm hôm trước.

Thật nhanh chóng, 18 Viễn Thám viên và tiểu đội cận vệ vào đội hình hàng ngang. Trong lúc tôi và Thiếu úy Hồ lo trải quân cho Đại Đội 3/82 thì Thiếu úy Trần Văn Phước quay trở lại, sau lưng Phước là anh chàng Trung sĩ Nguyễn Minh của khẩu đội 81ly.

Tới sát bên tôi, Phước nói nhỏ:

– Em giao thằng lính chết nhất cho ông Năng rồi, còn ông Minh này cứ kèo nài xin đi theo Thiếu tá.

Tôi nói:

– Cho nó theo nhóm cận vệ luôn!

Vương Mộng Long

(còn tiếp...)

Kỳ 4
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

T trong thời gian 100 quả đạn cối 81ly của Thượng sĩ Năng theo nhau rơi trên mục tiêu, tôi dàn quân và bắt đầu leo dốc. Sau trận oanh tạc và pháo kích chiều nay, cánh đồng tranh đã cháy thành bãi đất đen. Tôi đi sau lưng trung đội Viễn Thám, Thiếu úy Phước đi sau tiểu đội cận vệ.

Không lâu sau chúng tôi đã tới con đường xe be, bên kia đường là cánh rừng tả tơi vì bom đạn. Gió đang thổi từ Đông qua Tây, thật là thuận lợi cho chúng tôi vô cùng.

Tôi chỉ đem theo một khẩu Colt, không có súng dài, trận này trên dây ba chạc của tôi treo tòn ten bốn quả lựu đạn lân tinh. Tôi rút chốt quả lựu đạn sáng, ném thẳng tay qua hàng cây. Trái lựu đạn rơi trên triền đồi. “Bốp!” một chùm sáng chói lòa phụt lên! Tiếp đó là những tiếng “Ừm! Ừm! Ừm!” của lựu đạn M26 đua nhau nổ rền.

Trái sáng của tôi chính là hiệu lệnh khai hỏa.

Đợt tiến công phủ đầu là lựu đạn M26. Nhờ có trái lựu đạn lân tinh mà chúng tôi đang ở ngoài sáng mà hóa ra ở chỗ tối. Địch bị ánh sáng lựu đạn làm chói mắt nên không nhìn thấy gì cả. Quả lựu đạn chiếu sáng thứ hai vừa bùng lên thì quân của tôi đã nằm sát bìa rừng. Theo đúng quy định, một khẩu súng chĩa về phải, còn khẩu kia chĩa về trái cứ thế mà bóp cò. Bắn đã năm phút mà không nghe phát đạn nào của địch đáp lại, tôi cho lệnh ngưng.

Lúc này Đại Đội 3/82 đã tiến tới đường xe be. Tôi cho Đại Đội 3/82 tràn vào lập thêm một hàng rào thứ hai. Sau đó, tôi cho Trung đội Viễn Thám và tiểu đội cận vệ quay mặt ngược lại 180°, hướng về con đường xe be để giữ lưng cho Đại Đội 3/82. Từ ấy, dưới ánh hỏa châu của pháo binh, Đại Đội 3/82 chậm rãi thanh toán từng hầm cá nhân của địch. Mỗi cái hầm của Việt cộng lãnh một trái lựu đạn M26. Đến khi trắng lên tới đỉnh đầu thì chúng tôi đã hoàn toàn làm chủ ngọn Đồi 898.

Làm chủ Mục Tiêu 1 xong, tôi gọi cho Đại úy Tiểu đoàn phó, ra lệnh cho ông ta đưa quân lên chặn đường, hốt gọn những tên địch vừa thoát chạy từ đây ra. Tôi gọi hoài mà không có đài nào của cánh quân thứ nhì trả lời. Cùng lúc này Thiếu úy Đặng Thành Học báo cho tôi hay, trên Mục Tiêu 2 có ánh đèn pin nhấp nháy. Tôi bước ra mặt đường xe be thì thấy trên Đồi 880 có một ánh đèn pin chớp ròi tắt như đang tìm cách truyền tín hiệu với đồng bọn trên Đồi 898.

Tôi nghĩ, chắc tụi này đã thấy Đồi 898 bị đánh phá tơi bời, nên chúng dùng tín hiệu đèn để xin lệnh chẳng? Nhân cơ hội này mà mình tấn công chớp nhoáng, chắc chắn sẽ thắng

ngay. Ngặt một điều là cho Đại Đội 1/82 tham chiến thì tôi không còn đơn vị nào trừ bị. Nếu dùng hỏa lực mà đuổi được chúng nó thì công việc ngày mai của Đại Đội 1/82 sẽ nhẹ đi nhiều. Nghĩ thế, tôi liền gọi máy cho liên đoàn xin thỏa mãn gấp 100 quả đạn 105ly trên Mục Tiêu 2. Húng chịu 100 quả đạn đại bác chắc bọn Việt cộng đóng chốt trên Đồi 880 cũng táng đờm, kinh hồn!

Một tiếng đồng hồ sau, trên mặt đường xe be từ hướng Nam có nhiều tiếng chân rầm rập, cùng với tiếng la: “Các đồng chí đừng bắn! Bắn đây!”

Hóa ra bọn này là đơn vị Việt cộng vừa thoát chạy từ Mục Tiêu 2! Phút chốc, toán người này đã tới tuyến phòng ngự của tiểu đội cận vệ.

“Bắn đây! Bắn đây!” – “Đừng! Đừng! Đừng! Rệt! Rệt! Rệt! Cành! Cành! Cành!...”

Trong bóng đêm, bỗng có hai người bên cạnh đưa tay đè vai tôi xuống, rồi nhào mình ra phía trước. Hình như hai người lính này cố ý lấy thân mình để che chắn và bảo vệ người chỉ huy của họ. Trước mặt tôi, hai anh này quỳ gối sát cánh nhau, tác xạ liên tục, một người sử dụng súng M79 bắn đạn chài, người kia sử dụng súng M16. Súng nổ liên thanh cùng với những thân người ngã xuống.

“Ồi! Ổi! Đừng bắn! Bắn đây! Chết tôi! Ổi! Ổi!...”

Cách tôi chỉ vài thước, trên mặt đường, có mấy cán binh cộng sản đè lên nhau, quần quai trên mặt đất. Cũng có những tên địch nhanh chân phóng mắt hút trong rừng đêm. Bất ngờ từ mặt lộ, một tên Việt cộng đã bị thương bỗng ngồi dậy. Một băng AK47 nổ giòn. Tôi nghe tiếng đạn bay sát mang tai. Hai Biệt Động Quân che trước mặt tôi bị trúng đạn, chỉ kịp la lên hai tiếng “Ồi! Ổi!” rồi nằm vật sang bên. Quân ta lại bắn tiếp, thằng Việt cộng bị thương lại gục xuống. Kỳ này thì y chết luôn! Tiếng súng ngừng, dưới ánh hỏa châu, tôi thấy trước mặt mình có hai người chết. Một người là Trung sĩ Y Thon Nier, người kia là Trung sĩ Nguyễn Minh!

Sáng 1 tháng 10 sau khi gọi mãi mà không nghe ông Tiểu đoàn phó cùng hai Đại Đội 2/82 và 4/82 lên tiếng, tôi liền ra lệnh cho khẩu 81ly bắn một trái đạn khói trên khu đồng cỏ tranh nằm cách vị trí đóng quân cũ của ông Tài chừng nửa cây số về hướng Tây. Tôi bắn trái khói này cốt ý để hù dọa ông Tài, nếu ông ta có đem quân đi trốn thì cũng phải lòi mặt ra vì sợ tôi nã pháo vào đầu!

Quả đúng như tôi dự liệu, tôi chưa thấy khói bốc lên cao, ba cái máy chính của cánh quân này đã la lên oai oái:

– Xin ngưng tác xạ! Xin ngưng tác xạ! Các anh đã bắn vào đầu chúng tôi rồi!

Giận quá, tôi vội cầm ống liên hợp lên quát lớn:

– Rút ra đường! Kỳ này tụi mày sẽ ra tòa, đi tù hết!

Sau đó, tôi cho Thiếu úy Hồ tung quân ra lục soát toàn thể Mục Tiêu 1.

Triền Tây–Nam của Đồi 898 là vị trí chỉ huy của một tiểu đoàn Việt cộng, với hệ thống giao thông hào hình cánh cung. Có nhiều hầm hố đã bị bom và pháo binh đánh sập với nhiều vũng máu chưa khô. Chúng tôi thu được 17 khẩu AK47, một bàn tiếp hậu cối 82ly, một nòng đại bác 57ly còn tốt, cùng gần chục khẩu AK và B40 gãy nát.

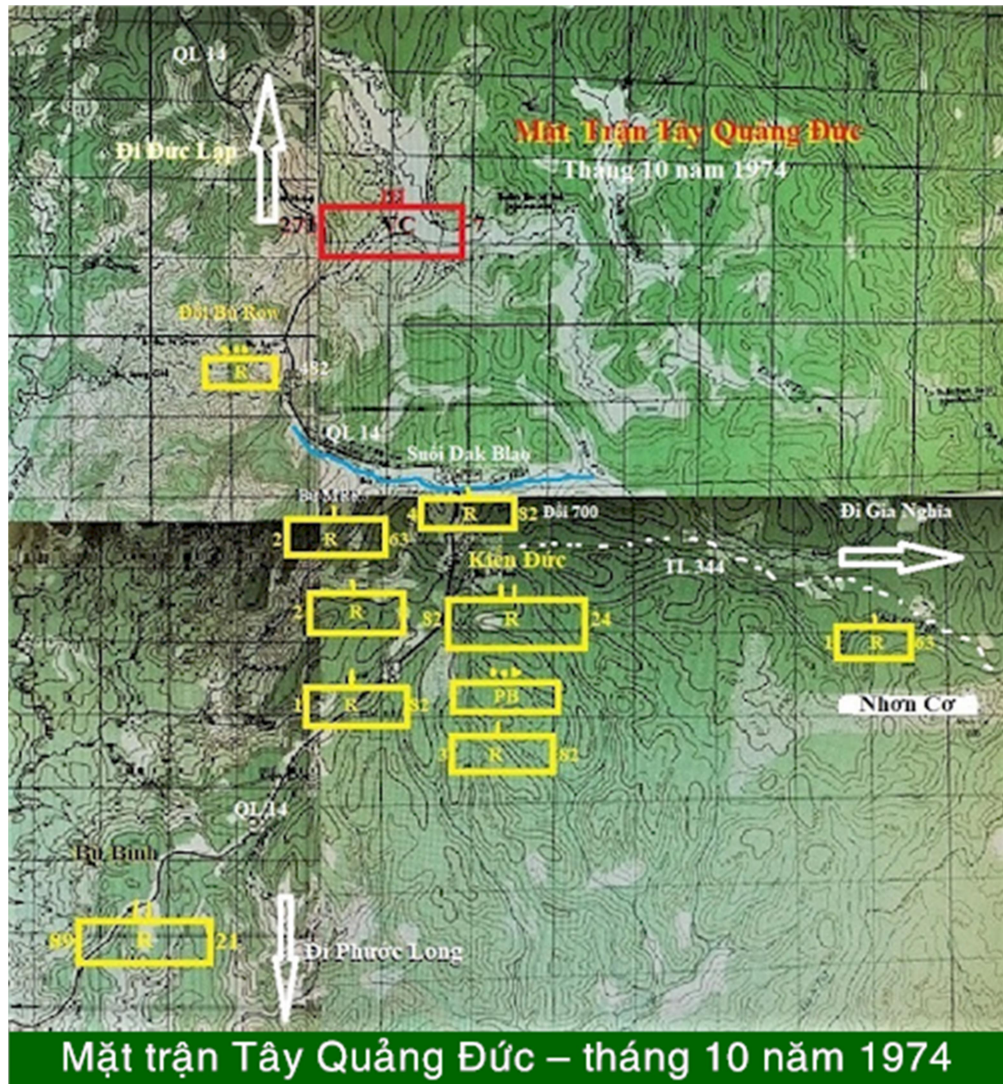
Thêm vào đó là vài chục viên đạn 57ly cùng hàng trăm thủ pháo và bộc phá ném tay, chất đầy một căn hầm. Trên tử thi của địch để lại, tôi tìm được một tờ giấy thấm máu, ghi tên đơn vị Việt cộng này, nhưng đọc không rõ là Tiểu Đoàn D 407 hay D 401 Đặc Công?

Sau khi kiểm soát toàn bộ diện tích Đồi 898 và khu vực xung quanh, tôi cho Toán Viễn Thám 823 và 825 men theo con đường xe be dẫn về Tây–Bắc. Từ Đồi 898 tới điểm mà tôi đã ra lệnh cho hai Đại Đội 2 và 4/82 chặn nút có chiều dài gần hai cây số. Viễn Thám báo cáo rằng có nhiều dấu máu tươi trải dài trên mặt đường, cùng nhiều bông băng rơi rớt. Nếu cánh quân thứ hai của tôi đã thi hành đúng kế hoạch thì những tên địch rút chạy kia hết đường thoát.

Vì đêm trước tôi đã chứng kiến bọn Việt cộng đóng chốt trên Mục Tiêu 2 bỏ chạy rồi, nên chiều 1 tháng 10 tôi xin pháo binh bắn thêm 100 trái đạn nữa lên Đồi 880, sau đó Đại Đội 1/82 tiến lên chiếm ngọn đồi này.

Nửa giờ sau Đại Đội 1/82 đã làm chủ Mục Tiêu 2. Trên mặt đất chỉ còn ba cái xác cán binh Việt cộng chết không toàn thân, ba khẩu AK gãy nát cùng mấy cái nón cối thủng.

8:00g sáng ngày 2 tháng 10 Thiếu úy Đặng Thành Học bàn giao Đồi 880 cho tiền quân của Tiểu Đoàn 81.



Đoạn đường còn lại từ Đồi 880 tới Nghi Xuân tuy dài, nhưng không còn bóng dáng tên Việt cộng nào, do đó chưa tới 4:00g chiều ngày 2 tháng 10 quân ta đã tới cổng Ấp Chiến Lược Nghi Xuân.

Xế chiều ngày 2 tháng 10, một chiếc trực thăng đáp xuống mặt đường xe be, bên cạnh đồng lửa của thầy trò tôi. Trung tá Hoàng Kim Thanh Liên đoàn phó Liên Đoàn 24 thả xuống cho tôi một két La Ve Con Cọp và một cây nước đá. Trung tá Thanh hét lên, át cả tiếng của động cơ máy bay:

– Ông Nghìn (Tỉnh trưởng) gửi cho chú món quà này!

Tôi có cái tật khác người, thích uống bia cổ cao có hình Con Cọp hơn là uống Bia 33 hay các thứ rượu Martell hoặc Hennessy.

Nhưng tối 2 tháng 10 năm 1974, tôi đã không đụng tới những chai bia này, chỉ vì giờ đó cách chỗ tôi ngồi không đầy mười thước là hai cái poncho gói xác hai thằng em, một đứa người Kinh tên là Nguyễn Minh, đứa kia người Thượng tên là Y Thon Nier. Nhìn cái

poncho gói xác thằng Y Thon Nier, tôi nhớ lại khuôn mặt nhạt nhòa nước mắt của nó ngày thầy trò tái ngộ. Có lẽ những giọt nước mắt đó chưa khô mà nó đã vội vã bỏ tôi mà ra đi rồi!

Bên cạnh nó là hình ảnh thằng em gốc Quảng Nam, vừa cười cầu tài, vừa năn nỉ tôi cách đây không lâu:

– Nhà em ở Nghi Xuân, sau chuyến hành quân này Thái Sơn du di cho em nghỉ vài ngày thăm nhà.

Tôi đã gật đầu và hứa với nó:

– Nơi này cách Nghi Xuân hơn mười cây số thôi, nhưng đường lại bị Việt cộng đóng chốt. Chờ hôm nào búng xong mấy cái chốt, trên đường về Gia Nghĩa anh sẽ thả chú xuống, cho chú ghé thăm gia đình mấy bữa.

Hôm nay Liên tỉnh lộ 8B đã khai thông, ngày mai, hoặc ngày kia, chắc chắn thằng em tôi sẽ được về gặp mẹ nó và các em nó. Nhưng nó sẽ trở về với cái áo quan bằng gỗ, có lá cờ vàng ba sọc đỏ phủ bên trên, và có cả một Tiểu Đội Chung Sự của Tiểu Khu Quảng Đức với kèn trống đưa chân nó tới tận bàn thờ gia tiên.

Bao năm sau chiến tranh, tôi vẫn thường tự hỏi, có phải ngày đó ông Trời đã sai khiến hai thằng em Y Thon Nier và Nguyễn Minh về trình diện Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân chỉ với sứ mạng là chết thay cho ông thầy của chúng nó hay không?

Sáng 3 tháng 10 năm 1974 tôi rút quân về vị trí cũ của tiểu đoàn nằm bên cạnh tỉnh lộ, rồi cho gọi ba ông sĩ quan của cánh quân hướng Bắc về trình diện. Vừa chào kính xong, Trung úy Võ Hữu Danh đã lớn tiếng tố cáo:

– Trình Thái Sơn, em và anh Thủy chỉ nghe lệnh ông Đại úy Tài, ông bảo gì, tụi em làm vậy. Tụi em không tự ý tắt máy rồi đi trốn đâu!

Thiếu úy Phạm Văn Thủy chỉ cúi mặt nhìn xuống đất, không mở miệng nói gì.

Còn ông Tiểu đoàn phó thì mặt mày tái mét lấm lét nhìn tôi ra chiều lo âu lắm.

Tôi ra lệnh:

– Đại úy Tài ở lại đây gặp tôi, Trung úy Danh và Thiếu úy Thủy đi về đơn vị!

Chờ cho hai anh đại đội trưởng đi khỏi, tôi mới nhìn vào mặt ông Tiểu đoàn phó rồi gằn từng tiếng:

– Tôi sẽ đưa đại úy ra Tòa Án Bình vì tội “Vi phạm huấn lệnh quân sự”.

Đại úy Nguyễn Hữu Tài vội rít van xin:

– Xin Thái Sơn tha cho lần này! Chỉ vì tôi thấy cánh quân của tôi có nhiều lính mới quá, sợ vừa nổ súng chúng nó đã chạy, nên tôi đành cho tụi nó chui vào bụi trôn, chờ khi nào yên mới chui ra.

Không chờ tôi cất vấn nhiều lời, ông Tiểu đoàn phó kể rằng, lúc nghe tiếng súng của Đại Đội 3/82 và Viễn Thám bắn nhau với địch quân, có vài anh lính mới vì sợ quá, nên rủ nhau bỏ vị trí, rồi ôm súng, tìm đường chạy ra liên tỉnh lộ.

Vì thế mà ông ta đành cho lệnh hai đại đội dưới quyền tắt máy truyền tin, trốn mắt tăm, mắt tích. Câu trả lời thật lòng của ông Tiểu đoàn phó làm tôi nhớ lại hình ảnh anh tân binh run rẩy cách nay vài ngày.

Cơn giận của tôi chợt nguôi ngoai, tôi giơ tay phất một cái ra lệnh:

– Đi đi!

Nghe thế, ông Tài vội lụp chụp đứng nghiêm, vừa chào tôi xong là chạy biến đi ngay.

Sáng 4 tháng 10 năm 1974 Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân được lệnh lên xe để về vùng hành quân mới. Dọc đường từ Nghi Xuân, qua Gia Nghĩa tới Kiến Đức chúng tôi đã chứng kiến cảnh dân chúng vui mừng đổ xô ra mặt lộ, vẫy tay reo mừng, chào đón các chiến sĩ vừa khai thông xong Liên tỉnh lộ 8B. Con đường Liên Tỉnh 8B này chính là mạch sống của toàn thể cư dân Quảng Đức.

o0o

Bên suối Dak Blao...

Trưa ngày 4 tháng 10 chúng tôi tới chân Đồi Kiến Đức. Đoàn xe chở quân ngừng lại trên mặt Tỉnh lộ 344, dưới chân một ngọn đồi có cái cây khô cao sừng sững. Phong cảnh ở đây buồn quá, khiến cho tôi nhớ lại lời nói của ông Trung tá Nhu trước ngày tôi dẫn quân rời Pleiku:

“Chắc đi khỏi đây rồi, chú sẽ nhớ Pleiku lắm nhì?”

Nhằm tính lại, nếu không bị cản đường, chỉ cần một ngày di chuyển bằng xe chúng tôi đã có thể đi từ Pleiku tới Gia Nghĩa. Vậy mà trải qua nửa tháng trời vất vả chúng tôi mới có mặt ở chốn này. Tại đây chúng tôi sẽ thay thế hai tiểu đoàn trực thuộc Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân giữ nhiệm vụ phòng thủ Chi Khu Kiến Đức và khu vực phụ cận.

Hướng Bắc vùng này do Tiểu Đoàn 96 Biệt Động Quân bàn giao. Tôi cho Bộ chỉ huy nhẹ của Đại úy Tiểu đoàn phó và Đại Đội 4/82 trấn giữ khu vực này. Đại Đội 4/82 chiếm giữ ngọn đồi có cao độ 700 mét nhìn xuống con suối lớn có tên là Dak Blao.

Hướng Nam là khu vực do Tiểu Đoàn 72 Biệt Động Quân bàn giao. Nơi đây có ba ngọn đồi nằm giữa Ngã Ba Kiến Đức. Tôi cho các đại đội còn lại phòng thủ ba ngọn đồi này.

Bộ chỉ huy tiểu đoàn nằm với Đại Đội 3/82 trên đồi chính, cũng là khu có bốn khẩu pháo 105ly tăng cường.

Khi bàn giao, Trung tá Nguyễn Lang, biệt danh là “Lang Trọc” Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân nói với tôi rằng vùng này yên tĩnh lắm, quân ta và quân địch nằm cách nhau chỉ một con suối, uống chung dòng nước Dak Blao mà không hề bắn nhau. Nghe chuyện này tôi vô cùng ngạc nhiên. Kể từ khi Việt cộng vi phạm nghiêm trọng hiệp định ngưng bắn Paris, xua quân đánh chiếm Lệ Minh và Bù Bông năm 1973, thì cái vụ hòa hợp hòa giải này đã hết hiệu lực từ lâu.

Chắc chắn ông Lang đã biết tôi vừa thoát chết ở Pleime, ông Thiếu tá Nguyễn Ngọc Di mất xác ở Dak Pek, Thiếu tá Hà Văn Lầu tử trận ở Thường Đức? Vậy mà không hiểu vì lý do gì mà ông Lang dám cho lính dưới quyền ông ta sinh hoạt chung với địch mà không sợ bị địch trở mặt bất ngờ, và ông ta cũng không sợ bị thượng cấp trách phạt hay sao?

Tôi và Trung tá Nguyễn Lang là đôi bạn vong niên, chúng tôi gặp nhau thời gian Đại tá Lê Khắc Lý là Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2. Thời gian này tôi là Trưởng Phòng 2, còn Thiếu tá Lang là Trưởng Khối Chiến Tranh Chính Trị. Sau đó ông Lang ra thay ông Thiếu tá Quang giữ chức Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 89 Biệt Động Quân Biên Phòng.

Mùa Hè năm 1972 Thiếu tá Lương Văn Ngọ bị Tướng Trần Văn Hai truất quyền chỉ huy Chiến Đoàn 21 Biệt Động Quân thay thế bằng Thiếu tá Nguyễn Lang. Dưới quyền Thiếu tá Nguyễn Lang, Chiến Đoàn 21 Biệt Động Quân đã có công giải tỏa Quốc lộ 14 tiếp cứu Kontum nên ông Lang được vinh thăng cấp trung tá.

Sau một thời gian, có lẽ đã hơn một năm rồi, tôi và ông Trung tá Lang mới gặp lại nhau. Tôi nghĩ rằng chắc có ẩn tình gì đó, nên ông Lang đã giấu giếm không cho tôi biết nguyên nhân vì sao ông ta dám cho quân lính dưới quyền bắt tay giao du với giặc. Tôi chưa kịp tìm hiểu tình hình thực sự của vùng này như thế nào thì sáng sớm hôm sau, 5 tháng 10 năm 1974 tôi đã nghe Thiếu úy Thủy mật báo rằng đêm qua Đại úy Tiểu đoàn phó đã ngồi nhậu cả giờ đồng hồ với một tên cán bộ Việt cộng trong căn lều tranh “Hòa

Hợp, Hòa Giải” trên bờ Nam suối Dak Blao dưới chân Đồi 700. Căn lều này đã được Tiểu Đoàn 96 bàn giao lại!

Lập tức tôi cho Thiếu úy Phước xuống đồi gọi ông Tài lên trình diện. Vài phút sau, trước mặt tôi, ông Tiểu đoàn phó của tôi đã phân bua với tôi một cách thật ngây thơ:

– Tôi được Thiếu tá Hiền, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 96 Biệt Động Quân bàn giao rằng trong vùng này, quân hai bên sẽ sống chung hòa bình, không bên nào xâm phạm bên nào. Tối qua tôi có nói chuyện với thằng chỉ huy Việt cộng, y ta đã đồng ý không tấn công mình trước. Tôi chưa kịp báo cáo với Thái Sơn chuyện này thì ông đã biết rồi!

Tôi nhìn mặt ông phó của tôi mà chỉ biết lắc đầu chán nản:

– Thôi! Ông khăn gói về nằm với thằng Danh trên ngọn Đồi Tây. Tôi cấm ông bén mảng tới bờ suối! Cãi lệnh, tôi xử tử đó!

Ngay trưa hôm ấy tôi cho Đại Đội 3/82 tràn xuống chiếm cái làng Thượng có tên Bu M’Bré đã bỏ hoang, nằm bên hướng Tây Quốc lộ 14, đối diện với Đồi 700. Hai ông Đại đội trưởng 3/82 và 4/82 được mật lệnh tắt máy từ chiều hôm đó cho tới khi kế hoạch hoàn thành. Kế hoạch đề ra là, đúng 10:00g đêm 5 tháng 10 pháo binh sẽ bắn 200 trái đạn 105ly trên một tuyến dài theo hướng Đông–Tây vùng Bắc suối Dak Blao. Tới lúc pháo binh ngưng tác xạ, sẽ có những trái đạn 81ly chiếu sáng soi đường cho Trung đội Viễn Thám vượt suối làm cầu. Tiếp đó, Đại Đội 4/82 sẽ men theo cây cầu gãy, tiến chiếm cái làng Thượng đã bỏ hoang nằm trên khúc quanh của Quốc lộ 14 cách suối Dak Blao hai trăm thước. Đại Đội 3/82 sẽ làm trừ bị, sẵn sàng tiếp cứu Đại Đội 4/82 khi cần. Trong khi quân ta tiến chiếm mục tiêu thì khẩu cối 106ly của tiểu đoàn cứ thủng thỉnh rót từng viên đạn nổ trên khúc đường Quốc lộ 14 nằm dưới chân núi Bù Row để tiêu diệt và áp đảo tinh thần những tên địch chạy khỏi vùng.

Tôi đã nghe ông Trung tá Lang cảnh cáo rằng, nếu ta bắn 1 viên đạn pháo hay cối vào vùng địch, ta sẽ bị địch đáp trả từ 10 tới 20 lần hơn. Nhưng hình như đêm 5 tháng 10 Việt cộng đã bị hoàn toàn bất ngờ trước vụ tấn kích của tôi. Tôi không nghe tiếng súng lớn nhỏ nào của địch cả. Tuy vậy sáng ra, chúng tôi cũng chỉ phát giác được năm cái xác Việt cộng chết trong một chòi gác bên suối. Ta thu được vòn vẹn ba cây AK47 và một khẩu súng B40.

Chẳng lẽ lâu nay trong vùng này chỉ có một cái tiền đồn với 5 tên Việt cộng mà ta đã phải huy động tới hai tiểu đoàn Biệt Động Quân để trấn giữ hay sao?

Trời sáng rõ, tôi tiếp tục xua quân lên tiến chiếm cao điểm Bù Row có cao độ 750 mét, nằm về hướng Tây, sát mép Quốc lộ 14. Đồi Bù Row là một cái đồn cũ từ thời Pháp, có ba cái lô cốt và hàng rào mìn xung quanh. Tuy vậy, sau hơn một năm làm chủ khu vực này, Việt cộng đã gỡ hết mìn bẫy trong vùng. Xung quanh Bù Row giờ đây là những vạt

vườn trồng khoai mì rộng mênh mông. Vùng này đã trở thành khu vực canh tác sản xuất của Trung Đoàn 271 cộng sản.

Trưa 6 tháng 10 năm 1974 tôi đang ngồi ôm cái ống nhôm, theo dõi hai đại đội tiền phương tiến quân, thì có một chiếc xe Dodge 4×4 từ Nhơn Cơ chạy tới. Tới chân Đồi Kiến Đức, có vài người bước xuống. Một lúc sau, Trung úy Trần Dân Chủ chạy ra khu pháo binh báo cho tôi biết có một ông trung tá của tiểu khu muốn gặp mặt tôi. Tôi ra lệnh cho ông Chủ xuống đường, dẫn ông trung tá lên đây nói chuyện, vì tôi đang bận điều quân.



Ông Trung tá Chỉ huy phó Tiểu Khu Quảng Đức bắt tay tôi, rồi dịu dàng:

– Anh Long có khoẻ không?

Tôi hớn hờ khoe:

– Tôi khoẻ như vâm! Tụi tôi đang đuổi bọn Việt cộng chạy như vịt! Tôi tái chiếm Đồi Bù Row rồi! Nếu tiểu khu yểm trợ pháo cho tôi, và cho tôi một tiểu đoàn trừ bị, tôi lấy lại đồn Bù Bông trong vòng 24 giờ! (Đồn Bù Bông nằm về hướng Bắc Quận Ly Kiến Đức khoảng 20 cây số, do Địa Phương Quân phòng thủ. Đồn này đã bị Cộng quân chiếm giữ từ cuối năm 1973).

Ông tiểu khu phó lắc đầu thở dài:

– Ông Nghìn sai tôi ra đây để nói với anh rằng, ngừng cái hành động lấn đất giành dân ngay đi! Ông ấy sợ Sài Gòn mà nghe biết tình hình vùng này đột nhiên mất an ninh, họ sẽ khiến trách ông tỉnh trưởng đấy!

Nghe ông tiểu khu phó nói, tự nhiên tôi thấy cụt hứng, bao nhiêu hào khí phút chốc tan như hơi sương. Nhưng tôi vẫn cương quyết:

– Nhờ Trung tá về nói với Đại tá Nghìn rằng, tôi đã lấn tới Bù Row. Vì từ đỉnh Bù Row địch có thể đặt cối và súng không giật bắn vào Kiến Đức, nếu các ông mà bắt tôi trả Bù Row cho Việt cộng thì tôi sẽ xin đem quân đi chỗ khác, không trấn đóng vùng Tây Quảng Đức nữa!

Ông trung tá già nhìn tôi buồn rầu:

– Em là một sĩ quan lý tưởng của quân đội, tiếc rằng thời buổi này người ta không ưa những con người như em!

Rồi ông bắt tay tôi, từ giã.

Từ ấy cho tới ngày tàn chiến tranh, tôi không còn dịp nào gặp mặt ông nữa. Hình như sau đó ít lâu ông trung tá này đã chuyển đi nơi khác.

o0o

Đêm 6 tháng 10 từ trong rừng hướng Bắc suối Dak Blao có tiếng loa của Việt cộng oang oang:

– Đả đảo Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Ngụy đã vi phạm cam kết hòa hợp hòa giải! Đả đảo tên Tiểu đoàn trưởng 82 Biệt Động Quân khát máu!

Chỉ mười phút sau, tiếng loa tắt phụt sau một loạt đạn M16 nổ giòn.

Sáng ngày 7 tháng 10 toán Viễn Thám 823 của Trung sĩ Nguyễn Chi tiến vào rừng khai thác kết quả, chỉ thấy một thằng giặc nằm chết cong queo bên chiếc loa tay. Từ đêm 7 tháng 10 trở đi không còn cái loa nào léo nhéo nữa....

Sáng 8 tháng 10 tôi đưa cho Đại úy Nguyễn Hữu Tài cái sự vụ lệnh hoàn trả ông ta về liên đoàn, với lý do kém khả năng. Tôi không còn kiên nhẫn để ông đại úy này tiếp tục làm việc dưới quyền mình nữa. Đại úy Nguyễn Hữu Tài là người đầu tiên từ giã Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân mà không có tiệc tiễn đưa.



Trước giờ Đại úy Tài vào chào tôi để gỡ tội, tôi đã tự tay xé cái giấy phạt 15 Trọng Cầm xin gia tăng tối đa mà tôi đã phạt ông Tài với tội danh “Bắt tay với địch quân”. Tôi làm chuyện này, vì tôi vừa hồi tâm, nhớ lại những lời ông trung tá già, Tiểu khu phó Tiểu Khu Quảng Đức: “Ông Nghìn sai tôi ra đây để nói với anh rằng, ngừng cái hành động lấn đất giành dân ngay đi! Ông ấy sợ Sài Gòn mà nghe biết tình hình vùng này đột nhiên mất an ninh, họ sẽ khiển trách ông tỉnh trưởng đấy!”

Tôi không biết hành động sống chung hòa bình với kẻ thù của Trung tá Lang đã có sự đồng tình của ông tỉnh trưởng hay không? Tôi không biết ông Nghìn đã làm nger, hay ông Nghìn đã ngầm ra lệnh cho ông Lang bắt tay với địch để cho Sài Gòn yên trí rằng: “Mặt Trận Miền Tây Quảng Đức vẫn bình yên” (?)

Tôi cũng không biết, nếu ngày đó người nhận bàn giao vùng Bắc Kiến Đức không phải là tôi, mà là Thiếu tá Mẫn hay Thiếu tá Đàng thì quân ta và quân địch có tiếp tục chung sống hòa bình, uống chung một dòng nước suối Dak Blao hay không?

Mãi lâu lắm, sau này, tôi mới nghe biết Trung tá Nguyễn Lang đã bị Tư Lệnh Quân Đoàn II phạt 40 ngày Trọng Cầm vì đã bắt tay với địch, nên bị buộc tội “Vi Phạm Huấn Lệnh Quân Sự”.

Sau khi bị phạt, ông Trung tá Nguyễn Lang đã bị giải ngũ, loại ra khỏi quân đội.

Còn Thiếu tá Huỳnh Công Hiến, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 96 Biệt Động Quân cũng bị phạt nặng không kém gì ông Trung tá Lang, nhưng không bị giải ngũ.

Mãi tới năm 1979 tôi và ông Nguyễn Lang mới gặp lại nhau trong Trại tù Cải tạo Nam Hà A, ngoài Bắc Việt. Trong lúc ngồi ôn chuyện xưa ở Kiến Đức, ông Lang không phiền trách chuyện tôi đã xua quân qua suối Dak Blao phá vỡ hiệp ước bất tương xâm mà ông Lang và Việt cộng đã giao ước với nhau. Ông Lang chỉ bậm môi, chửi thề:

“Đù má thằng Nghìn! Chơi xấu! Chạy tội! Đồ lỗi lên đầu moa!”

Nghe ông Lang nói thế, tôi cũng chẳng thèm tìm hiểu thêm xem, ngày đó ông Lang và ông Nghìn đã có gì vướng víu, khúc mắc với nhau không? Có phải chính ông Nghìn đã làm ngơ trước lỗi lầm của Thiếu tá Hiền và Trung tá Lang không? Có phải tới khi chuyện xấu vỡ lở, ông ta lại phải tay, chạy tội hay không?

Về phần tôi, hiển nhiên, ngày đó tôi đã bị ông Nghìn khoá tay, không cho đánh nhau nữa.

o0o

Đời lính, vui và buồn...

Ngày 9 tháng 10 năm 1974 tôi và ba quân nhân khác đại diện Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân được trực thăng chở về hậu cứ Pleiku chuẩn bị tham dự ngày lễ thành lập Quân Đoàn II.

Trong ba ngày 9, 10, và 11 tháng 10 Trung tá Hoàng Kim Thanh thay thế tôi chỉ huy Ngã Ba Kiến Đức. Buổi lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân Đoàn II đã diễn ra thật đơn giản. Tổng thống đã không có mặt, các tỉnh trưởng trực thuộc Quân Khu 2 cũng không có ai. Trên khán đài chỉ có hai ông tướng, là Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân Đoàn II, và Thiếu tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Trong khi Tướng Toàn đang bận gắn cái huy chương Anh Dũng Bội Tinh với Nhàn Dương Liễu lên hiệu kỳ của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, thì Tướng Niệm nài nỉ Tướng Toàn:

– Biệt Động Quân không dùng Thiếu tá Long thì Trung tướng cho anh Long về làm việc với tôi đi!

Ông Toàn có vẻ bực mình, càu nhàu:

– Ông thích nó thì nói với nó, duyên có gì mà phải năn nỉ tui?

Nghe ông Toàn cự nự, Tướng Niệm bèn bước tới bắt tay tôi:

– Chúc mừng Tiểu Đoàn 82 vừa được tuyên dương công trạng trước quân đội! Chúc mừng Thiếu tá Long!

Sau đó ông Tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh hạ giọng, vừa đủ cho tôi và mấy người đứng bên tôi nghe được.

Vương Mộng Long
(còn tiếp...)

Kỳ 5
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

– Qua biết Biệt Động Quân đối với em không tốt! Em xin về với qua, qua sẽ trình với đại tướng duyệt xét lại chiến công trận Pleime của em, điều chỉnh cho em lên trung tá, sau đó qua sẽ giao một trung đoàn cho em chỉ huy.

Tôi đã được Tướng Toàn và Đại tá Tất hứa rằng tất cả quân nhân trực thuộc Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân sẽ được thăng một cấp đặc cách sau chiến thắng Pleime 1974, nên khi nghe Tướng Niệm nói những lời trên, tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi bèn cười cười, đáp lời Tướng Niệm:

– Cảm ơn Thiếu tướng! Tôi còn yêu mến binh chủng Biệt Động Quân. Tôi chưa muốn đi đơn vị khác!

Bốn mươi sáu năm sau, tháng 10 năm 2020, tôi còn nhớ như in trong óc những lời Tướng Phan Đình Niệm nói với tôi lúc giữa trưa ngày 10 tháng 10 năm 1974, cũng là dịp Kỷ Niệm 22 Năm Ngày Thành Lập Quân Đoàn II.

Chiều 11 tháng 10 năm 1974 tôi về tới Kiến Đức thì được báo tin rằng trong thời gian tôi vắng nhà, Trung úy Nguyễn Công Minh và Thiếu úy Trần Văn Phước đã được chuyển lên làm việc ở Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân.

Trung úy Minh được giữ chức Trưởng Ban Truyền Tin, và Thiếu úy Phước đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban 2.

Cũng trong thời gian này Thiếu úy Lý Ngọc Châu đã mãn khoá Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Vừa trở về hôm trước, hôm sau chú Châu đã đôn đốc mấy ông Lao Công Đào Bình hoàn tất một ngôi nhà lá Câu Lạc Bộ rất khang trang. Ông Tàu Hỷ đầu bếp, kiêm thủ quỹ của Câu Lạc Bộ đã liên lạc được với một cửa hàng chạp phô dưới Nhơn Cơ cung ứng mọi thứ hàng cần dùng để bán cho anh em. Chủ cửa hàng này là vợ chồng ông Lâm Văn Cáo người gốc Hoa Chợ Lớn. Hiện thời, tình hình Tây Quảng Đức hoàn toàn lắng dịu, ta không thấy tên địch nào xuất hiện trong vùng, mà địch cũng không dám bén mảng tới gần để quấy rối ta.

Bỗng một hôm, tôi đang ngồi trong hầm hành quân chỉ dạy cho Thượng sĩ Nguyễn Phường, hạ sĩ quan Ban 2 cách điều hành công tác tham mưu tình báo tiểu đoàn thì Trung úy Trần Dân Chủ, Ban 3 chạy vào báo cho tôi biết Chuẩn úy Trần Quảng, vừa quá giang xe đò từ Gia Nghĩa tới Kiến Đức và muốn gặp mặt tôi để thông báo một tin quan trọng. Chuẩn úy Quảng đang đứng dưới đường. Tôi cho phép chú Quảng vào Câu Lạc Bộ của tiểu đoàn chờ gặp.

Thấy tôi, Quảng liên tục phát ngôn:

– Anh Long ơi! Sáng nay ông Thiệu úy Trần Văn Phước đã vác súng đuổi bắn Đại tá Vấn và Trung úy Hạp làm cho hai ông này chạy bán sống, bán chết!

Tôi ngạc nhiên:

– Vì lý do gì vậy? Chẳng lẽ thằng Phước lại say rượu nữa hay sao?

– Dạ không! Anh Phước tỉnh táo lắm! Sáng nay em trực hành quân, em thấy anh Phước mắt đỏ ngầu, tay cầm khẩu Colt 45 bước vào phòng họp, miệng la oang oang, “Đại tá Vấn đâu? Ra đây! Tui cho ông biết thế nào là chạy! Thế nào là chết!” Nghe tiếng hét của anh Phước, Đại tá Liên đoàn trưởng sợ quá, vội chạy ra khỏi phòng tránh mặt. Ông Trung úy Hạp, Trưởng Ban 3 Liên đoàn, tiến tới khuyên can thì bị anh Phước bắn bốn phát sượt qua vai. Ông Hạp phóng ra sân, anh Phước đuổi theo, nhưng bị vấp ngã, khẩu súng văng khỏi tay. Lập tức, anh Phước bị mấy người lính ôm vật rồi trói lại. Đại tá đã chuyển anh Phước đi Gia Nghĩa nhốt trong Ty An Ninh Quân Đội. Biết chuyện này, em phải chạy ngay về đây báo cho anh hay ngay.

Chuẩn úy Trần Quảng trước đây là trung đội trưởng của Tiểu Đoàn 82. Trong trận Căn cứ 711 tháng 4 năm 1974, Quảng bị thương, sau khi xuất viện, Quảng được chỉ định làm sĩ quan Phụ tá Ban 3 của Liên Đoàn 24.

Khác với những quân nhân trong đơn vị, lúc nào gặp tôi, Quảng cứ gọi tôi bằng đại danh từ “Anh” vì Trần Quảng là em của Trần Đồn, một anh bạn cùng trường, cùng lớp của tôi từ thời 1956 ở Hội An. Tôi biết Quảng từ ngày chú ấy còn mặc quần thùng đít. Tôi nhìn Quảng gặng hỏi:

– Vậy chú có biết vì lý do gì mà thằng Phước lại nổi điên như thế không?

– Em nghe nói anh Phước muốn giết ông đại tá là vì trong thời gian Tiểu Đoàn 82 bị vây ở Pleime, ông Vấn có than phiền và “trù ẻo” cho Tiểu Đoàn 82 sớm chết mất xác, sớm bỏ đống gì đó! Vì thế mà anh Phước muốn trả thù ông Vấn!

Nghe Quảng giải thích, tôi nhớ lại ngay chuyện Đại tá Từ Vấn đã “trù ẻo” chúng tôi như thế nào trong thời gian ấy.

Số là, hồi tháng 8 vừa qua, vòng vây của địch quanh Pleime càng lúc càng siết chặt, số mệnh của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân lâm vào tình trạng mong manh như ngàn cân treo sợi tóc, khiến cho ông Đại tá Liên đoàn trưởng phải vất vả, âu lo với nhiều đêm thức trắng. Một hôm, quá nản lòng, thối chí, ông đã buột miệng than:

“Mẹ nó! Chết thì không chết! Chạy thì không chạy! Cứ dờ dờ, ương ương, làm cho người ta mất ăn, mất ngủ!”

Lúc mới nghe được chuyện này tôi cũng bất mãn và tức giận lắm, sau này tôi bỏ nó ra ngoài tai, vì tôi nghĩ rằng ông Đại tá Từ Vấn là người ăn nói vung vít, bụng để ngoài da, phát ngôn vô tội vạ, chứ cũng chẳng có ác ý gì. Đâu ngờ người đàn em của tôi cũng biết chuyện này, nên ghìim nổi uất hận trong ruột, nay có dịp là bùng phát ra ngay. Thiếu úy Trần Văn Phước là một trong những đàn em mà tôi đem theo từ ngày đầu nhận chức vụ Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân. Tính tình của Phước rất là vui vẻ, dễ thương, nhưng cũng không ai dễ dàng bắt nạt được chú ấy. Phước có cái tật thích uống rượu, rượu vào rồi, dù có việc phải nhảy vào lửa đỏ, chú ấy cũng không từ nan. Thêm vào đó, là cái lòng cương trực thẳng băng như ruột ngựa, khiến cho những người quen chú ấy đã thương thì thật là thương, đã ghét thì thật là ghét. Ở Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 chỉ có mình tôi là người độc nhất chỉ huy được con ngựa bất kham này.

Cuối năm 1972, sau khi tốt nghiệp khoá Tình Báo Căn Bản từ Trường Quân Báo Cây Mai, Chuẩn úy Trần Văn Phước đảo nhậm Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 và theo chân tôi từ đó. Thời gian ở Pleiku, Phước chỉ huy Biệt Đội Biên Vụ, có 18 anh Viễn Thám trực thuộc Phòng 2 dưới quyền tôi. Có một tối cuối năm 1973, trong quán bún bò cũng là nhà riêng của ông Đại úy Hải, sĩ quan Phòng vệ của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2, Phước mở tiệc khoản đãi một toán Biên Vụ vừa thoát chết trở về. Tới khuya mà bọn này còn cười nói oang oang, khiến cho ông Sĩ quan Tổng trực, cũng là Thiếu tá Trưởng Phòng 3 của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 nghe được. Ông thiếu tá này bước vào quán, ra lệnh cho mấy anh lính Phòng 2 giải tán.



Thiếu úy Phước và Đại úy Hải chủ quán vội vàng lên tiếng năn nỉ:

– Xin Thiếu tá cho phép anh em được ngồi thêm vài phút nữa để ăn cho xong mỗi người một tô bún bò.

Nghe xong, ông sĩ quan Tổng trực tức quá hét lên:

– Không được! Phải dẹp ngay! Mai tôi sẽ làm phúc trình đề nghị đại tá ra lệnh đóng cửa vĩnh viễn cái quán bún bò này của ông Hải! Ngày nào cũng bán tới khuya, ồn ào, mất trật tự!

Cùng lúc đó, bà vợ Đại úy Hải bùng ra mâm bún bò bốc khói để trên bàn ăn.

Vị Sĩ quan Tổng trực thấy mấy chàng lính Thượng râu ria xồm xoàm, tóc dài, ngổ ngáo, cứ giương mắt nhìn ông, ông bèn ra oai, cầm tô bún bò nóng bốc hơi, đổ lên đầu anh chàng Phước, miệng ông la:

– Đủ mẽ! Tao ra lệnh cho tụi mi giải tán mà tụi mi cứ trơ mắt ngó! Không thi hành lệnh của tao hả!

Kết quả hành động oai hùng của ông thiếu tá đã đưa tới một kết cục không hay. Thiếu úy Trần Văn Phước sau khi giơ hai tay vuốt cho sạch mớ bún trên đầu tóc, đã thẳng tay đâm vào mặt ông thiếu tá một cú thoi sơn, khiến ông thiếu tá lăn quay ra đất, nằm giãy đành đạch.

Bi hài kịch này xảy ra vào lúc khá khuya, trong quán bún bò ông Hải, khán giả chỉ có trên dưới mười người. Xóm giềng của ông Hải đã ngủ yên. Giờ đó gia đình tôi cũng ngủ lâu rồi.

Sáng hôm sau, ông Thiếu tá Trưởng Phòng 3 mặt mày bầm tím, bước vào Phòng 2 gặp mặt tôi:

– Tui biết Trường An (Đại tá Tất) thương Long, nhưng lính của Long kiêu binh quá! Đêm qua lính của Long mới đánh tôi đây!

Nhìn cái mặt bầm giập của ông Trưởng Phòng 3, tôi tá hỏa, ngạc nhiên:

– Chuyện xảy ra làm sao? Anh cho tôi biết để tôi trừng trị bọn hỗn hào, bá láp này!

– Tôi qua tụi nó tụ tập nhậu nhẹt la hét om sòm trong quán bún nhà ông Hải. Tôi tới ra lệnh cho tụi nó giải tán, tụi nó xúm nhau vào đánh tôi! Cầm đầu là thằng Phước!

Tôi ra lệnh cho anh Viễn Thám gác cửa:

– Thằng Ba đi gọi Thiếu úy Phước lên đây trình diện tao!

Ba mươi giây sau, Thiếu úy Phước lồm lét đứng trước mặt tôi:

– Tôi qua ông sĩ quan Tổng trực làm nhục em, em chỉ phản ứng tự vệ!

Tôi nhìn thẳng vào mặt Thiếu úy Phước rồi đồng dục:

– Kể hết đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe! Sau đó phải có lời xin lỗi ông Thiếu tá Sĩ quan Tổng trực!

Phước có vẻ nửa bất mãn, nửa sợ sệt, kể lại toàn bộ diễn tiến sự việc xảy ra tối hôm trước cho tôi nghe, cuối cùng Phước nhìn tôi buồn bã:

– Thái Sơn có thể đá đít, bạt tai em, hay đem em đi nhốt, vì tội lỗi mãng, nhưng Thái Sơn đừng bắt em phải xin lỗi ông thiếu tá này.

Nghe hiểu chuyện, tôi thấy nóng mặt, giơ ngón tay trỏ, chỉ ngay trán Thiếu úy Phước rồi hét lên:

– Mi là thằng hèn! Mi là thằng hèn!

Phước giật mình thụt lui lại đằng sau một bước run lẩy bẩy, miệng lắp bắp:

– Em... Em...

Tôi quát tiếp,

– Em! Em! Em cái gì? Em là một thằng hèn! Người ta đổ bát bún lên đầu em mà em chỉ dám đánh người ta! Em có súng mà không dám bắn người hạ nhục em thì em không xứng đáng là em của Thái Sơn! Đáng lý ra em phải bắn vỡ đầu nó! Em là một thằng hèn! Nghe rõ chưa! Cút đi!

Lúc tôi quay mặt lại thì không còn thấy bóng dáng ông Thiếu tá Trưởng Phòng 3 và anh Thiếu úy Trần Văn Phước đâu cả. Ít ngày sau, tôi cho Thiếu úy Phước vào Pleime trước chờ tôi. Gần hai tháng sau đó, tôi nhận chức chỉ huy căn cứ này. Từ ấy tới nay chú Phước sống vào khuôn vào phép, không làm mích lòng ai. Vậy mà mới sểnh tay tôi ra vài ngày là có chuyện! Tôi chưa biết làm cách nào để cứu thằng em thì Trung sĩ 1 Lưu Đức Hoàn, Hạ sĩ quan Ban 3 tiểu đoàn xuống đòi tìm gặp:

– Hai Lê Chín mời Thái Sơn về liên đoàn có việc cần.

Tôi tới bộ chỉ huy liên đoàn thì phòng hội đã đầy người. Trung tá Hoàng Kim Thanh đứng giữa phòng họp, thấy tôi xuất hiện thì ông vỗ hai tay vào nhau, rồi cao giọng, tuyên bố:

– Đại tá Liên đoàn trưởng bận đi họp trên tiểu khu, ủy quyền cho tôi chủ tọa buổi họp này. Tất cả anh em đang chờ Thiếu tá Long, giờ này mình bắt đầu khai mạc hội đồng kỷ luật được rồi!

Tôi ngồi xuống ghé thắc mắc:

– Kỷ luật ai vậy?

– Thì mình xử anh sĩ quan vô kỷ luật là Thiếu úy Trần Văn Phước của Tiểu Đoàn 82 chứ ai?

– Thiếu úy Phước không phải là sĩ quan của Tiểu Đoàn 82!

Trung tá Thanh nhìn sững ngay mặt tôi:

– Vậy chứ anh Phước là lính của ai?

– Thiếu úy Trần Văn Phước đã chuyển về Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn, không còn thuộc quân số của Tiểu Đoàn 82 nữa!

– Sáng nay Thiếu úy Trần Văn Phước đã bắn phá lung tung ở đây, nguyên nhân gây ra bắt nguồn từ Tiểu Đoàn 82, Thiếu tá Long là Tiểu đoàn trưởng nên liên đới chịu trách nhiệm!

Tôi đứng dậy, gần từng tiếng:

– Tôi đã biết rồi! Chuyện này là thù hằn riêng tư giữa Đại tá Ván và Thiếu úy Phước, không liên quan gì tới tôi!

Dứt lời, tôi đứng dậy bước ra ngoài, trước con mắt ngạc nhiên của mọi người có mặt. Nửa giờ sau tôi đã về tới Kiến Đức, có vài lần Trung tá Thanh gọi tôi vào máy để nói chuyện. Tôi bắt máy nhưng chỉ ậm ừ vài tiếng rồi dứt khoát:

– Nếu không phải chuyện hành quân, tôi sẽ không tiếp ai cả.

Hôm sau Trung tá Thanh lên Kiến Đức tìm gặp tôi, anh Thanh nói:

– Ông Hai Lê Chín ra lệnh cho chú tới An Ninh Quân Đội Quảng Đức ký giấy lãnh thẳng Phước ra.

Tôi lắc đầu:

– Ông Ván nhốt nó thì ông Ván phải ký giấy thả nó! Tôi không rảnh mà làm chuyện này!

Thấy tôi nhất mực từ chối, Trung tá Thanh bèn vào hầm truyền tin nói chuyện với Đại tá Ván một lúc lâu rồi kéo tôi vào Câu Lạc Bộ.

– Nếu bây giờ liên đoàn hoàn trả nó cho 82 thì chú có lãnh nó không?

– Ông Ván ký lệnh chuyển chuyên cho nó về lại 82 thì tôi sẽ lãnh nó ngay!

– Chú có dám bảo đảm rằng được tha ra, nó sẽ không làm loạn nữa chứ?

– Tôi bảo đảm, với điều kiện ông Ván không phạt nó, và bỏ qua chuyện vừa rồi.

– Thì ông Ván hứa với anh rằng ông ấy cũng có ý định như thế!

Tôi nhìn ngay mặt Trung tá Thanh:

– Mình là người lớn, nói phải giữ lời! Anh nói với ông Hai Lê Chín đừng vi phạm cái giao kèo này đấy nhé!

Vài phút sau tôi lên xe cùng với ông Trung tá Hoàng Kim Thanh phóng như bay ra Quảng Đức. Chiều đó xe của tôi trở về Kiên Đức chở theo ông cao bồi bản... dở như hach, tên là Trần Văn Phước. Hai ngày sau, ông Đại tá Từ Văn bản giao chức vụ Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân cho ông Trung tá Hoàng Kim Thanh. Buổi lễ bàn giao liên đoàn diễn ra vô cùng giản dị. Trên cái bàn dài có hai chai rượu Hennessy cùng mấy đĩa thịt gà luộc. Hiện diện quanh bàn tiệc, ngoài năm vị cầm đầu liên đoàn ra, có chừng năm sáu sĩ quan tham mưu.

Diễn văn từ biệt của Đại tá Từ Văn vốn vẹn ba câu ngắn gọn, mà bốn mươi sáu năm sau tôi vẫn còn nhớ nằm lòng:

- (1) Hôm nay tôi gặp mặt từ giã anh em để lên đường nhận nhiệm vụ mới.
- (2) Tôi chúc tất cả anh em luôn luôn mạnh khỏe, bình an.
- (3) Chúc Thiếu tá Long vinh thăng trung tá để giữ chức Liên đoàn trưởng!

Sau khi ông Từ Văn ra đi khá lâu, tôi mới hiểu ý nghĩa những lời giã từ của ông ấy. Thì ra câu, “Chúc Thiếu tá Long vinh thăng trung tá để giữ chức Liên đoàn trưởng!” chỉ là một câu nói móc lò. Ông Văn chắc chắn đã biết cái lon trung tá đặc cách tại mặt trận của tôi đã bị người ta ém nhem mất tiêu rồi, nên ông ta cười vào mặt tôi, mà tôi không hay!

Ông Đại tá Từ Văn thuyên chuyển, Trung tá Hoàng Kim Thanh đương nhiên được đảm nhận chức vụ Xử Lý Thường Vụ Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân, và Trung tá Trịnh Thanh Xuân từ Pleiku tới nhận chức Liên đoàn phó Liên Đoàn 24.

Ông Trịnh Thanh Xuân vốn dĩ là Tiểu đoàn trưởng của Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân. Trong thời gian Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân bị vây ở Pleime thì đơn vị của ông Xuân trú quân vùng Tây Pleiku.

Một đêm tối trời, tiểu đoàn của ông Xuân đã có công đánh lui một mũi Đặc Công Việt cộng trong lúc chúng đang cố gắng cắt rào, chui vào khu vực phòng thủ của pháo binh ở Căn cứ 333 vùng Tây Pleiku. Sau khi thất bại, tụi Việt cộng đã bỏ chạy và để lại chiến trường bốn cái xác mặc quần áo đen, cùng mấy bánh thuốc nổ, nhưng không có khẩu súng nào. Thiếu tá Trịnh Thanh Xuân được Đại tá Phạm Duy Tất và Trung tướng Nguyễn Văn Toàn cho đặc cách thăng cấp trung tá vì công trạng này. Cùng đi với Trung tá Xuân là một đại úy, dự trù sẽ được bổ sung cho Tiểu Đoàn 82 thay chỗ Đại úy Nguyễn Hữu Tài. Ông đại úy này tên là Lê Bá Ngọ mới từ Sài Gòn thuyên chuyển tới.

Đại úy Ngọ là “Cố nhân” đồng thời cũng là người chỉ huy tôi ngày tôi mới ra trường. Đầu năm 1966 ông Ngọ là Trung úy Đại đội trưởng Đại Đội 3/11 Biệt Động Quân, tôi là một thiếu úy trung đội trưởng dưới quyền ông Ngọ. Tôi với ông Ngọ xa cách lâu rồi, nay ông ta xin về làm Tiểu đoàn phó cho tôi, nhưng tôi đã thẳng thắn từ chối, không nhận Đại úy Lê Bá Ngọ về đơn vị mình.

Hôm sau, tôi lại bị gọi về liên đoàn để nhìn mặt một “Ứng Viên” thứ nhì cho chức vụ Tiểu đoàn phó Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân. Lần này là một đại úy người Nam xuất thân khoá 10 Trừ Bị Thủ Đức. Vừa bắt tay nhau, ông đại úy đã toét miệng cười, để lộ hai, ba cái răng bịt vàng:

– Tui mới từ Sài Gòn ra, được lệnh tới Tiểu Đoàn 95 giữ chức Tiểu đoàn phó. Nhưng tui nghe ông cần người phụ tá, tui vội tình nguyện đi ngay.

– Làm phó 95 có khác gì làm phó 82 mà ông lại xin về 82?

– Tui thích ông, phục ông, nên xin về 82. Và lại tui biết ông từ năm 1966, ngày ông mới ra trường!

– Năm 1966 ông ở tiểu đoàn nào ngoài Vùng 1 mà nói biết tôi?

– Tui ở Ban Đại Diện Biệt Động Quân/Quân Khu 1 dưới quyền Thiếu tá Hoàì. Tui là anh trung úy đã lái xe ra đón mấy ông thiếu úy khoá 20 Đà Lạt ở sân bay Đà Nẵng, rồi đem các ông phân phối cho ba tiểu đoàn Biệt Động Quân của Quân Khu 1. Trong số mấy ông khoá 20 ngày đó tôi nhớ tên ông nhất, vì tên ông vừa lạ lại vừa đẹp!

– Từ đó tới nay cũng 8 năm rồi, ông còn nhớ tôi thì quả là ông giỏi lắm đó! Nếu có duyên thì mình sẽ có dịp ở với nhau lâu. Tôi nhận ông về làm việc với tôi kể từ giờ này.

Vài ngày sau tôi nhận được công điện xác nhận của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 ghi rõ ràng việc bổ nhậm chức vụ của ba vị sĩ quan có tên dưới đây:

1) Đại úy Nguyễn Hữu Tài, khoá 10 Thủ Đức, giữ chức Tiểu đoàn phó Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân.

2) Đại úy Ngũ Văn Hoàn, khoá 10 Thủ Đức, giữ chức Tiểu đoàn phó Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

3) Đại úy Lê Bá Ngộ, khoá 12 Thủ Đức, giữ chức Tiểu đoàn phó Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân.

Ông tân Tiểu đoàn phó của tôi đi đâu cũng đem vợ con theo, tôi phải cho gia đình ông đại úy tá túc trong một căn hầm khá rộng nằm sát vách hầm truyền tin của tiểu đoàn. Gia đình này gồm một chồng, một vợ, một bé gái, và một con chó Nhật bé tí teo.

oOo

Đời lính, vinh quang và cay đắng...

Hạ tuần tháng 10 năm 1974 tôi nhận được danh sách những quân nhân được thưởng do chiến thắng Pleime 1974. Tôi ngạc nhiên khi thấy trên công điện thông báo thì Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân vốn vẹn có tên ba người được thăng cấp là ông Tiểu đoàn phó Nguyễn Hữu Tài lên thiếu tá, ông Trưởng Ban 3 Trần Dân Chủ lên đại úy, ông Trưởng Ban 2 Trần Văn Phước lên trung úy. Những sĩ quan khác đều bị gạch tên, không huy chương, không lên lon, kể cả Thiếu tá Vương Mộng Long và ba ông sĩ quan đại đội trưởng tác chiến.

Vị đại đội trưởng tác chiến duy nhất của tôi được thăng cấp đó là Thiếu úy Phạm Đại Việt, Đại đội trưởng Đại Đội 3/82. Thiếu úy Phạm Đại Việt đã được cấp trên gắn cho cái lon Cổ Trung úy. Thượng cấp không gỡ gạch tên ông ta, chỉ vì ông ta đã bị trúng đạn pháo kích của địch quân ngày 16 tháng 8 năm 1974 và đã chết mất rồi! Tôi là người thay mặt Đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng gắn ba bông mai vàng lên ve áo của ông Trần Dân Chủ. Đại úy Ngũ Văn Hoàn thay mặt cho Đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng gắn hai bông mai vàng lên ve áo của ông Trần Văn Phước.

Vì Đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu không cho tôi biết lý do vì sao những quân nhân còn lại của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã bị loại ra khỏi cái danh sách thăng thưởng mà tôi đề nghị, nên tôi không thể đại diện cho Đại tướng Cao Văn Viên trả lời thắc mắc của những người lính dưới quyền tôi. Trong cuộc đời 10 năm chinh chiến, tôi đã lên voi xuống chó nhiều lần rồi, vấn đề lon lá tôi không coi trọng.



Nhưng những quân nhân dưới quyền tôi thật là tội nghiệp, họ đã nghiêm chỉnh thi hành lệnh của Đại tá Chỉ huy trưởng Biệt Động Quân/Quân Khu 2, Trung tướng Tư lệnh Quân Đoàn II, và Tổng thống nước Việt Nam Cộng Hòa là: “Chọn cái chết chứ không di tản chiến thuật”. Họ đã quên mạng sống của chính mình để “Tử Thủ” và sẵn sàng chết theo Pleime nếu tiền đồn này rơi vào tay giặc.

Vì thế mà nghe được cái tin “Tất cả quân nhân tham chiến trận Pleime 1974 sẽ được đặc cách thăng một cấp” thì nhiều ông đã thủ sẵn trong túi cặp lon mới sáng chói, chờ ngày “Rửa lon”. Ai ngờ cấp trên đã nói trước, quên sau, những lời hứa chỉ còn là cái bánh vẽ!

Các ông Trung úy Nguyễn Công Minh, Nguyễn Hữu Anh, Thiếu úy Lê Đình Khay, Phạm Văn Thủy, Huỳnh Kim Hoàng, Nguyễn Văn Hồ, Chuẩn úy Phan Quốc Thiệu, Lê Hữu Đức, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Hữu Phước, Lê Văn Phước, Lê Hữu Bảo, Thượng sĩ Nguyễn Văn Năng, Y Khăm Nier, Y Ngon Nier, Trần Văn Sơn, Lê Hữu Phong, Trung sĩ 1 Lưu Đức Hoàn, Hạ sĩ 1 Mom Sol... cùng với ông Trung úy Pháo binh Biên Phòng tên là Nguyễn Như, khi thấy mình lọt sổ trên danh sách thăng cấp đặc cách thì cũng buồn năm phút, nhưng các vị này hết buồn ngay sau khi biết rằng con chim đầu đàn là Thái Sơn mà còn bị người ta “quên” (!)

Tôi cũng được thông báo rằng, Trung úy Nguyễn Văn Song, Đại đội trưởng Đại Đội 2/81 là đơn vị tặng phái cho tôi đã được đặc cách lên đại úy và ông trung úy Trưởng Ban 3 liên đoàn cũng được lên đại úy.

Khi nghe tin ông Trung úy Y sĩ trưởng của liên đoàn được tương thưởng một huy chương Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Đồng, tôi cũng mừng cho ông ấy, vì Quân Y mà có Anh Dũng Bội Tinh thì hiếm lắm!

Nhưng tôi lại rất buồn khi nhìn thấy anh Hạ sĩ nhút Y tá tên là Chiến của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã không được lên lon mà cũng chẳng nhận được một tờ giấy khen dù là của cấp trung đoàn. Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân không có sĩ quan trợ y, Hạ sĩ 1 Chiến chính là ông “Bác sĩ Vĩ Đại” của chúng tôi trong 33 ngày đêm tử thủ. Từ chuyện chữa trị chúng nhưc đầu, sổ mũi của anh tân binh sau một đêm dầm mưa, tới chuyện băng bó những vết thương gãy tay, lòi ruột của anh em trong chiến trận, việc gì “Bác sĩ Chiến” cũng làm được cả. Đặc biệt là lúc nào trên môi Chiến cũng sẵn nụ cười hiền hoà, và lời an ủi vỗ về “Không sao đâu! Không sao đâu!”

Sau khi kho thuốc của tiểu đoàn bị pháo binh địch bắn cháy thì không còn chai thuốc đỏ, thuốc mê, thuốc tê nào nữa. Nhiều thương binh Pleime ngày đó đã trải qua những ca mổ bụng, ghép xương mà không được chích tê, mê. Nhờ những lời an ủi dịu dàng và nụ cười của chú Chiến mà các thương binh đã quên đau.

Dưới mắt tôi, Hạ sĩ 1 Chiến là người thầy thuốc lành nghề, siêng năng, tận tâm, và can đảm nhứt mà tôi đã thấy trong suốt cuộc đời mười năm trận mạc.

Pleime 1974 là chiến công lớn nhất trong năm của Vùng 2 Chiến Thuật, nên có vài ông sĩ quan văn phòng của Quân Đoàn II cũng được lên lon “ăn ké”.

Không biết bằng cách nào mà mấy vị sĩ quan này có thể chen vai, luồn lách vào danh sách đề nghị thăng thưởng do Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 thiết lập. Một anh sĩ quan khoá 20 Thủ Đức, từ ngày ra trường đã liên tục tá túc ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, kỳ này cũng “kê” được cái lon thiếu tá. Anh ta là một trong vài sĩ quan siêng năng, vất vả nhất của quân đoàn. Cuối tuần nào anh ta cũng phải đi làm thêm giờ ở nhà ông đại tá, sau này là Chuẩn tướng Lê Trung Tường. Anh sĩ quan này là chuyên viên chia Bài Tứ Sắc và Bài Xếp cho bà Tường!

Thậm chí huy chương tưởng thưởng chiến công Pleime 1974 còn bay tới tận Qui Nhơn, tới tay những vị có công ký giấy chấp thuận những đơn xin cấp phát lương khô, gạo, đạn, cho các chiến sĩ trú phòng Pleime.

Vì ông Tài đã thuyên chuyển, nên tiểu đoàn chỉ tổ chức lễ “rửa lon” cho hai ông Phước và Chủ, bữa tiệc này cũng là bữa tiệc tiễn đưa Đại úy Trần Dân Chủ thuyên chuyển lên liên đoàn đảm nhận chức vụ Trưởng Ban 3 liên đoàn thay chân cho ông đại úy cựu trưởng ban mới được lên lon và xin thuyên chuyển về Nam.

Thời gian này Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân đã đi Dục Mỹ tái bổ sung và huấn luyện, thay chân bằng Tiểu Đoàn 89 Biệt Động Quân đóng quân ở Bù Binh, trong vùng Nam quận Kiến Đức.

Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 89 Biệt Động Quân là Đại úy Đặng Xuân Tòng. Ông Tòng là một đồ đệ của Đại tá Phạm Duy Tất. Đại úy Tòng còn có biệt danh là “Tòng Xì Ke” vì có một thời gian ông ta vương vãi vào con đường chích choác và hút xách.

Thời điểm này, quân của Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân được phân phối trên ba vị trí:

- (1) Đại Đội 24 Trinh Sát Biệt Động Quân do Đại úy Nguyễn Văn Song chỉ huy, trú đóng ở Xã Nghi Xuân, vùng Bắc Gia Nghĩa.
- (2) Bộ chỉ huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân cùng một nửa Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân do Trung tá Hoàng Kim Thanh, Trung tá Trịnh Thanh Xuân, và Thiếu tá Trần Đình Đàng chỉ huy, trú quân trong khu rừng tre, nằm trên Tỉnh lộ 344 cách Gia Nghĩa 4 cây số về hướng Tây, và cách Kiến Đức 25 cây số.
- (3) Phần còn lại của liên đoàn do Thiếu tá Vương Mộng Long chỉ huy kéo dài từ Đồi Bù Row hướng Bắc, tới ranh giới Phước Long hướng Nam, với các đơn vị tham chiến là Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, Tiểu Đoàn 89 Biệt Động Quân, và một nửa Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân.

Nửa Tiểu Đoàn 63 tăng phái thì có công điện xác nhận, nên tôi cho một đại đội đóng chốt ngay Ngã Ba Mả Thượng và kiểm soát cái cống nước hướng Bắc phi trường Nhơn Cơ, trên Tỉnh lộ 344. Đại đội thứ nhì nằm tại làng Bu M’Bré bên suối Dak Blao.

Riêng Tiểu Đoàn 89 thì tôi chỉ có nhiệm vụ “để mắt xem nó có cần gì thì giúp nó!” như khẩu lệnh của ông Liên đoàn trưởng.

Vì không có lệnh xác nhận bằng công văn, công điện, nên tôi cũng không thêm mua việc.

Từ ấy, mỗi ngày đơn vị này chỉ có hai lần liên lạc với Tiểu Đoàn 82, 5:00g tối là một công điện báo cáo các điểm đóng quân đêm, 5:00g sáng là đoán văn “Tình hình trong đêm vô sự!”. Tôi nghĩ rằng, dù gì thì sự có mặt của Tiểu Đoàn 89 cũng là một điều tốt, cứ coi như hướng Nam của tôi có một cái tiền đồn cấp tiểu đoàn. Nếu địch có đánh cái tiền đồn này thì cũng cả giờ sau chúng mới có thể tiến tới chân Đồi Kiến Đức.

Thực ra, với khả năng của tôi, công việc chỉ huy hai hay ba tiểu đoàn đâu có gì là khó? Tôi đã từng nhiều lần chỉ huy những cánh quân liên binh với quân số trên hai tiểu đoàn rồi. Nhưng hiện nay, tôi không phải Liên đoàn trưởng, mà cũng không phải Liên đoàn phó, tự dung khoác lên cổ cái trách nhiệm bá vợ, bá lếp này làm gì cho khổ thân!

Đường Liên tỉnh lộ 8B đã được khai thông, Quảng Đức không còn lo thiếu lương thực.

Vương Mộng Long

(còn tiếp...)

Kỳ 6
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

Nhưng tiếp theo sau đó, chúng tôi được lệnh giữ đường để tiếp tế cho Phước Long.

Đợt tiếp tế này dự trù sẽ diễn ra liên tục năm ngày. Ông Tiểu đoàn phó xin tôi cho ông 4 ngày phép để đưa vợ con về thăm bên ngoại dưới Nha Trang, sau đó gia đình ông sẽ trở lại theo chuyến tiếp tế sau cùng.

Trong năm ngày đêm, tôi không dám ngủ, sợ quân của mình ơ hồ để địch len lỏi ra chặn đường, hay bắn xe, thì thế nào mình cũng bị khiển trách.

Kỳ này cấp trên đã huy động hàng trăm xe vận tải GMC mười bánh của Tiếp Vận 2 và Tiếp Vận 5 để chuyển hàng hóa tiếp tế cho Phước Long rồi chở mủ cao su từ Phước Long ra biển.

Suốt năm ngày, năm đêm, những chiếc GMC Quân Vận theo đuôi nhau chạy đi, chạy về, rầm rầm mà không có phát súng nào của Việt cộng. Tôi lấy làm ngạc nhiên, không hiểu tại sao địch lại làm ngơ trước cảnh tượng khiêu khích xảy ra chình ình ngay trước mắt chúng. Tới khi mất nước rồi, nằm trong nhà tù cải tạo, tôi mới được một vị lớn tuổi hơn tôi, đi lính trước tôi, mang lon lớn hơn tôi, thủ thi bên tai:

– Anh nói, chắc chú không tin, ngày đó, tụi Tây chủ đồn điền đã chi tiền (?) cho các ông lớn của ta (!) và chi tiền cho bọn Việt cộng, để chúng nó được an toàn đem hết mấy ngàn tấn mủ cao su ra Nha Trang, đưa xuống tàu chở qua Pháp!

Nếu biết sớm chuyện này, tôi đã yên tâm nằm khoèo trên võng mà ngủ suốt năm ngày, năm đêm cho khỏe cái thân, công đâu mà lỗ mất canh chừng bên máy truyền tin theo dõi tình hình.

oOo

Ngày vui qua mau

Sau đợt tiếp tế Phước Long là những ngày thật là nhàn rỗi, thanh thoi...

Thời gian này, tôi thấy Trung tá Thanh, Thiếu tá Đàng, và các sĩ quan khác trực thuộc liên đoàn cứ thay nhau nghỉ phép ngắn hạn, đi đi, về về, Sài Gòn hay Ban Mê Thuột mà tôi thì không thể rời xa nơi này nửa bước, nên chạy về Gia Nghĩa nêu thắc mắc với Trung tá Liên đoàn trưởng:

– Trung tá coi lại, tại sao gần hai năm nay tôi không có phép thường niên, mà cứ gửi công điện lên liên đoàn xin thì lại bị từ chối?

Trung tá Thanh nhướng mắt thật to:

– Ủa! Chứ cậu không hay rằng ông Toàn có lệnh là chỉ có sự chấp thuận của ông ấy thì chú mới được phép vắng mặt ở Kiến Đức sao?

Tôi ngẩn người ra, chẳng hiểu gì cả! Vì lý do gì mà ông Tướng Vùng phải quan tâm tới chuyện phép tắc, có mặt, hay vắng mặt của một sĩ quan cấp thiếu tá là tôi, tôi bèn thắc mắc:

– Ai nói với Trung tá lệnh này là do ông Toàn?

– Thì ông Trường An (Đại tá Tất) truyền lại lệnh này chứ ai?

Tôi vừa ngạc nhiên vừa bực bội, chạy vào phòng truyền tin, dùng máy PRC74 gọi cho Đại tá Phạm Duy Tất.

Sau khi nghe tôi vặn hỏi, ông Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 cũng nói không khác gì Trung tá Thanh:

– Thì ngay sau khi mở đường Đức Lập xong, ông Toàn có ra lệnh cho anh và ông Nghìn không cho phép chú đi đâu nếu không có sự chấp thuận của ông ấy.

Ông Tất vừa dứt lời, tôi vội phóng lên xe chạy vào Tiểu Khu Quảng Đức. May thay, tôi gặp được Đại tá Phạm Văn Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức đang đứng giữa sân Tiểu Khu. Vừa giơ tay chào ông Nghìn, tôi vừa lớn tiếng hỏi:

– Niên trưởng ơi! Có phải ông Toàn ra lệnh rằng tôi muốn đi đâu vài ngày thì tôi phải chờ sự đồng ý của ông ấy có đúng không?

– Ủ! Anh có nghe ông Toàn ra lệnh như thế!

Nghe ông Nghìn trả lời, tôi vội nói:

– Niên trưởng cho tôi mượn cái trực thăng của niên trưởng vài giờ. Tôi muốn bay về Pleiku gặp mặt ông Toàn hỏi cho rõ trắng đen cái chuyện vô lý này mới được.

– Ủ! Lấy trực thăng của anh mà đi, nhớ trả lại máy bay và phi hành đoàn cho anh ngay sau khi xong việc đó!

Hơn một tiếng đồng hồ sau tôi đã có mặt trên sân Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Tôi vào Phòng 2 gặp Đại tá Trịnh Tiểu, rồi nhờ ông Tiểu đưa tôi lên lầu hai để gặp mặt ông Tư Lệnh Quân Đoàn.

Anh Quân Cảnh gác cầu thang không thèm tước vũ khí của tôi, vui vẻ dẫn tôi vào văn phòng của ông Tướng.



Thấy tôi, Tướng Nguyễn Văn Toàn từ tốn hỏi:

– Chi đó mi?

– Trình Trung tướng! Trong Liên Đoàn 24 các ông chỉ huy liên đoàn và tiểu đoàn muốn đi đâu thì đi. Các ông ấy đi đi, về về Sài Gòn như đi chợ. Tôi đánh hết trận này tới trận khác, muốn có vài ngày phép thường niên về thăm vợ con mà không được. Tôi nộp đơn xin nghỉ phép thì ông Tất với ông Nghìn nói rằng tôi phải chờ sự chấp thuận của Tư Lệnh Quân Đoàn! Sao có chuyện vô lý như thế?

Tôi nói một mạch, không ngừng. Vừa nghe xong, ông Toàn vội đập hai bàn tay hộ pháp của ông ta xuống mặt bàn rồi quát lên:

– Đù mạ! Tau có ra lệnh này hồi nào đâu? Chuyện phép tắc của mi thì thằng Nghìn, thằng Tất phải giải quyết. Tau còn phải lo bao nhiêu công chuyện lớn lao, hơi đâu mà để ý tới chuyện phép tắc của tụi mi?

Nói xong, Tướng Toàn phẩy tay hai, ba cái để đuôi tôi ra khỏi phòng. Tôi đứng nghiêm, chào ông Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn rồi quay gót. Lúc tôi ra tới cửa thì ông Toàn gọi giựt lại:

– Ê! Mi có đi phép thì đi chừng năm ngày thôi! Không được đi lâu hơn đó nhe!

Trên đường bay về Quảng Đức tôi cứ bầm bụng cười thâm, ông Tướng Vùng vừa nói rằng ông ta phải lo bao chuyện quan trọng, hơi sức đâu mà để ý tới vấn đề đi phép, đi tắc của tôi, vậy mà sau khi đuôi tôi đi, ông ta lại nhắc nhở tôi rằng “không được vắng mặt lâu hơn năm ngày đó nhe!”

Cuối tháng 10 năm 1974 vợ chồng tôi và ba đứa con, tới đóng đô năm ngày trong một căn phòng nơi tầng hai của Khách Sạn Mộng Điệp nằm sát bên cầu thang dẫn xuống tầng trệt của chợ Hòa Bình, Đà Lạt. Khách sạn này trước đây có tên là Maxim, sau đổi thành Mộng Điệp. Những tấm ảnh màu mà gia đình tôi chụp ở Vườn hoa Đà Lạt, Thác Prenn hay Hồ Xuân Hương còn giữ được cho tới sau này chính là những ảnh được chụp trong thời gian cuối tháng 10 năm đó. Ngày vui thời buổi nào cũng ngắn, sau năm ngày hạnh phúc ở Đà Lạt, tôi trở về Kiến Đức.

Xe tôi đi qua khúc quanh Mả Thượng thì gặp xe của ông trung tá Liên đoàn phó đi ngược chiều, ông ta được lệnh chấm dứt nhiệm vụ thay tôi chỉ huy mặt trận Tây Quảng Đức vào lúc tôi bước chân vào trình diện Trung tá Thanh để báo cho ông Liên đoàn trưởng biết rằng tôi đã về.

Trong thời gian sáu ngày tôi vắng mặt, mọi lệnh truyền ra cho các cánh quân của ông Liên đoàn phó đều qua giọng nói của Trung úy Nguyễn Văn Trâm sĩ quan Truyền Tin của tiểu đoàn. Do vậy, cả địch và ta đều không biết rằng tôi đã không ở đây trong một thời gian gần tuần lễ. Tôi bước vào phòng hành quân thì Đại úy Hoàn, Trung úy Trâm, cùng mấy ông hạ sĩ quan tíu tít vây quanh mừng rỡ. Ông Hoàn nói:

– Mấy ngày rồi anh em tụi tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Chỉ sợ địch biết không có mặt ông, chúng nó đánh úp thì chết!

Tôi cười:

– Có ông Liên đoàn phó ở đây, duyên có chi mà các cha lại lo sợ dữ vậy!

Đại úy Hoàn vừa cười, vừa lắc đầu:

– Nói thực với ông, những ngày sống dưới quyền ông Liên đoàn phó chúng tôi không yên tâm chút nào.

Ông Đại úy Hoàn là bạn của ông Trung tá Xuân. Ông Hoàn tốt nghiệp khoá 10 Thủ Đức cùng ngày với ông trung tá, đi Biệt Động Quân cùng ngày với ông trung tá, nhưng hiện thời hai ông này đang ở hai vị trí khác nhau.

Đêm đó tôi và Trung úy Trâm đi một vòng quanh chiến hào, quan sát tình hình, tới một căn lều đôi của một khẩu đại liên, tôi nghe tiếng hai người lính nói chuyện với nhau. Một anh lớn tuổi nói:

– Không biết Thiếu tá đi phép tới bao giờ mới về? Thiếu tá vắng nhà, tao lo quá!

Tiếng nói thứ nhì của anh lính có vẻ trẻ hơn:

– Em cũng lo! Không có Thiếu tá mà bọn nó tấn công, chẳng biết tụi mình sẽ chống đỡ ra làm sao đây?

Trung úy Trâm vỗ mạnh vào nóc căn lều rồi cười lớn:

– Thiếu tá về rồi! Tụi mày yên chí đi!

Hai anh lính nghe Trung úy Trâm nói vậy liền nhào khỏi lều, thấy tôi đang đứng nhìn thì chúng nó ào vào ôm tôi chặt cứng, rồi reo lên:

– Thái Sơn về rồi! Thái Sơn về rồi!

Anh Trung úy Pháo đội trưởng 105ly đóng dưới sườn Bắc Đồi Kiến Đức biết tin tôi vừa hết phép, cũng chạy lên kéo tay tôi và Trung úy Trâm xuống hầm tác xạ của anh ta. Tiệc mừng tôi hết phép của anh bạn pháo binh là một chai Hennessy và hai con khô mực.

oOo

Chuyện thường ngày ở huyện Kiến Đức...

Sau kỳ lãnh lương tháng 10 năm 1974 vợ con binh sĩ từ Pleiku kéo nhau lên thăm chồng, cha càng ngày càng đông.

Tôi thấy để đàn bà con nít sống chen chúc trong các hầm hào phòng thủ vừa bất tiện, vừa mất vệ sinh, nên tôi ra lệnh cho tiểu đội Lao Công Đào Binh cắt tranh, đốn cây, cấp tốc dựng lên hai dãy nhà có sạp tre thay giường nằm. Hai dãy nhà này tọa lạc dưới chân ngọn đồi chính, bên lề của Tỉnh lộ 344, đối diện với Cầu Lạc Bộ tiểu đoàn và Trung đội Pháo Binh Biệt Động Quân Biên Phòng. Ở đây, hai căn gia binh được ba ngọn đồi che chắn,

các cháu bé cũng không sợ bị gió lùa gây bệnh cảm mạo, phong hàn. Vị trí này cũng rất an toàn, không sợ vũ khí bắn thẳng của địch. Tôi còn cho lệnh đục vách núi thành hai cái hầm cho vợ con binh sĩ trú ẩn nếu có pháo kích.

Cũng trong thời gian này, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân tiếp nhận đợt bổ sung mới, gồm có một sĩ quan là Thiếu úy Nguyễn Nhơn, và một ông Trung sĩ 1 già người Bắc tên là Ngô Thái Bình cùng với năm hay sáu tân binh. Tôi quá bận bịu với những buổi họp hành trên liên đoàn, nên giao cho Đại úy Hoàn công việc phỏng vấn mấy ông tân binh. Còn ông thiếu úy và ông trung sĩ thì tôi sẽ đích thân tiếp xúc.

Thiếu úy Nguyễn Nhơn là người Huế, bạn đồng khoá của Cố Trung úy Phạm Đại Việt cựu Đại đội trưởng Đại Đội 3/82.

Sau khi lễ phép chào tôi, anh Nhơn móc túi trao cho tôi cái thư giới thiệu, viết bởi anh bạn tôi là Đại úy Nguyễn Lạn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân. Trong thư bạn tôi nói rằng Thiếu úy Nhơn là người đồng hương của Lạn đã từng là đại đội trưởng ở Tiểu Đoàn 11 vừa mãn khoá Rừng Núi Sinh Lây trở về. Nhưng hiện thời Tiểu Đoàn 11 đã có dư sĩ quan đại đội trưởng, Lạn bèn đề nghị anh ta về Pleiku năn nỉ ông Thiếu tá Nguyễn Giáp, Trưởng Phòng 1 của Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 cho anh ta về Tiểu Đoàn 82 với tôi.

Tôi đang có ý định kiếm người thay cho Thiếu úy Hồ để chú Hồ đi học lớp Tổng Quản Trị, khi trở về sẽ đảm nhận công việc này của đơn vị. Ngặt vì Đại Đội 3/82 có nhiều tân binh, nên tôi cho Thiếu úy Phạm Văn Thủy thay Thiếu úy Nguyễn Văn Hồ, và cho Thiếu úy Nhơn giữ chức đại đội trưởng Đại Đội 4/82. Sau khi sắp xếp cho vị sĩ quan mới đáo nhậm, tôi cho phép ông hạ sĩ quan vào trình diện.

Nhìn ông già Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình, người Bắc Di Cư, vừa bước vào, tôi nảy ra ý nghĩ sẽ đề cho ông hạ sĩ quan lớn tuổi này giữ công tác an ninh phòng thủ thay chỗ ông Thượng sĩ Y Khăm Nier mới chết cách đây vài bữa do vướng mìn. Bắt tay ông trung sĩ xong, tôi nhẹ giọng:

– Trước khi tới 82 Trung sĩ ở đơn vị nào?

Tôi vừa dứt lời, ông già Bắc Kỳ Di Cư đã đáp chát ngay:

– Quân lao!

– Quân lao nào?

– Nha Trang!

Tôi ngạc nhiên hỏi tiếp:

– Lý do gì mà ông bị nhốt trong quân lao?

Giờ cả hai cánh tay lên trời, hai bàn tay xòe rộng, ông Bình trợn mắt nhìn tôi rồi lớn tiếng:

– Sáu tháng trước, tôi bắn thằng Đại úy Tiểu đoàn trưởng, may mà, nó bị thương, không chết, nên tôi chỉ bị kêu án ba năm, ở được nửa năm, có người tới chiêu dụ tôi đi đơn vị tác chiến thì được hưởng án treo thời gian hai năm rưỡi còn lại. Tôi tình nguyện ngay! Vậy là người ta còng tay chở tôi ra đơn vị. Tôi tới liên đoàn chiều hôm trước, sáng hôm sau tôi giáp mặt ông đây! Ông muốn tôi làm công việc gì thì cứ ra lệnh, đừng chắt vắn lòi thối cho mất thời giờ!

Nghe ông già Bắc Kỳ bạt mạng, lỗ măng này đôi đáp, tôi cũng thấy tò mò, thích thú nên hỏi tiếp:

– Trung sĩ cũng lớn tuổi rồi, chắc ông đi lính đã lâu? Ông có thể kể sơ lược cuộc đời lính của ông cho tôi nghe được không?

Hình như được gãi đúng chỗ ngứa, ông Trung sĩ già nói một hơi như nước tuôn qua ống cống giữa con giông, khiến tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Sau đây là lý lịch cuộc đời của ông trung sĩ 1.

Ông Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình lớn hơn tôi một giáp, ông ta là con một địa chủ ở Thái Bình. Mười tám tuổi ông Bình thi đậu bằng “Bắc Đơ” tức là bằng Tú Tài 2, rồi tình nguyện theo học khoá 1 Nam Định. Còn một tuần lễ nữa thì tốt nghiệp, trong cơn say, ông Sinh viên Sĩ quan Ngô Thái Bình đã đánh gãy hai cái răng cửa của viên sĩ quan cán bộ người Tây nên bị ra trường với cấp bậc trung sĩ. Ông bị đưa ra đơn vị tác chiến có tên là Commando đóng quân trong vùng Bạch Mai, ngoại ô Thủ Đô Hà Nội. Ở Hà Nội Trung sĩ Bình lại dính líu vào một cuộc ẩu đả giữa Commando và lính Nhảy Dù của Pháp. Sau vụ này Trung sĩ Bình bị lột lon trung sĩ, xuống binh nhì, tống sang một đơn vị Bảo Chính Đoàn của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Ông Bình nhì Ngô Thái Bình ở yên đơn vị Bảo Chính Đoàn này một thời gian thì tới Hiệp Định Geneve. Đầu năm 1955 đơn vị của ông lên tàu há mồm vào Đà Nẵng. Tới Đà Nẵng Binh nhì Ngô Thái Bình làm đơn tình nguyện chuyển chuyên sang Nhảy Dù.

Qua những chiến dịch dẹp loạn Bình Xuyên, dẹp loạn Ba Cụt, người chiến sĩ xuất sắc có tên Ngô Thái Bình được thưởng cấp cứu xét cho phục hồi cấp bậc trung sĩ. Năm 1960 Trung sĩ Ngô Thái Bình tình nguyện sang đơn vị mới thành lập có tên Biệt Động Đội, tức là Biệt Động Quân sau này. Không lâu sau ông Bình được thăng cấp trung sĩ nhất. Chỉ vì cái tật ngày nào cũng say mèm, say khướt, ông trung sĩ 1 đã bị đá đít lặn từ tiểu đoàn này

tới tiểu đoàn khác, đi từ binh chủng này sang binh chủng khác, rồi dừng chân ở một tiểu đoàn Địa Phương Quân vùng Bắc Bình Định. Sau một thời gian mưa thuận gió hòa ở Qui Nhơn, con ma men lại cầm tay ông Bình nã súng vào chân ông Tiểu đoàn trưởng của ông. Ngay lập tức, ông đáo nhậm đơn vị sau cùng là Quân Lao Nha Trang.

Tôi đã ngồi im, chú tâm theo dõi câu chuyện kể lại cuộc đời ly kỳ của một cựu Sinh viên Sĩ quan khoá 1 Nam Định. Tôi thấy thành tích quật phá mấy chục năm nay của ông già này quả là có một không hai. Kết thúc bản tóm lược tiểu sử, Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình vừa cười, vừa nói với tôi:

– Tôi hy vọng sẽ được ông chỉ huy mới đề yên cho tới ngày đáo hạn giải ngũ.

Để trả lời câu hăm dọa của ông ma men, tôi từ tốn nói:

– Tôi đề Trung sĩ ở tạm với Thiếu úy Hoàng, Đại đội trưởng Đại Đội Chỉ Huy trong thời gian một tuần cho quen với không khí của đơn vị. Sau đó ông muốn ra đại đội nào, tôi sẽ cho ông đi.

Ba ngày sau ông Bình tới cửa lều của tôi gõ cửa xin vào.

– Tôi muốn xin Thiếu tá cho ra đại đội. Ở đây tù túng quá!

Nghe vậy, tôi cũng cười:

– Ở đây còn thấy dân chúng đi qua, đi lại, xuống đại đội thì chỉ thấy núi, thấy rừng, còn buồn hơn. Ông đã đi rồi thì đừng có xin xỏ quay trở lại đó nhé!

– Một đi! Không trở lại! Tôi muốn ra đại đội của Thiếu úy Nhơn.

– Được! Đi đi!

Mấy bữa nay tôi thấy ông già này cứ thậm thụt lên xuống con dốc từ đồi chính xuống cây cầu sập trên suối Blao, tôi tưởng ông ta đi tắm rửa hay đi múc nước, hóa ra ông ta xuống thăm Thiếu úy Nhơn. Giữa trưa ngày hôm sau, đứng trên ụ pháo binh, tôi nghe tiếng súng M16 bắn “Lóc chóc! Lóc chóc!” dưới chân đồi, rồi thấy mấy anh lính nhào vào nhau mà vật lộn. Tiếp đó, Chuẩn úy Lê Văn Phước, sĩ quan Ban 3, từ hầm truyền tin chạy tới báo cáo:

– Trình Thái Sơn, ông Nhơn vừa cho hay Trung sĩ Bình say rượu bắn lung tung dưới Đại Đội 4. Ông Nhơn đã cho người bắt trời ông Bình đem lên cho Thiếu tá xử phạt.

Mười phút sau, có hai Biệt Động Quân ì ạch leo dốc, trên vai khiêng một cái đòn treo tròn ten một ông Biệt Động Quân hai tay, hai chân đều bị trói. Thoạt nhìn, tôi cứ tưởng hai ông lính kia đang khiêng trên vai một con heo tổ nái!

Tới trước lều của tôi, sau khi đếm, “Hai! Ba!”

Hai anh lính thả cái đòn ra, “con heo người” rơi xuống đất, miệng la oai oái, “Ồi! Đau! Ổi! Đau!”

Tôi ra dấu cho hai chú lính vác đòn trở về đơn vị, rồi ra lệnh cho Thiếu úy Huỳnh Kim Hoàng:

– Cho nó gáo nước để tỉnh rượu!

Sau khi hứng ba mữ sắt nước tạt vào mặt, con sâu rượu Ngô Thái Bình mới tỉnh hẳn. Tôi hát hàm ra lệnh cho chú Hoàng:

– Tổng nó vào chuồng cọp!

Ở đâu, nếu đóng quân lâu, tôi đều có một cái hầm lộ thiên rào kẽm gai xung quanh, gọi là chuồng cọp. Chuồng cọp của tôi mục đích là nhốt những tay nghiện ma túy, xì ke. Mấy con ma xì ke bị nhốt ở đây, ngày ngày chỉ có ly nước đường thay cơm, lâu nhất là mười ngày hay hai tuần thì khỏi bệnh. Từ khi chúng tôi tới Kiến Đức, cái chuồng cọp này được dựng lên nhưng chưa có ai đặt chân vào. Con ma men Ngô Thái Bình là khách hàng đầu tiên của căn hầm này. Ba ngày sau, tôi cho ông già Bình xuống suối tắm rửa rồi vào trình diện.

Cái ngang tàng, hỗn xược vô kỷ luật của ông cựu Sinh viên Sĩ quan khoá 1 Nam Định đã không còn. Trước mắt tôi, là hiện thân của một ông già thảm hại, râu tóc đã ngả màu hoa râm. Ông Bình đưa tay chùi nước mắt rồi sụt sịt:

– Tôi xin lỗi Thiếu tá! Tôi sai!

– Tốt! Biết sai thì tốt! Nhưng biết sửa sai mới tốt hơn! Qua Đồi Tây ở với Trung úy Danh, Đại Đội 2!

Sóng lặng, gió yên được ít lâu, một hôm tôi đang ngồi trong hầm truyền tin thì nghe tiếng súng M16 nổ “Lốp! Bốp! Lốp! Bốp!” dưới đường. Tôi đưa mắt tìm Trung úy Trần Văn Phước thì được biết Phước có chuyện vắng nhà. Tôi ra lệnh cho Thiếu úy Huỳnh Kim Hoàng chạy xuống xem có chuyện gì, chỉ hai phút sau chú Hoàng đã chạy vào, mặt tái mét:

– Trình Thái Sơn! Ông Bình lại say! Ông ta đang tìm ông Trung úy Danh để bắn cho chết!

Tôi chỉ thị cho đại úy Tiểu đoàn phó:

– Ông Hoàng ra giải quyết vụ này cho tôi!

Cũng hai phút sau, cùng với tiếng M16 “Chú! Chú!” là tiếng kêu cứu của ông Tiểu đoàn phó:

– Không xong rồi Thái Sơn ơi! Thằng này điên rồi! Nó bắn cả tui!

Tôi với cái dây ba chạc khoác vào vai rồi bước ra khỏi hầm, đứng trên bờ đất nhìn xuống đường. Tay tôi để trên báng súng sẵn sàng. Khẩu Colt của tôi lúc nào cũng có đạn lên nòng. Đang giờ súng lên trời, bất thành linh nhìn thấy tôi, Trung sĩ 1 Bình vội vàng bóp cò cho những viên đạn sau cùng bay lên không. Ông ta vừa bấm chốt cho băng đạn rỗng rơi ra để thay băng đạn mới. Kẹp đạn mới của ông ta chưa kịp nằm vào ổ súng thì tôi đã quát lên:

“Bình!... ìng!... ìng!... ìng!...”

Tiếng hét của tôi lớn lắm. Tiếng hét đã khiến con ma men tinh táo hẳn, ông ta đứng đờ người như phỗng đá.

Tôi quát tiếp:

– Bỏ súng xuống! Quay lưng lại!

Như cái máy, ông Bình lão đảo quay người 180°. Khẩu súng rời tay ông ta, rơi trên mặt lộ. Nhân lúc ông ta vứt vũ khí, ông Tàu Hỷ, đầu bếp của Câu Lạc Bộ chạy ra nhặt vội khẩu M16 rồi chui vào căn gia binh.

Tôi lại hét:

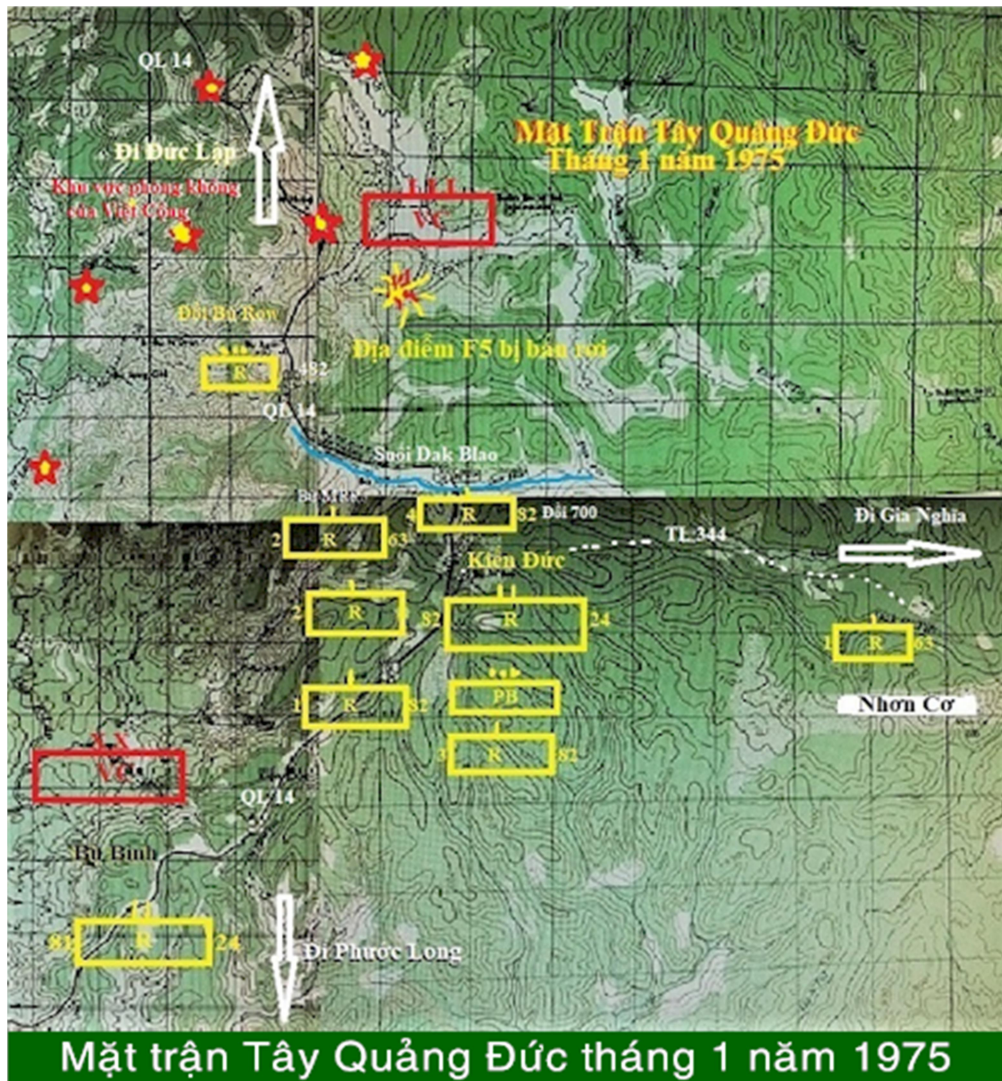
– Nằm xuống! Dang hai tay ra!

Ông Bình riu riu thi hành lệnh. Thiếu úy Huỳnh Kim Hoàng liền chạy xuống lục soát hết người ông Bình để xem có vũ khí gì nữa hay không. Tôi ra lệnh tiếp:

– Lên đây!

Trung sĩ Bình ngồi dậy, rồi loạng choạng leo lên tam cấp. Cái đầu ông trung sĩ vừa nhô lên bậc thang cao nhất đã bị tôi đá một phát như búa bổ trúng cằm. Ông Bình ngã lăn xuống chân đồi.

– Lên đây!



Miệng đầy máu, nhưng ông trung sĩ vẫn phải tiếp tục khật khưỡng leo. Hai mắt ông Bình trợn lên nhìn tôi, đôi mắt có vẻ như đã đờ đẫn, mắt hờn. Cái đầu ông Bình vừa nhô lên bậc thang cuối cùng, tôi lại đá thêm một phát nữa, con ma men lại lăn xuống đường, nhưng đã nằm im, không cục cựa. Ngay sau đó, chiếc xe GMC của tiểu đoàn được trưng dụng để giải giao tên lính còn đồ cho Ty An Ninh Quân Đội Quảng Đức. Nhìn chiếc xe lao đi, tôi buông một tiếng thở dài. Thực tình, tôi không nhẫn tâm tuyệt tình, tận nghĩa, ra tay giết Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình. Dù gì thì ông ta cũng không phải là một tên Việt cộng. Nếu tôi muốn giết người lính vô kỷ luật này thì tôi chỉ cần nhắm nạy, chờ một giây đồng hồ, sau khi nó nạp xong băng đạn, với một phát Colt 45 tôi đã lấy mạng nó rồi. Giết nó trong tư thế nó giương súng tấn công mình, mình sẽ được coi là tự vệ chính đáng. Còn bắn nó chết sau khi nó chịu đầu hàng, thì mình sẽ can tội sát nhân. Đây là lần đầu tiên tôi

nặng tay như thế đối với một thuộc cấp vô kỷ luật. Và tôi biết rằng, từ đây tôi đã có một kẻ thù phải đề phòng. Vì cứ cái đà tuyên quân vô trách nhiệm như hiện nay của quân đội, thì có khi, chỉ năm bữa, nửa tháng sau, ông Bình sẽ quay lại đây.

Nhưng chuyện đời đã không diễn ra như những điều mà ta dự đoán. Chỉ vài tháng sau ngày ấy, Nha Trang thất thủ, Quân Lao Nha Trang mở rộng cửa cho tù tự do thoát ly. Tôi vừa rút quân từ Xuân Lộc về tới Long Bình thì đã thấy ông trung sĩ ma men xuất hiện trong toán quân nhân di tản của Vùng 2, cùng vài anh quân phạm vừa thoát khỏi quân lao, rồi tình nguyện về bổ sung cho tiểu đoàn tôi. Có điều, ông Trung sĩ 1 Bình đã thay da, đổi thịt. Ông ta mặc bộ quần áo hoa mới tinh, ủi hồ thẳng nếp. Mái tóc hoa râm của ông ấy đã được húi cao như mái tóc của Cố Đại tướng Đỗ Cao Trí. Gương mặt nhẵn nhụi mày râu của ông Trung sĩ 1 Bình giờ đó, nếu đem so sánh, có lẽ còn sáng sủa hơn mặt của những người đồng lứa tuổi của ông, đã từng một thời là thanh niên Hà Nội, như Hoàng Thọ Nhu và Hoàng Kim Thanh. Ông trung sĩ 1 mạnh dạn bước tới trước mặt tôi rồi nói:

– Trình Thiếu tá, tôi biết, gia đình Thiếu tá còn kẹt ở Ban Mê Thuột. Vợ con tôi cũng còn kẹt ở Qui Nhơn.

Bao nhiêu năm qua tôi đã mang tội với tổ quốc, với gia đình. Tôi biết Thiếu tá sẽ chiến đấu cho tới chết, tôi cầu xin Thiếu tá cho phép tôi được chết cùng ông! Tôi van xin ông!

Nói tới đây, ông Bình khóc lên thành tiếng:

– Tôi chỉ biết đem cái chết để chuộc những lầm lỗi mà tôi đã gây nên trong suốt cuộc đời này! Hu! Hu! Hu!

Thế là trước mắt tôi, không còn bóng dáng một con ma men đầu trâu, mặt ngựa nữa.

Thay vào đó, là một người, từ thời Pháp Thuộc, đã là một công tử con nhà giàu nứt đổ, vỡ vách, của tỉnh Thái Bình, một thanh niên Việt Nam nói tiếng Tây như gió, có bằng “Bắc Đơ” tức là bằng Tú Tài 2 của Pháp, và đã là bạn đồng môn, đồng khoá, của những ông tướng, những ông lãnh đạo quốc gia thời Đế Nhị Cộng Hòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 1975, những ông lãnh đạo quốc gia, những ông tướng cùng lớp, cùng thời với ông Ngô Thái Bình, cựu Sinh viên Sĩ quan khoá 1 Nam Định, đang chen lấn nhau, dắt díu vợ con tìm đường đào thoát khỏi Việt Nam, thì ông Bình lại đi tìm cái chết ở chiến trường.

Đêm 28 tháng 4 năm 1975 Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã bị chiến xa cộng sản nghiền nát thây trên đỉnh một ngọn đồi trọc nằm về hướng Nam của cây cầu gãy bắc ngang sông Lá Buông sau lưng Trường Bộ Binh Long Thành.

Trước khi chết, ông Bình đã tự tay bắn cháy một chiếc tank T54 bằng khẩu súng M72 mà ông ấy cứ mang kè kè bên hông từ chiều 24 tháng 4 năm 1975.

Từ chuyện say sưa của ông Trung sĩ 1 Ngô Thái Bình mà tôi phát giác ra cái tài kinh doanh, buôn bán của hai ông đại đội trưởng Nguyễn Nhơn và Võ Hữu Danh. Tôi được báo cáo rằng, ngày nào chuyên xe đồ Gia Nghĩa đi Bù Bình cũng đậu lại ít phút dưới chân Đồi Nam. Anh phụ tài xế lanh tay bỏ những cái can bằng nhựa xuống lề đường để cho ông Thượng sĩ Nguyễn Đả, Hạ sĩ quan Thường vụ của Đại Đội 2/82 tiếp nhận. Những cái can 20 lít bằng nhựa này chứa toàn rượu đế. Từ ngày nhận chức chỉ huy Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, tôi đã ra lệnh cấm bán rượu đế trong Câu Lạc Bộ của tiểu đoàn. Biết thế, nên hai ông Danh và Nhơn đã có sáng kiến kinh doanh món hàng hiếm này để kiếm lời. Rượu đế mà hai ông Danh và Nhơn có được là do một nhà nấu rượu ở dưới Gia Nghĩa sản xuất. Ông Nhơn và ông Danh chỉ cần bỏ ra một vốn thì có thể thu vào tới bốn lời, đôi khi còn lời hơn thế nữa. Tôi đã gọi hai ông đại đội trưởng vào lều, bắt hai vị này hứa sẽ không được tái phạm nữa. Tuy hai ông sĩ quan này đã lớn lời hứa hẹn nhưng tôi vẫn không thấy yên lòng chút nào.

Giữa tháng 11 năm 1974, tôi hoàn trả Thiếu úy Nhơn cho liên đoàn. Thiếu úy Phạm Văn Thủy quay trở lại chỉ huy Đại Đội 4/82. Còn Trung úy Võ Hữu Danh bỗng nhiên khai có bệnh sốt rét kinh niên, ở Kiến Đức vài ngày, lại xin về nằm bệnh xá liên đoàn vài ngày, tôi đành miễn cưỡng để cho Chuẩn úy Gấm chỉ huy Đại Đội 2/82. Tiếp đó Thiếu úy Nguyễn Văn Hổ phải lên đường theo học khoá Tổng Quản Trị, tôi liền cho Trung úy Trần Văn Phước thay thế chức vụ Đại đội trưởng Đại Đội 3/82.

Vì đã có thời gian gần hai năm đảm nhận chức vụ Trung đội trưởng Trung Đội Viễn Thám của Phòng 2 Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2, nên chú Phước không ngỡ ngàng gì với nhiệm vụ mới. Ngày lãnh lương cuối tháng 11 năm 1974 cũng là ngày có tiếp tế định kỳ. Hai đại đội tăng phái của Tiểu Đoàn 63 cũng được tiếp tế cùng lúc. Thực phẩm của Tiểu Đoàn 82 được vận chuyển bằng xe GMC, thực phẩm của Tiểu Đoàn 63 được vận chuyển bằng một xe Dodge 4×4. Hai bãi nhận hàng cách nhau không xa. Tôi cho lệnh Đại Đội 4/82 được ưu tiên nhận tiếp tế trước, rồi lên Bù Row thay quân cho Đại Đội 3/82.

Vương Mộng Long
(còn tiếp...)

Kỳ 7
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

Trong Câu Lạc Bộ tiểu đoàn, tôi đang ngồi nghe ông Trung úy Đăng, sĩ quan tiếp liệu trình báo hồ sơ chứng minh ẩm thực thì thấy Thiếu úy Thủy thò đầu vào:

– Trình Thiếu tá! Lính của Tiểu Đoàn 63 đang gom súng giữa đường, ngồi biểu tình, đòi Thiếu tá ra giải quyết vấn đề nuôi ăn.

Tôi đứng dậy, vừa bước khỏi cửa, đã chạm mặt ông Đại úy Đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 63 tăng phái.

Ông đại úy mặt đỏ tía tai, không thềm chào kính, giơ ngón tay trỏ chỉ vào mặt tôi rồi giận dữ, quát lớn:

– Thiếu tá có tham những thì cũng vừa vừa thôi! Nếu có ăn bớt, ăn xén thì cũng phải che đậy, đừng lộ liễu quá! Ông mà làm quá, chúng tôi không còn nể nang ông nữa đâu!

Bất ngờ đối mặt với một sĩ quan cấp dưới dám vô cớ lớn tiếng sỉ nhục mình, tôi định ra lệnh cho mấy anh cận vệ xông vào trời ông đại úy lại để hỏi chuyện, nhưng mắt tôi bất chợt nhìn thấy trên mặt Quốc lộ 14 có một đồng súng cá nhân và cộng đồng chất xung quanh những phần thực phẩm tươi mới chia. Cách đó không xa, là những Biệt Động Quân vừa quan, vừa lính, ngồi bệt thành từng hàng trên mặt đất.

Tôi nghiêm giọng hỏi ông đại úy:

– Các anh muốn gì?

Ông đại đội trưởng 63 bước ra giữa đường, vừa nhảy tung tung, vừa giơ tay chỉ vào một đồng thực phẩm tươi đang nằm trên tấm poncho, miệng la toáng lên:

– Chúng tôi muốn Thiếu tá giải thích rõ ràng, nguyên nhân vì sao một phần thực phẩm tươi của 63 lại không bằng một nửa của các bạn 82?

Sau đó anh ta đưa tay vẫy tôi với thái độ vô cùng hỗn xược:

– Ra đây! Thiếu tá ra đây để thấy hai phần tiếp tế của 82 và 63 cách biệt như thế nào?

Những quân nhân trong đoàn người ngồi tụ họp nơi ngã ba cũng phụ họa theo:

– Bất công! Bất công!

Thì ra, quân nhân đơn vị này đang biểu tình ngòi. Họ chờ tôi xuất hiện để họ xử tội “chặn bớt tiền ăn của lính!”

Tôi nén cơn giận, vừa bước tới quan sát những vật nằm trên mặt cái poncho, vừa lớn tiếng gọi:

– Trung úy Đăng! Ra đây cho tôi hỏi!

Ông sĩ quan tiếp liệu của Tiểu Đoàn 82 vội vàng chạy tới. Tôi chỉ vào hai phần thực phẩm tươi vừa tiếp tế, một lớn, một nhỏ, quả là có sự chênh lệch rất xa:

– Chú có nhận tiếp tế cho hai đại đội của 63 tăng phái không? Sao có sự chênh lệch lạ kỳ thế này?

Trung úy Đăng chưa kịp mở miệng, ông đại úy đã phang ngang:

– Thầy trò ông còn bày trò giải thích, giải nghĩa dài dòng. Đối xử bên trọng, bên khinh chình ỉnh như thế này mà còn giả mù sa mưa gì nữa!

Thấy ông đại úy này hỗn hào quá, tôi tức mình quát lớn:

– Châu! Khoá mồm thằng này lại!

– Dạ!

Ông Thiếu úy Lý Ngọc Châu từ nãy tới giờ cứ hằm hằm chờ, nay được lệnh của tôi, lập tức khoát tay, bốn anh cận vệ lập tức xông vào khoá tay ghịt đầu ông đại úy bắt chúi mũi xuống đất.

Trung úy Đăng bực bội hét lên:

– Dù mạ tụi mi! Sĩ quan tiếp liệu 63 tiếp tế cho tụi mi chứ 82 có dính dáng gì tới chuyện này đâu mà tụi mi đòi biểu tình, đòi khởi nghĩa, đòi chống đối?

Nghe thế, tôi hát hàm hỏi ông đại úy:

– Nghe hiểu chưa? Hai đại đội của 63 chỉ tăng phái hành quân cho 82 thôi! Tiểu Đoàn 82 không nuôi ăn các anh! Các anh muốn kiện tụng thì về gặp ông Thiếu tá Đàng.

Lúc này ông đại úy mới vỡ lẽ ra, mặt ông ta hiện rõ vẻ ngượng ngập, sượng sùng. Ông ta ấp úng:

– Trình thiếu tá! Em xin lỗi Thiếu tá!

Tới khi đó tôi mới để ý nhìn kỹ, trên mặt Quốc lộ 14 có hai phần tiếp tế mười ngày thực phẩm tươi nằm cạnh nhau. Phần ăn của một người lính 82 gồm có một cái bắp cải, một chai xì dầu, mười con cá khô, một gói mắm ruốc, một con gà còn sống, cùng một phần sẽ được chia từ hai con heo to đang bị trói nằm kêu “Eng! Éc!” ở đầu hời của Cầu Lạc Bộ.

Bên cạnh đó là phần tiếp tế cũng mười ngày ăn cho một Biệt Động Quân 63 gồm có mười con cá khô, một chai xì dầu, một gói mắm ruốc, một cái bắp cải, một gói muối mè, không có miếng thịt nào cả.

Sự chênh lệch quá đáng này đã là nguyên nhân làm mờ mắt ông đại úy nóng tính. Tôi nói nhỏ:

– Chú Châu thả ông đại úy ra!

Lúc này mặt mày ông đại úy đại đội trưởng tăng phái trông thật là thảm hại, ông ta cứ cúi đầu, liên tục nói một câu hỏi lỗi:

– Em xin lỗi Thiếu tá! Em xin lỗi Thiếu tá!

Tôi cũng thấy tội nghiệp cho cái ông sĩ quan ruột ngựa này, nên ôn tồn:

– Thôi! Bỏ qua đi! Chú cho anh em lấy súng ống rồi trở về vị trí! Anh sẽ nói chuyện với Thiếu tá Đàng về chuyện này.

Không cần vòi rồng, không cần hơi cay, đoàn người biểu tình ngồi tự động giải tán.

Ngay trưa hôm đó anh sĩ quan tiếp liệu của Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân đã có mặt ở Ngã Ba Kiến Đức, trên tay anh ta là tờ cam kết chỉ tính tiền tiếp tế kỳ này cho các Biệt Động Quân 63 tăng phái với cái giá là ba ngày. Hôm sau, Thiếu tá Trần Đình Đàng, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân chạy lên Kiến Đức năn nỉ tôi cho phép các quân nhân tăng phái của ông được tiếp tế chung với Tiểu Đoàn 82 suốt thời gian họ ở với tôi. Hai sĩ quan tiếp liệu tiểu đoàn sẽ thanh toán tiền bạc với nhau.

Trước lễ Giáng sinh năm 1974 tôi nhận được cái đơn xin thuyên chuyển tập thể của hơn một trăm quân nhân của Tiểu Đoàn 63 Biệt Động Quân tăng phái xin về phục vụ dưới quyền Thái Sơn. Đọc cái đơn đó tôi chỉ mỉm cười, vì tôi biết, dù tôi có dang đôi tay chào đón họ, thì cấp trên cũng chẳng bao giờ đồng ý cả. Tôi đã được Thiếu tá Trần Đình Đàng tâm sự về nỗi khổ tâm mà anh ấy đang gánh chịu. Nguyên nhân của sự tiếp tế thiếu hụt này xảy ra chỉ vì ông sĩ quan tiếp liệu 63 đã lỡ đốt cháy hết tiền ăn tháng đó trên chiếu bạc!

Anh Đàng mới từ Vùng 3 thuyền chuyể ra đây, lạ nước, lạ cái, nên bị bọn tham nhũng thâm căn, cố đế của vùng này qua mặt. Chúng nó ăn tới cái khổ của người lính mà anh Đàng không hay! Mỗi khi tiếp tế, chúng nó mua đủ thứ ngon ngọt, thơm tho cho ông Tiểu đoàn trưởng, trong khi đó thì lính tráng bị bóp hầu, bóp họng, ăn chặn, ăn bớt mà không dám kêu ca. Anh Đàng hỏi tôi làm sao chấm dứt tình trạng này? Tôi chỉ cố vấn cho anh một câu thật ngắn:

– Hãy trừ tiền ăn tất cả mọi người trong tiểu đoàn, từ ông thiếu tá cho tới anh binh nhì, không ngoại trừ ai.

Hãy chia đều khẩu phần cho tất cả mọi người giống nhau, kể cả Tiểu đoàn trưởng. Có như thế, khi nhìn vào phần ăn của chính mình, ông chỉ huy mới biết kỳ tiếp tế đó, người lính được nuôi ăn ra làm sao. Nghe rồi, anh Trần Đình Đàng mới hiểu nguyên nhân vì sao cũng đồng thời là người chỉ huy, mà có người được lính hết lòng thương yêu, quý mến, lại có người bị lính ghét cay, ghét đắng.

Anh gật gù:

– Chuyện này thực là giản dị, vậy mà bao lâu nay anh đã ơ hờ, không chịu để ý.

Tôi còn chỉ cho ông đàn anh cách thức khước từ lời mời chào của các nhà thầu, bất kỳ người đó là ai.

Ngày đó, năm 1973–1974, ở Pleiku, người đứng thầu cung cấp thực phẩm tươi cho các đơn vị Biệt Động Quân là cựu Đại tá Nguyễn Văn Huy, Nguyên chỉ huy phó Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Quân Khu 2 đã giải ngũ. Không qua tay nhà thầu, thực phẩm sẽ tươi ngon hơn, và dễ thay đổi tùy theo ý thích của anh em. Điều chắc chắn giá hàng sẽ rẻ hơn là nhận của nhà thầu. Vì lý do đó mà lúc nào phần ăn của quân nhân 82 cũng nhìn hơn phần ăn của các bạn ở đơn vị khác.



oOo

Ngọc bất trắc bất thành khí...

Từ khi về Kiến Đức, tôi giao chú bé chết nhất, đứng khóc lúc xuất quân bên Đồi Đạo Trung ngày nào cho hai anh lính đã trưởng thành trong khói lửa Pleime 1974 kèm kẹp. Hai anh này là Binh 1 Liêu Chí Cường và Binh 1 Đức Điếc. Ba chàng này có vẻ hợp nhau lắm.

Trung đội trưởng của ba chú này là Chuẩn úy Nguyễn Hữu Phước người đã kéo lá quốc kỳ lên ngọn cột cờ trên đỉnh núi Chư Hồ, ở Pleime vào lúc nửa đêm mùng 2 tháng 9 năm 1974 sau khi tái chiếm ngọn đồi này.

Ngày tiếp tế định kỳ tháng 11 cũng là ngày hoán đổi vị trí trú quân của các đại đội. Đại đội thượng phiên sẽ lãnh thực phẩm trước, đại đội hạ phiên sẽ nhận hàng trễ hơn. Nhận tiếp tế xong, Đại Đội 4/82 rời Kiến Đức lên thay quân cho Đại Đội 3/82 ở làng Bù M'Bré. Riêng Trung đội 3/4/82 của Chuẩn úy Phước sẽ tách ra khỏi đại đội để lên thay thế cho một trung đội của Đại Đội 3 trấn giữ tiền đồn Bù Row. Đại úy Ngũ Văn Hoàn là người theo dõi vụ đổi quân, chờ mãi mà vẫn chưa thấy trung đội của Chuẩn úy Phước tới mục tiêu. Ông Hoàn cứ đi ra, đi vào không yên, rồi chạy tới lều của tôi:

– Trình Thiếu tá, Đại Đội 3 về tới Đồi Tây rồi mà thằng Phước còn chưa tới Bù Row, khiến cho tôi lo quá!

Tôi lấy làm lạ, từ Bù M'Bré tới Bù Row chỉ cần hai mươi phút di chuyển bình thường thôi, vậy mà cả giờ đồng hồ rồi mà Phước chưa tới không biết vì sao? Cũng lúc đó trung đội của Đại Đội 3/82 trên đỉnh Bù Row báo cáo có tiếng súng bắn nhau vùng hướng Bắc Bù Row.

Tôi cho lệnh Thiếu úy Thủy đem thành phần còn lại của Đại Đội 4/82 cấp tốc di chuyển tới Bù Row để tiếp cứu cho Chuẩn úy Phước. Từ Đồi Kiến Đức tới Bù Row xa gần bốn cây số, không nghe được tiếng súng giao tranh, nên tôi đem theo toán Viễn Thám 821 chạy xuống vị trí của Đại Đội 2/63 bên suối Dak Blao để theo dõi tình hình.

Nếu Đại Đội 4/82 đụng lớn tôi sẽ mang Đại Đội 2/63 lên tăng cường. Tôi tới chân cầu Dak Blao thì có tin Chuẩn úy Phước đã về tới chân Đồi Bù Row, tất cả anh em đều có mặt, chỉ một người bị thương đó là ông Chuẩn úy Trung đội trưởng. Biết tin này, tôi cho pháo binh bắn hai chục tràng đạn nổ trên vùng một cây số Bắc Bù Row, nếu địch còn lẫn quất. Sau đó, tôi cho Đại Đội 4/82 cắt cử một trung đội khác làm nhiệm vụ giữ Bù Row; Trung đội của Chuẩn úy Phước cùng thành phần còn lại của Đại Đội 4 thì rút về tuyến phòng thủ Bắc Kiến Đức.

Gần một giờ sau, Chuẩn úy Nguyễn Hữu Phước về tới chân cầu Dak Blao. Vừa thấy cái mặt sung vù của chú Phước, tôi vội vàng hỏi:

– Có đau lắm không? Chuyện đầu đuôi ra sao? Kể cho anh nghe đi!

Miệng bị nhét một cục bông gòn tổ chảng, nhưng ông Chuẩn úy Trung đội trưởng cũng cố gắng kể cho tôi hay toàn bộ sự kiện. Đây không phải là lần đầu Phước dẫn quân lên đỉnh Bù Row. Vậy mà kỳ này chú ấy đi lạc! Cách Bù Row gần nửa cây số thì Quốc lộ 14 tẻ ra hai nhánh, một nhánh đi chéo về Tây tới chân Bù Row, nhánh thứ nhì đâm thẳng về hướng Bắc. Quân ta nhắm mắt đi về Bắc! Tới khi nghe có tiếng hô “Đứng lại!” mới biết mình đã lạc vào vùng địch.

Trung đội trưởng Nguyễn Hữu Phước chưa kịp gỡ khẩu M16 ra khỏi vai thì ba tay khinh binh đi đầu đã nhanh như máy, bóp cò. “Đùng! Đùng! Đùng!” đạn nổ. Tên Việt cộng gác trên chòi canh bị bắn chết ngay. Quân ta quay đầu chạy. Vài phút sau, địch từ trong rừng túa ra, bắn như mưa. Cùng với tiếng AK réo là tiếng la: “Hàng sống! Chông chết!”

Phước nói:

– Kỳ này đi tiền đồn, sợ bị địch tấn công bất ngờ nên em cho đem theo nhiều lựu đạn lắm! Khi biết mình bị lạc, lại thấy địch ào ra đông quá, em bèn cho hai tiểu đội chạy trước, em và tiểu đội còn lại, luân phiên đánh lựu đạn cản địch, rồi nhanh chóng rút lui theo chiến thuật sâu đo. Mấy thằng Việt cộng này cũng nhát lắm, không dám xung phong, chỉ mạnh miệng la hét thôi! Kỳ lạ là, chú Phước không bị bắn trúng mặt, trúng

đầu, trúng má, nhưng lại bị gãy một cái răng! (?) Chẳng biết cái răng đã bị gãy vì trúng đạn hay trúng mảnh lựu đạn?

Phước ôm cái má sưng vều:

– Trong khi súng đạn nổ âm âm, bụi khói mù mịt, em bỗng cảm như có cái búa đập vào hàm, rồi máu tuôn ra miệng. Em cũng chẳng biết vì sao mà em bị bể mất một cái răng?

Phước đưa tay chỉ cho tôi ba anh lính đi sát sau lưng:

– Em có ba thằng đồ đệ giỏi lắm! Đánh giặc như ciné! Kỳ này Thái Sơn nhớ khen thưởng tụi nó nhe!

Thì ra ba thằng đồ đệ của chú Phước chính là Binh 1 Liêu Chí Cường, Binh 1 Đức Điếc, và anh chàng lính chết nhất.

Trong lúc súng nổ ran, nhìn thấy miệng ông trung đội trưởng đầy máu thì ba anh này la lên:

– Chuẩn úy chạy đi! Tụi em đọan hậu!

Hôm đó ba anh lính trẻ được dịp trở tài thao lược, bằng cách luân phiên nhau, vừa bắn vừa lui, hộ tống ông trung đội trưởng, an toàn về tới chân Đồi Bù Row. Nghe chú Phước kể lại chuyện này, tôi thích quá, bèn kêu “Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ” lên Câu Lạc Bộ cùng tôi cụng ly, mỗi người một chai cổ cao. Anh chàng Biệt Động Quân chết nhất uống chưa hết nửa chai bia Con Cọp, mặt mày đã đỏ gay, giơ hai tay lên trời, “Em xin chịu thua!”

Người xưa nói rằng “Ngọc bất trác bất thành khí: Ngọc mà không mài giũa thì cũng chẳng có giá trị gì!”

Nhìn thẳng em, tôi thấy ấm áp trong lòng. Thế là, chỉ sau hai tháng mài giũa, cục đá thô kia đã thành một viên ngọc quý.

Chính vì có mài, có giũa, có bạn bè tốt đi kèm, mà chỉ ít lâu sau khi tới Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, những tân binh mặt búng ra sữa, đã thành những tay súng thiện nghệ, gan lỳ. Những ngày cuối năm 1974 tôi phải lo tăng cường an ninh tối đa, vì cứ tới dịp Lễ, Tết, thế nào Việt cộng cũng quậy phá. Gần tới Giáng Sinh tin tức tình báo tới tấp gửi tới. Nào là địch sẽ đánh Quảng Đức, sẽ đánh Kiến Đức, nên ông Liên đoàn trưởng ra lệnh cấm quân, không cho ai đi phép. Để yên tâm, tôi liên tiếp tung các toán Viễn Thám thăm

dò địch trong bán kính tối thiểu là bốn cây số từ Kiến Đức, khoảng cách đó là tầm bắn trung bình của cối 82ly và 75ly mà địch hay sử dụng.

Một buổi trưa, toán 825 của Hạ sĩ 1 Nguyễn Tuấn báo cáo có địch. Tôi đích thân cầm máy:

– Mô tả mục tiêu!

– Em thấy có người đang leo lên dốc! Em tính gài Claymore nhưng tụi nó tới gần quá rồi!

– Bắn như bài đã học!

– Dạ!

“Bài đã học” là, khi chạm trận, người ở giữa sẽ bắn 30° trái, rồi bắn 30° phải, còn hai tay súng bên cạnh thì người bên trái bắn về bên phải, người bên phải bắn về bên trái, hai lần đạn sẽ giao nhau. Những tên địch xuất hiện trong xạ trường trước mặt chắc chắn sẽ chết.

Máy truyền tin của tôi có cần ăng-ten cao nên dễ dàng liên lạc với 825 và trung đội đóng trên Bù Row, nhưng tai tôi không nghe được tiếng súng nổ.

Bẵng đi mười phút, là tiếng Hạ sĩ Tuấn vừa thở hỏn hển vừa nói:

– Trình Thái Sơn! Em hạ được ba con! Thu ba AK47! Em đã về tới chân Bù Row!

– Tới Bù Row thì hết lo rồi! Đi chậm lại cho đỡ mệt!

Chiều đó tôi đãi mỗi chú của toán 825 một tô mì ăn liền Vị Hương và một chai la ve. Ba chàng Viễn Thám này đều ở cùng quê Bình Định nên thân thiết với nhau lắm. Ông Tàu Hỷ chủ Câu Lạc Bộ tiểu đoàn lục ngăn kéo lấy ra 15 nghìn đưa cho Thiếu úy Lý Ngọc Châu. Chú Châu thay mặt tôi trao cho mỗi Viễn Thám viên 5 ngàn. Đây là thông lệ, tôi đề ra, cho mỗi khẩu súng chiến lợi phẩm là 5 ngàn, bất kể súng lớn hay súng nhỏ.

Ngày đánh Đạo Trung, tiểu đoàn thu được nhiều chiến lợi phẩm hơn, nhưng do công của đồng đội, nên tôi chỉ cho lệnh ông Tàu Hỷ mua cho mỗi người một bao thuốc lá Quân Tiếp Vụ gọi là hút cho “lấy hương lấy hoa” chứ thưởng theo cái giá 5 nghìn một khẩu súng thì Câu Lạc Bộ bị lủng vốn mất.

Thời gian này Tiểu Đoàn 82 có nhiều người trùng tên lắm. Ông Đại úy Ngũ Văn Hoàn cầm quyền sổ điểm danh vừa cười vừa nói với tôi:

– Tui đố ông biết trong tiểu đoàn này tên gì là nhiều nhất?

Tôi đáp liền:

– Tuấn! Mình có bốn thằng Tuấn!

– Sai rồi! Tên Hoàng (Hoàn)! Mình có năm tên Hoàng! Tui đọc tên cho ông nghe nhé: Ngũ Văn Hoàn, Huỳnh Kim Hoàng, Nguyễn Phụng Hoàng, Lưu Đức Hoàn, và Phan Thành Hoàng...

– Ông làm rồi! Hoàng có “G” khác với Hoàn không có “G”. Như vậy mình chỉ có ba “Hoàng” và hai “Hoàn” thôi.

– Vậy tui đố ông, mình có mấy tên Phước.

Tôi trả lời không cần suy nghĩ:

– Mình có ba ông tên Phước là, Trần Văn Phước, Lê Văn Phước, và Nguyễn Hữu Phước!

– Ông sai rồi! Còn thằng Bình nhì Phan Phước nấu cơm cho tui!

Lâu lâu, có dịp ngồi chuyện gẫu, tôi với ông Đại úy Hoàn hay trao đổi với nhau những đề tài chẳng đâu vào đâu, chẳng ăn nhập gì với nhau, nhưng cũng vì thế mà vài chục năm sau, tôi còn có thể hình dung ra mặt thằng Tuấn Nhí ở Đại Đội 4/82 như thế nào, mặt thằng Triệu Tân ra làm sao, và trên cổ thằng Liêu Chí Cường có cái khăn màu gì, ai đã cho nó?

oOo

Cuối năm, đầu năm...

Hai ngày lễ quan trọng đi qua, tình hình thật là yên. Sáng sớm 26 tháng 12 tôi lên xe phóng về Ban Mê Thuột. Ngày mai, 27 tháng 12 là kỷ niệm 4 năm ngày cưới của vợ chồng tôi, nhưng tôi lại không dám giao đơn vị cho người khác trông coi, nên tôi báo cho vợ tôi biết rằng tôi sẽ về đón nàng và hai đứa con gái lớn lên Kiến Đức chơi vài bữa.

Xế chiều 26 tháng 12 năm 1974 xe của tôi về tới tiểu đoàn. Hai đứa bé thấy mấy bụi hoa móng tay ở trước cái lều tranh thì thích lắm, cứ quanh quẩn bên các chậu hoa. Các chú lính trong đội cận vệ cũng thích hai đứa bé, cứ tíu tít hỏi han:

“Hai cháu có thích kẹo không? Hai cháu có thích bông móng tay không?” – “Cháu lớn mấy tuổi rồi? Cháu bé mấy tuổi rồi?”

Chắc nhìn thấy hai đứa con tôi, mấy chú lính cũng thấy nhớ con của họ, gia đình họ còn ở Pleiku! Chúng tôi xa Pleiku đã hơn ba tháng rồi!

Chiều 27 tháng 12 tôi chở vợ và hai đứa con đi thăm cái đập đá nằm cách quận Nhơn Cơ nửa cây số về hướng Đông. Mấy cô gái Thượng giặt áo quần dưới suối thật là hiếu khách, giơ tay vẫy chào hai cô du khách tí hon. Hai cháu bé thấy thế cũng giơ tay cười đáp lại. Cảnh đang vui thì cái loa truyền tin trên xe oang oang tiếng của đài Tam Quái đặt trên núi lửa Đức Lập:

– Thái Sơn đây Tam Quái!

– Thái Sơn nghe!

– Trình Thái Sơn! Ông cụ Trung tá Bồ vợ của Thái Sơn vừa vào tiền cứ gọi cho tụi em để thông báo cho Thái Sơn một câu nhắn nguyên văn như sau: “Tụi mày mau báo cho vợ chồng nó biết, đứa con gái út của chúng nó bị ỉa chảy cả ngày, cả đêm! Nếu vợ nó mà không về thì chắc con bé chết mất đây!”

Thế là hết vui. Chúng tôi quay về đồn. Đêm đó pháo binh và súng cối không bắn phát nào nên hai cháu bé ngủ ngon. Vợ chồng tôi lại lo lắng, thức trắng, chỉ mong trời mau sáng. Cháu bé Tiên Giao đang ở nhà với ông bà ngoại, nó vừa dứt sữa mẹ, tập uống sữa bột SMA. Chắc nó chưa quen uống sữa bột nên bị đau bụng.

Trưa 28 tháng 12 vợ chồng tôi và hai đứa con về tới nhà. Bé Tiên Giao vừa thấy mẹ đã khóc oà, rồi rúc vào ngực mẹ. Vợ chồng tôi vội chở cháu Tiên Giao vào hậu cứ Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân để nhờ Bác sĩ Thại chữa trị cho cháu. Hôm đó chỉ với một liều thuốc Cloramphenicol cháu Tiên Giao đã qua cơn nguy kịch. Từ ấy, vợ tôi không dám để bé Tiên Giao rời xa mẹ nữa.

Sau khi tái huấn luyện, Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân trở về thay thế cho Tiểu Đoàn 89, tôi không còn lo theo dõi tình hình hướng Nam nữa. Ông Thiếu tá Hoàng Đình Mẫn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân nhận lệnh trực tiếp từ liên đoàn và chỉ giữ liên lạc hàng ngang với tôi thôi.

Những ngày đầu năm 1975 tôi cứ thấy bồn chồn lo lắng vô cớ.

Tôi liên tục xin Tiểu Khu Quảng Đức ưu tiên cho tôi mỗi ngày một chiếc L19 để tôi đích thân quan sát vùng trách nhiệm, thay vì giao việc này cho sĩ quan điều không tiền tuyến của tiểu khu. Tôi đã bay liên tục nhiều ngày trên trời Bù Bình, Kiến Đức, Bù Bông mà không thấy gì nghi ngờ. Nhưng tôi lấy làm lạ là, mỗi khi tôi bay chéch về hướng Tây, giáp ranh Cam Bốt, hay hướng Nam, giáp ranh Vùng 3 Chiến Thuật thì máy bay của tôi chạm phải phòng không của địch ngay.

Tôi báo cáo chuyện này cho liên đoàn, liên đoàn chuyển tiếp tin này cho tiểu khu. Vì chuyện này, tôi bị thượng cấp khuyến cáo rằng đừng dính dáng tới chuyện của Vùng 3

làm gì, hãy lo hoàn thành nhiệm vụ của mình trước đã. Đâu ngờ, chỉ một tuần lễ sau, tôi nghe tin Phước Long thất thủ. Nhiều Quân, Cán, Chính của tỉnh Phước Long đã lẩn trốn trong rừng, rồi chui ra Quốc lộ 14 để tìm về với đơn vị bạn. Trong số những người mà tôi đã tiếp cứu ngày đó có ông Thiếu tá Nguyễn Văn Tư, Trưởng ty Cảnh Sát tỉnh Phước Long.

Sau khi Phước Long rơi vào tay Cộng quân, tôi bị đưa vào thế lương đầu thọ địch, hướng Bắc là Trung Đoàn 271 Việt cộng đã hiện diện từ lâu, hướng Nam lực lượng địch chắc chắn lớn hơn nhiều. Địch bắt đầu chuyển binh bao quanh vùng Tây Quảng Đức với tốc độ thực là nhanh. Từ đỉnh những ngọn đồi vùng Tây–Bắc, chính Bắc, và Đông–Bắc của tiền đồn Bù Row đã xuất hiện ít nhất là mười vị trí 12.7ly. Thời gian này tình hình vùng Đức Lập và Tây Ban Mê Thuật lại rất yên tĩnh.

Bỗng một hôm Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư Đoàn 23 Bộ Binh đã ghé Kiến Đức thăm tôi. Đại tá Quang nói rằng, ngày nào ông cũng có một phi tuần A37 hoặc F5 dự trữ, nếu tôi cần thì ông sẵn sàng chia sẻ.

Tôi thắc mắc:

– Đại tá yểm trợ thẳng cho tôi có làm phật lòng Đại tá Nghìn không?

Đại tá Quang lắc đầu:

– Không sao đâu! Anh cho chú toàn quyền, muốn đánh đâu thì đánh! Nhưng đừng cho thằng Nghìn biết!



Sau này tôi tìm hiểu được lý do vì sao Đại tá Vũ Thế Quang lại cho tôi những phi tuần oanh tạc mà không thông báo cho Đại tá Phạm Văn Nghìn. Chỉ vì thời gian này Đại tá Quang có một cánh quân nằm trong Chi Khu Đức Lập, đó là một nửa Trung Đoàn 53 của Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Xung quanh Đức Lập chưa có chỉ dấu nào của địch, nhưng ông Đại tá Tư lệnh phó Sư Đoàn 23 Bộ Binh có đầy đủ tin tức kỹ thuật trong tay. Ông đã biết địch đang tăng cường quân số vùng Bắc Kiến Đức. Lực lượng địch tập trung ở đây càng nhiều thì quân của Sư Đoàn 23 Bộ Binh càng bị đe dọa. Chỉ sau vài giờ động binh, chúng có thể có mặt ở Đức Lập rồi. Kẹt một điều là vùng Bắc Kiến Đức lại nằm trong tay Đại tá Phạm Văn Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức. Ông Nghìn không thích đánh nhau, nếu ông Quang có giao những phi tuần oanh tạc cho ông Nghìn, thì chưa chắc ông Nghìn đã chịu nhận. Vì thế ông Quang đành lén giao bom đạn cho tôi. Có bom đạn trong tay, tôi sẵn sàng, vui vẻ, thay quân của Đại tá Quang ngăn cản quân địch từ xa, không cho chúng tiến về Đức Lập.

Trung tuần tháng Giêng năm 1975, ròn rã suốt một tuần lễ, trưa nào tôi cũng ngồi sau lưng ông phi công thám thính, bay trên trời cả tiếng đồng hồ. Hầu như ngày nào chúng tôi cũng bị phòng không bắn. Ông phi công hình như không nghe tiếng đạn réo, hoặc là ông ta quá lỳ?

Đại liên phòng không nổ liên tục mà ông ta cứ tỉnh bơ! Tôi thì cứ nghe “Choác! Choác! Choác!” là thấy lạnh gáy. Chiếc máy bay thì nhẹ tênh, nếu trúng một viên phòng không chắc nó rách toang thành từng mảnh?

Sau năm ngày, với năm phi tuần, mười phi xuất, chúng tôi đã khoá mồm được vài khẩu 12.7ly. Nghỉ khỏe được hai ngày, chúng tôi bay trở lại. Hôm đó trời trong xanh, tôi nhìn thấy trên đường Quốc lộ 14, cách Kiến Đức chừng mười cây số về hướng Bắc có một vật lạ, với cảnh lá ngụy trang. Tôi chỉ cho ông trung úy phi công:

– Đánh theo hướng Bắc–Nam thì dễ trúng mục tiêu hơn, nhưng đánh theo hướng Đông–Tây thì an toàn hơn!

Ông pilot chọn hướng đánh Bắc–Nam, “Ùm! Ùm!” hai quả bom đánh trật! Bụi đất bay lên cao. Phút sau, hai chiếc F5 lại lao xuống! “Ùm! Ùm!” Một quả bom rơi trúng mục tiêu! Đó là một xe Molotova chở đạn. Xe bốc cháy, đạn trên xe phát nổ, lửa khói chói lòa. Bỗng đâu, tôi tối tăm mặt mũi, hoa đặng nổ rợp trời trên đầu tôi! Từ vùng rừng cây hướng Tây, đạn phòng không 37ly của địch đua nhau nổ hoa “Bụp! Bụp! Bụp!”

Hai chiếc oanh tạc cơ bay vút lên cao rồi biến mất trong vùng mây trắng hướng Bắc. Chiếc L19 dạt về Nam rồi đáp xuống phi trường Nhơn Cơ, chiếc xe Jeep của tiểu đoàn đang chờ ở đây để đưa tôi về đồn Kiến Đức. Bẵng đi mấy ngày không có không yểm, một hôm, tôi đang ngồi trên lô cốt theo dõi Đại Đội 1/82 thực tập tác xạ súng chống tank

XM202 thì được anh phi công L19 báo cho biết sẽ có hai phi xuất F5 tới yểm trợ cho Kiến Đức.

Tôi yêu cầu:

– Target (mục tiêu) là khe suối nằm sát Quốc lộ 14 cách đỉnh Bù Row 1 cây số về hướng Bắc. Phòng không của địch di động dọc Quốc lộ 14. Trục đánh an toàn là từ Tây sang Đông.

Tiền đồn Bù Row vừa thả một trái khói vàng theo yêu cầu của Không Quân thì phòng không của Việt cộng đã nổ rền trời. Chiếc L19 đã thấy vị trí chính xác của những cây 12.7ly đang nhả đạn, nên lập tức, nó phóng ra một trái rocket. Khói trắng bốc lên! Hai chiếc F5 theo nhau chúc xuống khu rừng cây xanh. Từ xa, tôi nhìn rõ những cột khói của những trái bom mới nổ. Bất ngờ, tôi thấy những tia đạn lửa 12.7ly đan nhau, rồi một chiếc dù bung ra từ một chiếc F5! Chiếc máy bay bốc cháy trước khi đâm đầu xuống đất.

Giờ này gió đang thổi từ Đông–Bắc xuống Tây–Nam. Chiếc dù lững lờ bay. Vài phút sau, cánh dù hạ xuống khu đồng tranh và bãi sậy, vùng hướng Tây, cách Kiến Đức chừng năm cây số. Tôi vội ra lệnh cho Trung úy Trần Văn Phước đem Đại Đội 3/82 và một toán Viễn Thám xuống núi trực chỉ hướng Tây để cứu bạn. Cũng lúc này có tiếng trực thăng từ Nhơn Cơ. Tôi được thông báo rằng Trung tá Hoàng Kim Thanh đang trên đường bay tới chỗ tôi. Trực thăng đáp trên Tỉnh lộ 344, tôi xách cái máy PRC25 leo lên đứng sau ghế của người hoa tiêu chính.

Tôi chỉ cho ông phi công vùng chiếc dù mới đáp xuống. Chiếc L19 và chiếc C&C bay vòng vòng hồi lâu mà không thấy dấu vết gì của anh phi công lâm nạn. Khoảng nửa giờ sau một hợp đoàn gồm 2 chiếc UH1 và hai trực thăng võ trang xuất hiện. Trong đó có một chiếc là trực thăng tản thương.

Vương Mộng Long

(còn tiếp...)

Kỳ 8 & Hết
Đường về Gia Nghĩa
Vương Mộng Long

Sau khi chiếc L19 đảo cánh trên một khu rừng tranh ra đầu, lập tức chiếc tải thương hạ xuống khẩn cấp. Biệt Đội Trục Thăng 259–B Tản Thương và Tìm Cứu đã hoàn thành công tác một cách vô cùng nhanh nhẹn và gọn gàng. Không rõ do lệnh của giới chức nào, mà anh pilot lâm nạn không được chở đi luôn, mà lại bị thả xuống phi trường Gia Nghĩa. Tôi và Trung tá Hoàng Kim Thanh cũng đáp xuống đây.

Anh trung úy phi công F5 chỉ bị sây sát nhẹ, máy móc truyền tin dùng để phát tín hiệu kêu cứu của anh đã bị hư, nhưng nhờ tấm banner màu da cam mà L19 đã phát hiện ra anh ta. Chiếc C&C của tôi không được biết chuyện này, vì ông phi công L19 sợ rằng chúng tôi sẽ bay vòng vòng trên đầu, làm lộ vị trí của người bị nạn.

Ở phi trường có sẵn chiếc Jeep của Trung tá Hoàng Kim Thanh. Tôi mượn chiếc xe này để chở anh pilot F5 ra quán hủ tiếu của bà già người Tàu, ngoài chợ Gia Nghĩa. Ăn uống xong, chúng tôi chia tay, anh bạn Không Quân trở lại phi trường, tôi về Kiên Đức.

Từ ngày đó tôi không còn được Đại tá Quang chia sẻ những phi tuần dự trừ nữa. Bẵng đi ít bữa, ông trung tá Liên đoàn trưởng cho tôi hay, ông nghe đồn rằng, tháng trước anh pilot F5 này đã bị phòng không Việt cộng bắn hạ ở Phước Long, nên An Ninh Quân Đội nghi ngờ anh ta đã “phá tàu” vì lạnh căng, chứ không phải máy bay của anh ta bị địch bắn trúng.

Vài ngày kể đó tôi bị gọi về Gia Nghĩa để gặp mặt người thiết lập bản tường trình ủy khúc vụ chiếc F5 lâm nạn. Ông ta đưa cho tôi một tờ phụ bản. Trên đó có cái tiêu đề được đánh máy dòng chữ: Ý kiến của nhân chứng Vương Mộng Long.

Cuối tờ giấy cũng có dòng chữ: Chữ ký và ngày tháng.

Nhìn vào bản phúc trình, tôi thấy những nhân chứng khác đều có ý kiến và chữ ký ngay trong hồ sơ. Tôi là nhân chứng quan trọng nhất, tại sao người ta bắt tôi phải ký phụ bản? Tôi biết chắc chắn rằng, nếu tôi ký tên vào cái phụ bản ấy, thì nó sẽ bị người ta vứt đi mất tăm, mất tích.

Cái lon trung úy của anh phi công sẽ bị người ta lột mất vì tội “phá tàu”. Lương tâm đã không cho phép tôi toa rập với những mưu đồ ti tiện như thế! Tôi có nhiệm vụ phải bảo vệ đồng ngũ của tôi! Tôi nói với ông Thiếu tá Sĩ Quan An Ninh:

– Tôi muốn ghi ý kiến và ký tên trên chính bản, không phải trên phụ bản đính kèm.

Kèo nài vài phút, thấy tôi nhất mực giữ vững lập trường, ông ta đành nhượng bộ, cho tôi ghi vào khoảng trống dưới tên nhân chứng cuối cùng. Tôi đã viết:

“Thiếu tá Vương Mộng Long xác nhận rằng: Tôi đã tận mắt nhìn thấy chiếc F5 bị phòng không 12.7ly của Việt cộng bắn cháy và rơi tại tiền đồn Kiến Đức”

Lời khai của tôi hoàn toàn trái ngược với những lời khai của những nhân chứng khác. Những nhân chứng này làm việc ở văn phòng và trong hầm của Trung Tâm Hành Quân của Tiểu Khu, họ nhìn thấy chiếc F5 rơi theo cách nhìn riêng của họ.

Tôi thừa hiểu rằng ở Sài Gòn người ta không tin có chuyện phòng không địch “dám” bắn hạ một cái oanh tạc cơ F5 trong vùng trời Quảng Đức đang thời kỳ “hoàn toàn yên tĩnh” như những bản tin hàng ngày được ông tỉnh trưởng báo về. Nếu anh bạn phi công F5 ngày đó còn sống, nếu anh ấy đọc được những dòng chữ này, chắc anh ta sẽ nhớ lại câu chuyện cổ tích xảy ra ở Kiến Đức năm nào. Cũng nhân dịp viết hồi ký này, tôi gửi lời cảm ơn tới các bạn Không Quân đã giúp tôi cứu mạng anh bạn F5 lâm nạn trong lúc bay yểm trợ cho tôi. Cảm ơn ông Biệt đội trưởng, Đại úy Trịnh Viết Hảo, và các ông Đại úy Mai Văn Khánh, Đại úy Nguyễn Văn Ninh, Đại úy Cát Mad (Mad=Điên) cùng các bạn khác trong Biệt Đội 259B Tản Thương và Tìm Cứu.

oOo

Hạ tuần tháng 1 năm 1975 khi màn đêm buông xuống, thì sương mù cũng giăng kín núi đồi, vàng trăng khuyết cũng ẩn vào trong mây. Tôi cứ lo địch lợi dụng bóng đêm để chuyển quân từ Bắc xuống Nam rồi cắt đứt Tỉnh lộ 344, cô lập Kiến Đức. Đêm nào tôi cũng cho tiểu đoàn thức giắc, báo động nửa khuya. Tôi căn dặn đàn em, mỗi lúc hỏa châu soi thì mình chỉ nhìn ra một hướng cố định, gắng sức ghi nhớ hình ảnh trước mắt mình, tới lúc trái châu kế tiếp soi sáng, mình sẽ nhận ra những đồi thay nếu có.

Thói thường, khi trái hỏa châu vừa kích hỏa trên trời cao, nghe tiếng “Bóc!” địch sẽ dừng lại, ngòì im. Khi hỏa châu vừa tàn, chúng sẽ tiếp tục di chuyển. Bởi vậy, trong thị trường của ta sẽ thấy rõ những thay đổi xảy ra trong khoảng thời gian giữa hai trái hỏa châu. Hai giờ khuya, tôi và Trung úy Trâm đứng bên hồ đại liên của Đại Đội 3/82. “Bóc!” một hỏa châu vừa tỏa sáng. Anh xạ thủ đại liên nắm chân Trung úy Trâm rồi chỉ về hướng trước mặt:

– Trung úy ơi! Lúc trái hỏa châu trước soi sáng, em thấy bên góc cây có cái gì giống như một bó rom. Tới lúc trái hỏa châu này sáng lên thì bó rom biến mất!

Tôi ra lệnh:

– Bắn!

Thế là khẩu M60 nả đạn, súng từ bên trái, bên phải cũng nổ rền theo. Hỏa châu tiếp tục soi sáng. Pháo binh Điện Địa ở Nhơn Cơ cũng bị tôi đánh thức, bắn mười tràng trên hỏa tập dự trữ nằm dưới thung lũng. Tôi ra lệnh bắn, chỉ vì “bó rơm” làm gì có chân mà biết đi? Sáng hôm sau tôi cho người vào khu đồng tranh sát rào Đông của căn cứ để kiểm tra trận địa.

Kết quả, không có khẩu súng nào bỏ lại, trên mặt đất có ba tên Việt cộng chết, thân mình được phủ bằng những tấm vải dù. Dưới ánh trăng hay dưới ánh sáng hỏa châu, thì màu của vải dù cũng đồng màu với cỏ tranh, cỏ lau. Hóa ra, bó rơm mà anh xạ thủ đại liên nhìn thấy đêm qua lại là một thằng Việt cộng! Những ngày sau, tình hình mặt trận Tây Quảng Đức hoàn toàn yên tĩnh. Tình hình yên tĩnh không có nghĩa là ta cứ yên trí nằm khoèo mà ngáy ro ro hay ngồi nhâm nhi trước bàn tiệc rượu hằng giờ.

Tôi đã biết rằng trong trận Phước Long, chiến xa Việt cộng đã đóng một vai trò rất quan trọng. Do đó, việc huấn luyện các toán chống tank đã được tôi coi như mỗi ưu tư hàng đầu. Anh bạn Đại úy Hoàng Kinh Ngũ, sĩ quan tiếp liệu, tiếp vận của tiểu khu thấy tôi vét hết số hỏa tiễn XM202 và M72 tồn kho của tiểu khu mang về Kiến Đức huấn luyện cho lính, nên đã cảm ràm:

– Ông thâu hết XM202, và M72, không chừa cho ai khẩu nào, nếu chiến xa Việt cộng mà chạy vào đây, thì tụi tôi lấy gì mà bắn?

Nghe vậy, tôi bèn trấn an anh bạn:

– Đừng có lo! Trước khi xe tank Việt cộng có mặt trước cửa văn phòng của ông thì chúng nó phải đi qua Kiến Đức.

T54 có thể làm mưa, làm gió ở Phước Long, nhưng không thể qua nổi cửa ải Kiến Đức đâu!



oOo

Xuân Ất Mão ở Quảng Đức

Thời gian cuối năm Giáp Dần, thành phố Gia Nghĩa vui nhộn hẳn lên. Hết hội hè này tới đình đám khác. Đêm nào anh em sĩ quan của Tiểu Khu Quảng Đức và của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân cũng mở tiệc vui chơi, nhảy đầm cho tới khuya. Sĩ quan của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân nghe nói người ta vui quá, nên cũng ngửa chân, ngửa cẳng, cứ nài nỉ tôi cho phép các chú ấy về Gia Nghĩa nhập cuộc thi tài, lả lướt, Rumba, Mambo, Cha Cha Cha, Tango, Slow... Tôi cũng thông cảm, nên cho các ông sĩ quan trẻ luân phiên nhau về phố, nhưng mỗi anh chỉ được một đêm thôi.

Thấy cù rú mãi, mà tôi không chuyển lòng tham gia hội hè, ông Trung úy Trâm và ông Trung úy Pháo đội trưởng bèn đem xe ra phố chở về đồn một tiểu đội nữ sinh trung học đẹp như hoa. Các cô yêu lính lắm, nên tình nguyện ra tiền đồn hát cho lính nghe. Tôi còn nhớ, ngày đó bản Pop Rock “Beautiful Sunday” của Daniel Boone đang rất thịnh hành:

*Hi hi hi, beautiful Sunday
This is my my my beautiful day
When you said said said that you loved me
Oh my, my, my it's a beautiful day...*

Tạm dịch:

Xin chào một ngày Chủ Nhật tuyệt vời.

*Đây là ngày đẹp của tôi.
Khi em nói với tôi rằng em yêu tôi.
Ôi trời! Một ngày đẹp tuyệt vời...*

Các cô nữ sinh cứ đua nhau, hát đi, hát lại bài này cả chục lần... Các cô chia nhau ra từng toán nhỏ, đi tới tận đỉnh đồi, cuối dốc, để hát cho lính tiền đồn nghe. Tôi thấy cả tiểu đoàn mà chỉ có hai cây guitar theo chân hai tốp ca đã xuống núi tới Đại Đội 4/82. Trên đồi còn hai tốp ca khác không có nhạc đệm, nên tôi ra khu súng cối kiểm ông nhạc sĩ cận thị Phan Thành Hoàng:

– Ê! Hoàng! Chú mi mau mau đem guitar ra đệm cho tốp ca của cô áo tím đang hát cho khu gia binh! Lẹ lên!

Anh chàng nhạc sĩ cận thị đỏ mặt, ấp úng:

– Trình Thiếu tá! Em là dân guitar Vọng Cổ. Em có biết tân nhạc đâu mà đệm cho mấy cô?

Nghe chú Hoàng trả lời tôi cũng ngán người ra:

“Ồ!...”

Nào ngờ những câu đối đáp của tôi và chú Hoàng lọt vào tai các cô ca sĩ, thế là các cô vội vàng bu quanh hầm súng cối, rồi nhao nhao lên,

– Thiếu tá nói với anh này ca cho tụi em nghe vài bài Vọng Cổ đi! Thiếu tá!

Tôi ra lệnh cho anh chàng nhạc sĩ Vọng Cổ của đơn vị:

– Các cô em gái hậu phương đã hát cho Biệt Động Quân nghe rồi, giờ này tới phiên chú Hoàng phải đáp lễ cho các cô!

Ngay khi ông nhạc sĩ cận thị vừa dạo đầu hai tiếng “Tung!Tung!” là tôi tìm đường lui, chạy vào hầm hành quân ngay.

Tôi sợ Vọng Cổ lắm!

Tới chiều hôm đó phái đoàn ủy lạo chiến sĩ mới lên xe về phố, hẹn sang năm sẽ tới thăm chúng tôi lần nữa. Thế là Tết này các chú tân binh được một ngày vui, hết nhớ nhà, vì được người hậu phương tới tận chiến hào hát cho nghe. Tôi thấy, ở tiền đồn biên giới thì ngày nào cũng giống nhau, không phân biệt Chủ Nhật hay Thứ Hai, ngày nghỉ hay ngày thường. Bất cứ ngày nào không có đạn bom rơi, thì ngày đó cũng coi như là “Beautiful Sunday”

Đầu tháng 2 năm 1975 Đại úy Ngũ Văn Hoàn và Trung úy Trần Văn Phước xin phép tôi về Sài Gòn ít ngày để sắm Tết và thăm nhà. Đây là dịp để ông Hoàn thăm ông cụ thân sinh. Còn ông Phước thì về khoe cái lon trung úy tân thăng với bà con, đồng thời đi coi mắt mấy cô nữ sinh hàng xóm. Bố của chú Phước là ông Chiêm Tinh Gia Trần Cẩm, một thân hào, nhân sĩ rất có uy tín trong khu Phố An Bình, Chợ Lớn.

Sau ngày Ông Táo về trời thì ông Hoàn và ông Phước cũng trở về tiền đồn. Quà của ông Hoàn mang về biếu tôi là một hộp thiệp chúc Tết in hoa hòe, hoa sói, hoa mai, hoa đào, dùng để gửi cho bất cứ ai mà tôi ưa. Những tấm thiệp này được cung cấp từ nhà in trong Chợ Lớn của cụ Ngũ Văn Bằng, thân phụ của Đại úy Ngũ Văn Hoàn.

Trung úy Phước trình diện tôi với vẻ mặt lo lắng, không tươi:

– Thái Sơn vào lều, em có chuyện muốn nói riêng với Thái Sơn.

Tôi dắt Phước vào căn lều tranh, rồi nói với anh lính đứng gác:

– Thằng Ba Rõ canh cửa, không cho ai vào lều để tao với Trung úy Phước nói chuyện.

Phước mở cái cặp da, kéo ra một tấm bản đồ loại có tỷ lệ 1 trên 150 nghìn (1/150,000) đưa cho tôi rồi hỏi:

– Thái Sơn có quen dùng loại bản đồ này không?

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng vẫn trả lời:

– Bản đồ này thường dùng lúc đi bay. Anh không lạ thứ bản đồ này. Nhưng mình đâu cần nó?

Phước móc túi đưa cho tôi một cái bì thư:

– Thái Sơn coi cái này!

Trong bì thư là tờ giấy đánh máy một lệnh chuyển chuyên, với chữ ký của Thiếu tướng Đỗ Kế Giai, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân/Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Lệnh chuyển chuyên đó cho phép Trung úy Trần Văn Phước đáo nhậm đơn vị mới là Phòng 2 Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân/Trung Ương. Lệnh này có hiệu lực ngay ngày ký.

Chú Phước nhìn tôi rồi hạ giọng:

– Ba em quen thân với Thiếu tướng Giai. Ba em vừa xin, ông Giai chấp thuận liền. Ông cho phép em về làm việc với Trung tá Sáu ngay sau khi hết phép, không cần quay lại tiểu đoàn nữa.

– Sao Phước không ở trong đó luôn, còn về lại đây làm gì?

Phước lắc đầu:

– Em đâu phải phường vong ân bội nghĩa? Mặt mũi nào mà em bỏ Thái Sơn được?

– Thế còn cái bản đồ tỷ lệ 1 trên 150 ngàn thì để làm gì?

Tới đây Phước ra dấu cho tôi đừng nói nữa, rồi kéo tay tôi xuống căn hầm mà tôi dùng làm phòng riêng của Tiểu đoàn trưởng.

Phước cho tôi hay một tin tức mà tôi không thể tưởng tượng đó là chuyện thật.

Phước có một người anh làm việc trong Tòa Đại Sứ Mỹ.

Ông ta nghe nói Phước nhất định không chịu ở lại Sài Gòn sau khi hết phép, thì tới nhà trao cho Phước cái bản đồ này, cùng với lời khuyên:

– Nếu em không nỡ bỏ ông Long, thì em nói với ông Long rằng sắp tới đây, người ta sẽ bỏ Vùng 2. Thầy trò em phải chuẩn bị lương khô trên lưng, và có sẵn một cái bản đồ để đi từ Vùng 2 tới Vùng 3.

Tôi tin những chuyện mà Phước đã trải qua trong mấy ngày nghỉ phép là có thật. Nhưng tôi cứ thắc mắc về cái vụ ông nhân viên CIA của Tòa Đại Sứ Mỹ nói rằng quân ta sẽ bỏ Vùng 2, sao nghe mơ hồ và vô căn cứ quá!

Nghe chuyện này, tuy bụng tôi không tin, nhưng tôi cũng không dám hoàn toàn phủ nhận. Việc quốc gia đại sự quả là quá lớn lao, quá rắc rối và quá bí mật, ngoài tầm nhìn và tưởng tượng của một sĩ quan cấp thiếu tá như tôi. Tôi dặn chú Phước phải kín miệng không cho ai biết tin này, vì nói cho nhiều người biết, thì anh em trong đơn vị sẽ hoang mang ngay. Tôi đưa trả lại cho Trung úy Phước cái bì thư chứa tờ lệnh chuyển chuyển có chữ ký của Thiếu tướng Đỗ Kế Giai, rồi hỏi:

– Cám ơn Phước đã cho anh biết tin này. Bao giờ thì chú lên đường đáo nhậm đơn vị mới?

Phước trở mắt nhìn tôi:

– Ủa! Anh Hai nói cái gì lạ vậy?

– Anh muốn biết ngày nào chú từ biệt Tiểu Đoàn 82 để anh cho lệnh Câu Lạc Bộ mở tiệc tiễn chân chú!

Nghe tôi hỏi, Phước vội giơ cái bì thư lên, rồi xé nhỏ nó thành nhiều mảnh trước mắt tôi:

– Đã có lần em nghe Anh Hai chửi, “Em là một thằng hèn!” rồi. Từ đó cho tới chết, em không muốn nghe Anh Hai lặp lại câu đó lần thứ hai!

Tôi nhìn thấy hai mắt thằng em tôi đang đỏ lên dần dần, nó sắp khóc!

“Anh Hai” là biệt danh của tôi thời gian tôi chỉ huy những tay súng yêng hùng của Viễn Thám Biệt Động Quân/Quân Khu 2 tung hoành khắp núi rừng Vùng 2. Chỉ có những người mà tôi thân thiết lắm mới được phép gọi tôi là “Anh Hai”.

Tôi cười, vỗ vỗ nhẹ lên vai Phước:

– Đừng khóc! Anh biết thế nào chú cũng không bỏ anh!

Rồi tôi kéo tay Phước xuống Câu Lạc Bộ, tại đây chú Đặng Thành Học đang ngồi chờ tôi xuống thưởng thức món thịt nai xào lăn. Toán tuần tra hướng Nam của Đại Đội 1/82 vừa bắn được một con nai khá lớn đang đi ngu ngơ trên đường. Kỳ tiếp tế này, anh em trong đơn vị đề nghị không mua gà, mà dồn tất cả tiền thực phẩm tươi mua bốn con heo thật to để ăn Tết.

Khu nhà bếp trở thành cái chợ, với những tiếng người nói chuyện om sòm cùng tiếng heo kêu inh ỏi. Bên khu gia binh, các bà vợ lính cũng đang vây quanh một cái poncho, trên đó là một con heo nhỏ vừa bị xẻ thịt. Con heo nhỏ này do ông Tiểu đoàn trưởng xuất tiền của Câu Lạc Bộ mua tặng vợ con binh sĩ đã từ Pleiku, Ban Mê Thuột lên đây ăn Tết. Chiều cuối năm Giáp Dần, ngồi trên bờ đất của tiền đồn Kiến Đức đổi mất về phương Bắc, tôi tưởng tượng ra một căn nhà nhỏ ở đường Hàm Nghi, Ban Mê Thuột, trong đó có người vợ tôi yêu, cùng ba đứa con tôi.

Giờ này chắc vợ con tôi cũng nhớ tôi lắm? Giao Thừa tới chậm chậm... Có tiếng kinh cầu nguyện của các bà vợ lính vọng lên từ dưới đường Tỉnh lộ 344. Năm Ất Mão 1975 tôi đã đón chúa Xuân về trên một tiền đồn biên giới cực Nam của Vùng 2 Chiến Thuật. Hướng Bắc của tiền đồn này là một trung đoàn địch, hướng Nam còn có cả một sư đoàn của Cộng Quân. Nhưng tôi an tâm vô cùng, vì dưới tay tôi hiện thời có hàng trăm tay súng dũng mãnh, can trường.

Chuẩn úy Lê Văn Phước từ dưới Câu Lạc Bộ đi lên, trao cho tôi một tờ báo Xuân và một bó hoa của ông Cha Xứ gửi tặng đơn vị. Cầm bó hoa trên tay, quay mặt về hướng thành phố Gia Nghĩa, tôi thì thầm cho gió mang về hậu phương lời chúc đầu Xuân:

“Chúc đồng bào một năm mới an khang và thịnh vượng!”

Vương Mộng Long

Seattle tháng 12 năm 2020

nguồn: [hội quán phi dũng](#)



Nguồn: Internet eMail by tqh chuyển